

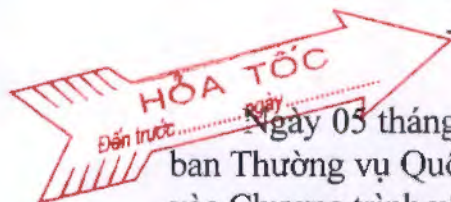
Số: **6572** /BKHĐT-ĐTNN

Hà Nội, ngày **14** tháng **8** năm 2023

V/v đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết  
áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu  
tư trong lĩnh vực công nghệ cao

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.



Ngày 05 tháng 8 năm 2023, Chính phủ đã có Tờ trình số 369/TTr-CP gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung một số dự thảo Nghị quyết của Quốc hội vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trong đó đối với dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được kiến nghị cho phép xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Quốc hội thông qua theo quy trình một kỳ họp Quốc hội (tại Kỳ họp thứ 6, tháng 10 năm 2023).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 727/TTg-QHDP ngày 06 tháng 8 năm 2023 về việc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chuẩn bị kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi tới Quý Cơ quan hồ sơ tài liệu<sup>1</sup> gồm:

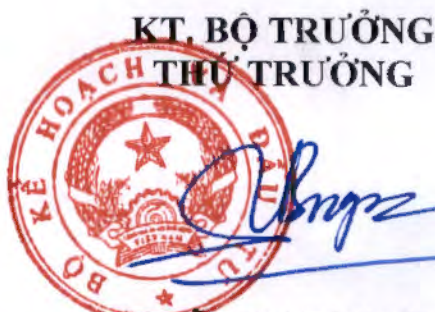
- (1) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao;
- (2) Đề án xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao;
- (3) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết.

Do thời gian rất gấp, trân trọng đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, rà soát, có ý kiến đối với hồ sơ tài liệu nêu trên và hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách cụ thể. Ý kiến bằng văn bản của Quý Cơ quan gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 17 tháng 8 năm 2023** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (bản mềm văn bản góp ý xin gửi về địa chỉ thư điện tử: [nguyenducanh@mpi.gov.vn](mailto:nguyenducanh@mpi.gov.vn)).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Cơ quan. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT Chính phủ, Công TTĐT Bộ KH&ĐT (để đăng tải lấy ý kiến);
- Bộ KHĐT: các Viện CLPT và NCQLKTTW và các Vụ: QLKKT, PC, TCTT (để có ý kiến);
- Lưu: VT, ĐTNN<sub>ĐA</sub>



**Nguyễn Thị Bích Ngọc**

<sup>1</sup> Các tài liệu liên quan trong đường link:

[https://drive.google.com/drive/folders/1rIK6yH7TDREssFdvcCGWYe4VVilYJ-i8?usp=drive\\_link](https://drive.google.com/drive/folders/1rIK6yH7TDREssFdvcCGWYe4VVilYJ-i8?usp=drive_link)

**QUỐC HỘI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: /2023/QH15

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao**

**DỰ THẢO**

**QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;*

*Trên cơ sở xem xét Tờ trình số .../TTr-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số .../BC-UB... ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban ..., Báo cáo số .../BC-UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp thu, chỉnh lý, giải trình về dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Nghị quyết này quy định việc áp dụng thí điểm các hình thức hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư lớn hoặc doanh thu cao, doanh nghiệp đầu tư dự án có quy mô vốn lớn hoặc doanh thu cao sản xuất sản phẩm công nghệ cao và doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

2. Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

3. Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

4. Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

**Điều 3. Hình thức hỗ trợ đầu tư**

1. Hình thức hỗ trợ đầu tư:

a) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

- b) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định và hệ thống công trình hạ tầng xã hội;
- c) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao;
- d) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

2. Phương thức hỗ trợ đầu tư: được căn trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

3. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều này.

4. Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều này.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổng kết thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp cuối năm 2028.

b) Rà soát, tổng kết, đánh giá, đề xuất sửa đổi bổ sung pháp luật có liên quan để thực hiện đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Trong thời gian thực hiện thí điểm, trường hợp Luật Đầu tư, Luật Ngân sách Nhà nước và các pháp luật liên quan khác được sửa đổi ban hành thay thế cho quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định đó.

2. Trong trường hợp có các điều khoản khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này và các luật hoặc nghị quyết khác của Quốc hội, các điều khoản của Nghị quyết này sẽ được ưu tiên áp dụng. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau ngày hiệu lực của Nghị quyết này có quy định các cơ chế và chính sách thuận lợi hơn so với Nghị quyết này thì việc áp dụng sẽ do Chính phủ quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa ....., kỳ họp thứ ..... thông qua ngày.....

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Vương Đình Huệ**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  
**TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THÍ ĐIỂM**  
**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG LĨNH**  
**VỰC CÔNG NGHỆ CAO**

(tài liệu kèm theo công văn số **6572** / BKHĐT-ĐTNN ngày **14** tháng 8 năm 2023  
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



## MỤC LỤC

<b>PHẦN I.....</b>	<b>2</b>
<b>XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>2</b>
<b>I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>2</b>
1. Việc hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu .....	2
2. Một số nội dung chính của Trụ cột 2 .....	4
2.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2.....	4
2.2. Về đối tượng áp dụng .....	4
3. Nhận xét .....	5
<b>II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>6</b>
1. Mục tiêu tổng thể .....	6
2. Mục tiêu cụ thể .....	6
<b>PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>7</b>
1. Xác định vấn đề bất cập: .....	7
2. Mục tiêu giải quyết vấn đề .....	11
3. Các giải pháp giải quyết vấn đề .....	11
4. Đánh giá tác động của các giải pháp.....	12
4.1. Giải pháp 1 .....	12
4.2. Giải pháp 2.....	12
4.2.1. Lý do lựa chọn các giải pháp.....	12
4.2.1.1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư .....	12
4.2.1.2. Về hình thức hỗ trợ đầu tư: .....	14
4.2.1.3. Về phương thức hỗ trợ đầu tư:.....	18
4.2.1.4. Về mức hỗ trợ đầu tư:.....	18
4.2.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2 .....	19
5. Kiến nghị giải pháp.....	30
<b>PHẦN III. Ý KIẾN THAM VẤN .....</b>	<b>30</b>
<b>PHẦN IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA.....</b>	<b>31</b>
<b>PHẦN V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....</b>	<b>31</b>
<b>PHỤ LỤC I. CƠ CHẾ ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM</b>	
<b>PHỤ LỤC II. TRỢ CẤP VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG THEO WTO</b>	



## PHẦN I

XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ,  
CHÍNH SÁCH

## I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

## 1. Việc hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,... đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,...) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia<sup>1</sup>, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: **(i)** một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...*); **(ii)** các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*); **(iii)** Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*),... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy” nhằm giảm thuế suất thu nhập doanh nghiệp (TNDN) về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Theo đó, OECD đã xác định ra 02 nhóm vấn đề quan trọng cần được giải quyết:

<sup>1</sup> Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm.

**Thứ nhất**, các quy tắc quản lý thuế hiện hữu chỉ cho phép lợi nhuận của một công ty nước ngoài bị đánh thuế ở nơi mà công ty đó có sự hiện diện vật lý. Tuy nhiên, trong thế giới số hiện nay, các doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động kinh doanh quy mô lớn ở các quốc gia mà không có hoặc có rất ít sự hiện diện vật lý tại những quốc gia này.

**Thứ hai**, hầu hết các quốc gia chỉ đánh thuế đối với thu nhập trong nước của các tập đoàn đa quốc gia của họ, theo đó không đánh thuế đối với các khoản thu nhập ở nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, các tài sản vô hình, như là thương hiệu, bản quyền và bằng sáng chế cũng như việc các công ty có thể chuyển lợi nhuận sang các quốc gia đánh thuế thấp hoặc không đánh thuế, dẫn đến lợi nhuận nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia đều không bị đánh thuế hoặc đánh thuế thấp.

Trước hiện trạng trên, Diễn đàn “Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận”<sup>2</sup> (Diễn đàn IF) đã tổ chức quá trình đàm phán giữa 139 nước thành viên về biện pháp đảm bảo các công ty đa quốc gia tuân thủ nghĩa vụ thuế, giảm bớt căng thẳng giữa các nước, củng cố sự ổn định của hệ thống thuế toàn cầu.

Ngày 05/6/2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “ít nhất 15%”.

Ngày 09/07/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế* (gọi tắt là Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu)<sup>3</sup>, bao gồm: (1) Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh)<sup>4</sup>; (2) Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” đã ban hành tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

Ngày 31/10/2021 tại Rome (Ý), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về giải pháp hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số do Diễn đàn IF công bố và kêu gọi Diễn đàn nhanh chóng

<sup>2</sup> Do OECD và G20 kêu gọi thành lập vào tháng 01/2016, Việt Nam là thành viên thứ 100 của Diễn đàn vào tháng 7/2017.

<sup>3</sup> Trước đó, Thỏa thuận Thuế tối thiểu toàn cầu đã nhận được sự ủng hộ của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và 133/139 quốc gia tham gia Diễn đàn Hợp tác chung thực hiện Các giải pháp Chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận.

<sup>4</sup> Cụ thể: cho phép các quốc gia (nơi các công ty đa quốc gia tạo ra doanh thu) đánh thuế một phần lợi nhuận (20 - 30% đối với phần lợi nhuận vượt trên biên độ 10%)

xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

## 2. Một số nội dung chính của Trụ cột 2

### 2.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2

*Một là*, nguyên tắc gộp thu nhập (Income Inclusion Rule – IIR)<sup>5</sup>: Cho phép các nước áp dụng mức thuế bổ sung với các công ty mẹ nếu thuế suất áp dụng trên lợi nhuận của các công ty con ở nước ngoài thấp hơn 15%.

*Hai là*, nguyên tắc đối với các khoản thanh toán chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Undertaxed payment rule – UTPR)<sup>6</sup>: Đây là nguyên tắc hỗ trợ (*backstop*) cho nguyên tắc gộp thu nhập IIR nêu trên. Cụ thể, cho phép một quốc gia từ chối khấu trừ thuế đối với các khoản thanh toán xuyên biên giới giữa công ty mẹ với các công ty con nếu các khoản thanh toán đó không chịu thuế ở mức thuế suất 15%.

*Ba là*, nguyên tắc quyền đánh thuế của nước nguồn (Subject to tax rule – STTR)<sup>7</sup>: cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này. Các khoản thanh toán này dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác.

Ba nguyên tắc cốt lõi nêu trên được phối hợp áp dụng chặt chẽ, nhằm đảm bảo thu nhập của các công ty đa quốc gia phải chịu mức thuế suất tối thiểu 15% cũng như cho phép nước có nguồn phát sinh thu nhập (thường là các nước đang phát triển) được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết.

### 2.2. Về đối tượng áp dụng

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét và dự kiến có hiệu lực từ năm 2024 tại một số quốc gia.

<sup>5</sup> Ví dụ: Một công ty của Hàn Quốc có công ty con hoạt động tại Việt Nam, Công ty con được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có thuế suất hiệu quả là 7%. Như vậy, mức thuế ở Việt Nam thấp hơn mức thuế tối thiểu là 8%. Do đó, Hàn Quốc sẽ yêu cầu công ty mẹ tại Hàn Quốc nộp phần 8% còn lại đối với phần thu nhập dưới mức thuế suất tối thiểu của công ty con tại Việt Nam.

<sup>6</sup> Ví dụ: Công ty mẹ của Hàn Quốc chỉ trả cho công ty con tại Việt Nam một khoản thanh toán, nhưng công ty con tại Việt Nam chịu thuế (7%), dưới mức tối thiểu thì công ty mẹ thực hiện các khoản thanh toán cho công ty con nêu trên sẽ không được khấu trừ khoản thanh toán đó vào chi phí hoặc phải điều chỉnh tương ứng lên (15%) đối với phần thu nhập của công ty con tại Việt Nam chưa chịu mức thuế tối thiểu. Theo đó, Việt Nam được quyền thu thuế ở mức tối thiểu (15%) đối với khoản thanh toán nêu trên.

<sup>7</sup> Ví dụ: Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Hàn Quốc quy định mức thuế suất với tiền bản quyền là 5%. Trường hợp công ty Việt Nam thanh toán tiền bản quyền cho một công ty tại Hàn Quốc, tuy nhiên, mức thuế danh nghĩa đối với thu nhập từ tiền bản quyền tại Hàn Quốc thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, thì Việt Nam có quyền đánh thuế bổ sung lên bằng mức tối thiểu (9%), mặc dù đã có quy định tại Hiệp định. Để thực hiện quy tắc này thì các nước phải tham gia Hiệp định đa phương.



### 3. Nhận xét

**3.1.** Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu có vai trò quan trọng trong việc cân bằng sự chênh lệch về quy tắc thuế giữa các nước, và là một sáng kiến có khả năng tái thiết lập các hoạt động hợp tác đa phương. Việc các nước thống nhất ban hành Thoả thuận thuế tối thiểu toàn cầu là xu hướng tất yếu nhưng mục tiêu triển khai các quy định mới sẽ còn phụ thuộc vào các nước thành viên (nhóm tích cực và nhóm bị tác động mạnh, như đã nêu ở trên).

Hiện nay, để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02/2/2023, OECD cũng đã công bố chi tiết bản hướng dẫn cuối cùng đối với chính phủ các nước về cách thức đưa thuế tối thiểu toàn cầu vào các văn bản luật<sup>8</sup>, theo đó tiến gần hơn tới việc thực hiện cải cách này vào năm 2024<sup>9</sup>.

**3.2.** Đến nay, Việt Nam đã thu hút ĐTNN từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác ĐTNN lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn ĐTNN vào Việt Nam<sup>10</sup>. Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn ĐTNN.

Việt Nam đã tham gia xây dựng, ủng hộ sáng kiến thuế tối thiểu toàn cầu. Do đó, những động thái phản đối, hoặc không tiếp tục tham gia quy tắc sẽ tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các quốc gia của công ty mẹ có quyền thu phần thuế tối thiểu đối với thu nhập của công ty con tại Việt Nam mà không cần phải đàm phán lại các điều khoản của Hiệp định với Việt Nam, trừ trường hợp Việt Nam và các quốc gia đó đạt được thỏa thuận song phương nhằm không thực thi các điều khoản của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

**3.3.** Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế tối thiểu toàn cầu là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động ĐTNN.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi khung pháp lý về thuế, ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế là hết sức quan trọng và cấp bách, trong khi vẫn đảm bảo được các lợi thế của Việt Nam trong thu hút đầu tư; đồng thời đối với các dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN mà có mức thuế suất hiệu quả thấp hơn 15% cần phải xem xét biện pháp bảo đảm đầu tư cho doanh nghiệp khi không còn được hưởng ưu đãi.

<sup>8</sup> <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm>

<sup>9</sup> <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>

<sup>10</sup> Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

**3.4.** Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể dẫn đến việc thu hẹp quy mô sản xuất, giảm cầu về lao động.

**3.5.** Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn ĐTNN có chọn lọc, chất lượng cao.

Đồng thời, nếu không sớm nội luật hóa để điều chỉnh mức ưu đãi thuế TNDN lên tương đương với mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%), Việt Nam sẽ không thu được phần thuế chênh lệch, các công ty đầu tư tại Việt Nam cũng không được hưởng các ưu đãi này vì sẽ bị các quốc gia của công ty mẹ thu.

**3.6.** Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đối diện với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn ĐTNN. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà ĐTNN sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

## **II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH**

### **1. Mục tiêu tổng thể**

a) Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;

b) Cần có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công

nghe mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

c) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

d) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hoà cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

đ) Phù hợp với quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

e) Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

## PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

### 1. Xác định vấn đề bất cập:

#### 1.1. Về pháp lý:

(1) Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

(2) Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

*(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục kèm theo)*

(3) Các hình thức hỗ trợ đầu tư<sup>11</sup> bao gồm: (i) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; (ii) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (iii) Hỗ trợ tín dụng; (iv) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; (v) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; (vi) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; (vii) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: “*Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này<sup>12</sup> đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.*”

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả

<sup>11</sup> Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

<sup>12</sup> Quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư.

*thi*, do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách *chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách* cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển<sup>13</sup>). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

## **1.2. Về ảnh hưởng của thuế tối thiểu toàn cầu**

(1) Thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) là sự thay đổi căn bản về cấu trúc thuế quốc tế, được thiết kế nhằm hạn chế việc giảm chuyển dịch lợi nhuận và cạnh tranh về thuế của các tập đoàn đa quốc gia và cạnh tranh “xuống đáy” về thuế của các quốc gia. Như đã báo cáo ở trên, trong khi các nước phát triển đang khẩn trương và chủ động áp dụng quy tắc này thì các nước đang phát triển đang cân nhắc kỹ lưỡng bài toán tăng nguồn thu (thông qua áp dụng cơ chế thuế tối thiểu nội địa bổ sung đạt chuẩn - QDMTT) nhưng vẫn phải đảm bảo tiếp tục cạnh tranh thu hút đầu tư (thông qua việc ban hành các hình thức ưu đãi mới phù hợp).

(2) Hiện nay, chính sách ưu đãi về tài chính của Việt Nam tập trung vào 03 lĩnh vực: (i) Ưu đãi về thuế TNDN, (ii) Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu và (iii) Ưu đãi về tài chính đất đai. Trong đó, ưu đãi về thuế TNDN sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy tắc tính thuế bổ sung thuế tối thiểu toàn cầu.

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế, trong đó gói ưu đãi thuế TNDN cao nổi bật đối với một dự án gồm: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Về cơ bản, điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế là phải đáp ứng tiêu chí về địa bàn ưu đãi, lĩnh vực ưu đãi, hoặc có quy mô lớn dựa trên vốn đầu tư kèm điều kiện về thời gian giải ngân, doanh thu hoặc lao động sử dụng.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, trong đó bao gồm các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN tối đa là miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế trong 13 năm, và thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của dự án.

<sup>13</sup> Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

Khi Trụ cột 2 được áp dụng với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15% (cho dù Việt Nam có lựa chọn áp dụng hay không), thì **ưu đãi** thuế TNDN đang áp dụng tại Việt Nam **sẽ không còn ý nghĩa**; dẫn đến Việt Nam sẽ không còn cạnh tranh trong thu hút, giữ chân các doanh nghiệp thuộc đối tượng này<sup>14</sup>.

(3) Bên cạnh phương án trợ cấp bằng tiền hoặc giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn, một số phương án khác có thể được cân nhắc như: áp dụng thuế suất thuế ưu đãi với mức 15% suốt đời dự án; khấu trừ thêm chi phí, hoặc ưu đãi các loại thuế khác (giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...). Tuy nhiên, các phương án này sẽ không mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh áp dụng Trụ cột 2 do việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tác động trực tiếp đến phương án tài chính của doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi theo thu nhập tại Việt Nam; đồng thời, số doanh nghiệp loại này tương đối nhiều, trong số đó nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư và lợi nhuận lớn (hàng tỷ đô la Mỹ). Trong khi đó, phương án ưu đãi các loại thuế khác là không đáng kể đối với tác động tài chính của thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu.

Các hình thức như tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế cũng sẽ không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp do về bản chất sẽ tác động vào thu nhập của doanh nghiệp và khi đó sẽ phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế tối thiểu toàn cầu.

#### (4) Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn ĐTNN

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn ĐTNN đầy tham vọng sẽ gặp thách thức rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)<sup>15</sup>.

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Năm 2023, World Bank dự báo triển vọng tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 1,7%, thấp nhất trong gần 3 thập kỷ qua; IMF đưa ra dự báo lạc quan hơn ở mức 2,9%, tuy nhiên, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. Bên cạnh đó, UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022 và có thể giảm hoặc đi ngang trong năm 2023 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

Thực tế tại Việt Nam, tình hình thu hút ĐTNN đã bắt đầu gặp nhiều khó

<sup>14</sup> Tùy vào thời gian hoạt động của dự án hoạt động, các dự án này đang hưởng các mức thuế suất ưu đãi khác nhau, tuy nhiên phần nhiều sẽ thấp hơn nhiều so với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15%. Theo đó, khi các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia của Công ty mẹ của các doanh nghiệp này áp dụng quy tắc Thuế tối thiểu toàn cầu, các doanh nghiệp này sẽ chịu thiệt hại nặng nề do phần Thuế bổ sung nộp tại quốc gia của công ty mẹ đối với phần chênh lệch giữa mức thuế suất hiệu quả khi đang hưởng ưu đãi tại Việt Nam và thuế suất tối thiểu 15%.

<sup>15</sup> Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

khăn trong giai đoạn qua, với tổng vốn ĐTNN năm 2022 đạt 27,72 tỷ USD, chỉ bằng 89% so với năm 2021<sup>16</sup> và bắt đầu thể hiện xu hướng giảm theo từng quý. Riêng tháng 1 năm 2023, vốn ĐTNN đăng ký đạt gần 1,69 tỷ USD, vốn thực hiện ước đạt 1,35 tỷ USD, giảm lần lượt 19,8% và 16,3% so với cùng kỳ năm 2022.

*(5) Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu*

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút (trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Nếu áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15%, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút ĐTNN.

Trên thực tế, trong thời gian qua, nhiều tín hiệu cho thấy rằng các tập đoàn, nhà đầu tư lớn đã bộc lộ quan điểm thận trọng đối với hoạt động đầu tư mới cũng như kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam vì một số lý do khách quan và chủ quan, trong đó có việc Việt Nam vẫn chưa có động thái rõ ràng về việc triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Ví dụ: *(i)* tháng 12 năm 2022, Tập đoàn LG (Hàn Quốc) tạm dừng kế hoạch đầu tư mở rộng nhà máy trị giá 5 tỉ USD tại Việt Nam; *(ii)* quá trình đàm phán chính sách kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ mở rộng đầu tư của Tập đoàn Intel (Hoa Kỳ); *(iii)* Tập đoàn GenX (Hoa Kỳ) tuyên bố tạm dừng hoạt động khảo sát và rút khỏi thị trường Việt Nam do gặp nhiều vướng mắc về chính sách. Ngoài ra, các nhà đầu tư Hàn Quốc như Samsung, SK, một số đối tác gia công sản xuất (OEM) của Apple và các nhà đầu tư Nhật Bản, vốn đã cẩn thận trong quá trình đầu tư, cũng bày tỏ quan điểm quan ngại rằng về khả năng mất đi sự hấp dẫn của môi trường đầu tư dẫn đến việc mất lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư, đồng thời mất đi khoản thu thuế hợp lý đáng kể nếu Việt Nam không có những quyết sách phù hợp để triển khai và ứng phó với các tác động của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD<sup>17</sup> hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp và đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN thấp hơn 15%, trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao (như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron...). Theo đó, tuy chỉ chiếm khoảng 1% số dự án nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này lại chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (đạt khoảng 131,3 tỷ USD). Với việc hưởng các ưu đãi thuế TNDN thấp hơn mức 15%, đây là các dự án có khả năng sẽ bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng. Do thuế tối thiểu toàn cầu sẽ chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu hợp nhất toàn cầu trên 750 triệu EUR, trong thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp cùng Bộ Tài chính để rà soát và có thống kê cụ thể về số

<sup>16</sup> Thời điểm các nước G20 tán thành thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu.

<sup>17</sup> (i) Từ 100 – 200 triệu USD: 184 dự án với tổng VĐTĐK đạt 24,3 tỷ USD; (ii) Từ 200 – 500 triệu USD: 108 dự án với tổng VĐTĐK đạt 30 tỷ USD; (iii) từ 500 triệu USD đến 1 tỷ USD: 18 dự án với tổng VĐTĐK đạt 11,16 tỷ USD; và (iv) trên 1 tỷ USD: 25 dự án với tổng VĐTĐK đạt 65,8 tỷ USD.

lượng các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

#### *(6) Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút*

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó<sup>18</sup>, về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa* với họ (vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc gia đặt trụ sở). Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

#### *(7) Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài*

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: **(i)** yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; **(ii)** việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; **(iii)** mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin; **(iv)** chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới<sup>19</sup>.

### **2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Áp dụng thí điểm cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao với mục tiêu: (i) thu hút các nhà đầu tư lớn, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài; (ii) giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế tối thiểu toàn cầu áp dụng; và (iii) chính sách hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải gây lãng phí ngân sách.

### **3. Các giải pháp giải quyết vấn đề**

**a) Giải pháp 1:** giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư mới

**b) Giải pháp 2:** áp dụng thí điểm cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao

- Áp dụng các chính sách hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng: (i) Doanh nghiệp có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (ii) Doanh nghiệp

<sup>18</sup> Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

<sup>19</sup> Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%.

công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm; (iii) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm; và (iv) Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

- Các hình thức hỗ trợ đầu tư: (i) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định và hệ thống công trình hạ tầng xã hội; (iii) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; và (iv) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

- Phương thức hỗ trợ đầu tư: được căn trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết.

- Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định nêu trên.

#### **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **4.1. Giải pháp 1**

Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như đã phân tích tại phần I.3 và II.2.2 nêu trên.

**(1) Tác động về kinh tế - xã hội:** Việc giữ các quy định như hiện nay không tạo ra sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư mới cũng như giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

**(2) Tác động về giới:** Không có tác động do không ban hành chính sách.

**(3) Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính do không ban hành chính sách.

**(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không có tác động do không ban hành chính sách.

##### **4.2. Giải pháp 2**

###### **4.2.1. Lý do lựa chọn các giải pháp**

###### **4.2.1.1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư**

Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì:



(i) Tiêu chí xác định doanh nghiệp cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được quy định tại pháp luật công nghệ cao<sup>20</sup> theo đó việc ưu đãi cho những đối tượng này sẽ không gây xáo trộn so với quy định hiện tại;

(ii) Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam<sup>21</sup> trong thời gian tới nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam về mặt dài hạn trong chuỗi cung ứng quốc tế nhằm đến việc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao made-in-Vietnam, đặc biệt trong các ngành nghề lĩnh vực công nghệ cao đang là xu hướng mới trên thế giới như bán dẫn. Ngoài ra khuyến khích, thúc đẩy việc đưa hoạt động nghiên cứu và phát triển về Việt Nam thông qua các trung tâm nghiên cứu và phát triển để nâng cao nền tảng công nghệ gốc, phát triển nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam.

(iii) Phù hợp với tính chất thí điểm và tính chọn lọc của chính sách để tập trung nguồn lực nhằm thu hút đầu tư vào một lĩnh vực ưu tiên, tránh ưu đãi dàn trải, tạo sự đột phá để đảm bảo vị thế cạnh tranh của Việt Nam, hạn chế tối đa tác động đến ngân sách nhà nước. Bản thân các sản phẩm và công nghệ thuộc lĩnh vực “công nghệ cao” theo Danh mục của Chính phủ cũng đã tương đối đa dạng, bao gồm cả các lĩnh vực về năng lượng như hydrogen, vật liệu, sinh học, v.v...theo đó đối tượng áp dụng vừa chọn lọc, lại vừa đủ phổ quát để khuyến khích đầu tư vào các sản phẩm, công nghệ tiên tiến.

Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng<sup>22</sup>, 12.000 tỷ đồng<sup>23</sup> và 30.000 tỷ đồng<sup>24</sup>. Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: (i) thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; (ii) khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư<sup>25</sup> (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>26</sup>. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam.

<sup>20</sup> Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; Thông tư 32/2011/TT-BKHHCN ngày 11/5/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2020/TT-BKHHCN ngày 28/9/2020)

<sup>21</sup> (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

<sup>22</sup> Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

<sup>23</sup> Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

<sup>24</sup> Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

<sup>25</sup> Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

<sup>26</sup> Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.

Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế tối thiểu toàn cầu được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

#### 4.2.1.2. Về hình thức hỗ trợ đầu tư:

(1) Việc lựa chọn các khoản chi phí được hỗ trợ dựa trên một số tiêu chí sau:

*Một là*, các khoản chi phù hợp với mục tiêu của chính sách thí điểm hỗ trợ đầu tư cho ngành công nghệ cao, có tính đột phá, tập trung vào các chi phí thiết yếu trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao.

*Hai là*, các khoản chi mang tính hỗ trợ nguồn lực đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam về bản chất kinh tế, phù hợp với định hướng phát triển.

*Ba là*, các khoản chi hỗ trợ phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa trên tham khảo kinh nghiệm các quốc gia khác trên thế giới.

*Bốn là*, các khoản chi mang tính chọn lọc, phù hợp với tình hình ngân sách, tránh trùng lặp với các khoản hỗ trợ ưu đãi đã được bố trí nguồn kinh phí khác để thực hiện.

(2) 04 hình thức hỗ trợ đầu tư nêu trên được quyết định vì thỏa mãn các tiêu chí nêu trên, cụ thể:

- Phù hợp với mục tiêu chính sách: các khoản chi hoàn toàn phù hợp và mang tính thiết thực với các doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao, cụ thể:

+ Loại hình *(i)* hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và *(ii)* hỗ trợ nghiên cứu và phát triển: phù hợp với tình hình thực tế của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao phải chi trả các khoản chi phí để đào tạo, phát triển nhân lực, và thực hiện các hoạt động nghiên cứu phát triển.

+ Loại hình *(iii)* hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và *(iv)* hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: là các khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp, theo đó có tính khuyến khích, hỗ trợ thiết thực để doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh với lĩnh vực công nghệ cao. Đối với các hệ thống công trình hạ tầng xã hội thì người lao động sẽ được hưởng lợi nhiều hơn khi được đảm bảo về chất lượng đời sống sinh hoạt.

- Mang tính đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam: Các khoản chi phí đầu tư mang lợi ích kinh tế thực chất có thể bao gồm chi phí đầu tư vào các tài sản hữu hình như nhà xưởng, máy móc thiết bị, chi phí nhân công. Bản thân OECD trong quy định Trụ cột 2 cũng đưa ra khái niệm về khoản khấu trừ thu nhập theo hoạt động kinh tế thực chất (“SBIE” – Substance based income exclusion) được trừ ra khỏi thu nhập khi tính toán thuế nộp bổ sung. Như vậy, trường hợp Việt Nam có cơ chế ưu đãi chi phí đối với chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản hữu hình và chi phí phát triển nguồn nhân lực thì cũng sẽ phù hợp với tinh thần của OECD trong việc khuyến khích đầu tư thực chất nêu trên. Bên cạnh đó, việc

khuyến khích chi phí nghiên cứu và phát triển cũng hợp lý và phù hợp với định hướng phát triển chung của quốc gia.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới: Các quốc gia đang phát triển có tiền lệ ưu đãi theo chi phí có thể kể đến Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, bao gồm cơ chế về hỗ trợ chi phí đầu tư vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công nghệ và nghiên cứu phát triển, trong đó nổi bật là bộ 3 chính sách khuyến khích sản xuất điện tử của Ấn Độ, chính sách ưu đãi ngành xe điện của Trung Quốc, và chính sách theo Đạo Luật Tăng cường cạnh tranh của Thái Lan nhằm khuyến khích nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Các quốc gia phát triển cũng rất phổ biến hình thức đầu tư theo chi phí đối với nghiên cứu phát triển (như Vương quốc Anh, Ireland, Ba Lan, Pháp, v.v...), ưu đãi chi phí hoạt động, ưu đãi chi phí vốn (Ba Lan, Hungary, Singapore, v.v...). Như vậy 04 khoản chi phí được đưa ra theo Nghị quyết là hoàn toàn phù hợp và có tiền lệ áp dụng tại các quốc gia trên thế giới.

- Mang tính chọn lọc, phù hợp ngân sách, tránh trùng lặp các khoản chi đã có nguồn kinh phí hỗ trợ khác: 04 khoản chi phí được đưa ra có tính chọn lọc, sát với thực tế, dễ xác định và kiểm soát khi thực thi, theo đó giúp kiểm soát bội chi ngân sách. Trong khi đó, một số hình thức ưu đãi khác được đề cập tại Điều 18 Luật Đầu tư (ví dụ hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ tiếp cận mặt bằng hoặc hỗ trợ di dời; hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin) mang tính chất chung chung, khó xác định, có thể dẫn đến hỗ trợ đầu tư dàn trải gây tác động đến ngân sách; chi phí chuyển giao công nghệ thì đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, theo đó nếu đưa vào thì sẽ gây trùng lặp, ảnh hưởng đến ngân sách hỗ trợ. Do đó, đề xuất chỉ tập trung ngân sách đề hỗ trợ cho 04 hình thức (i) hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; (iii) hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và hệ thống hạ tầng công trình xã hội; (iv) hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

(3) Theo Ngân hàng thế giới<sup>27</sup>, các loại hình đầu tư của nhiều nhà đầu tư được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau và được đặc trưng bởi những lợi ích, cơ hội và thách thức riêng biệt đối với nền kinh tế của từng quốc gia thu hút. Tuy nhiên, các quốc gia khi xem xét xây dựng chính sách tự có thể xác định bốn loại hình đầu tư dựa trên động cơ của nhà đầu tư bao gồm: (i) Đầu tư tìm kiếm tài

<sup>27</sup> Tại các báo cáo: (i) Why does efficiency-seeking FDI matter (2/2016): <https://blogs.worldbank.org/psd/why-does-efficiency-seeking-fdi-matter>; (ii) What Investors want (3/2018): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/168711522241146651/pdf/WPS8386.pdf>; (iii) Investment Motivation Survey (5/2016): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/727941530222301892/pdf/Investment-Motivation-Survey.pdf>

nguyên thiên nhiên<sup>28</sup>; (ii) Đầu tư tìm kiếm thị trường trong nước<sup>29</sup>; (iii) Đầu tư tìm kiếm tài sản chiến lược<sup>30</sup>; và (iv) Đầu tư tìm kiếm hiệu quả<sup>31</sup>.

Đồng thời, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư chỉ ra rằng 3 yếu tố được nhà đầu tư xem là quan trọng nhất bao gồm: (i) An ninh và sự ổn định chính trị, (ii) Ưu đãi đầu tư và (iii) Khả năng dự báo chính sách kinh doanh.

- Đối với trường hợp của Việt Nam, Việt Nam đang có các thế mạnh về an ninh và sự ổn định chính trị, vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao thương và cung ứng, độ mở của nền kinh tế với 15 FTAs có hiệu lực. Các đặc điểm này cho phép Việt Nam có thể theo đuổi các chính sách để thu hút nhóm tập đoàn đa quốc gia tìm kiếm hiệu quả với điển hình là các tập đoàn sản xuất quy mô lớn và có năng lực liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, với mục tiêu tổng thể của chính sách thí điểm hỗ trợ đầu tư được quy định trong Nghị quyết là nhằm giữ chân và thu hút các nhà đầu tư lớn, các khoản hỗ trợ đầu tư cũng cần đủ hấp dẫn và tương xứng với các kỳ vọng lợi ích mà nhà đầu tư, trong đó tập trung vào các chi phí phát sinh lớn như chi phí đào tạo nhân lực, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí nghiên cứu và phát triển. Việc không hỗ trợ dàn trải cho nhiều loại chi phí tới các doanh nghiệp thuộc đối tượng vừa đảm bảo thực hiện được mục tiêu của chính sách, đồng thời hạn chế dư luận trái chiều khi cho rằng các đối tượng của Nghị quyết, trên hình thức, được cung cấp quá nhiều hỗ trợ vì chính sách thuế tối thiểu toàn cầu chỉ làm mất hoặc hạn chế tác dụng của các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với các nhà đầu tư quy mô lớn trong khi vẫn phát huy hiệu quả với các nhóm nhà đầu tư khác.

(2) Tại Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu *đề xuất các loại hình hỗ trợ khác như: chuyển giao công nghệ, nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân và tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*. Liên quan đến vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có một số nhận xét như sau:

<sup>28</sup> Loại hình đầu tư này xảy ra khi nhà đầu tư tìm cách tiếp cận tài nguyên cụ thể theo địa điểm (ví dụ: kim cương, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, than đá và các tài nguyên khoáng sản và khai thác khác, cũng như các nguồn năng lượng tái tạo). Mặc dù loại hình đầu tư này có thể tạo ra doanh thu xuất khẩu và tài chính đáng kể, nhưng nước sở tại sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn nếu quá trình xử lý giá trị gia tăng diễn ra trong nước và nếu một hệ sinh thái cạnh tranh của các nhà cung cấp địa phương về hàng hóa và dịch vụ khác nhau được sử dụng trong khai thác có thể được tạo ra một cách bền vững.

<sup>29</sup> Loại hình đầu tư này được thúc đẩy bởi tiềm năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng trong nước sở tại hoặc thị trường khu vực. Loại hình này gần như hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của thị trường. Loại hình FDI này là một phương tiện quan trọng để công nghiệp hóa một quốc gia, vì có tiềm năng phát triển mối liên kết với nền kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng của các nhà cung cấp địa phương, tạo ra sự cạnh tranh, tăng năng suất và hạ giá cho người tiêu dùng.

<sup>30</sup> Loại hình đầu tư này được sử dụng để mua tài sản chiến lược bất động, thông tin kinh doanh, công nghệ độc quyền và thương hiệu. Loại hình này đòi hỏi nhà đầu tư phải mua lại các công ty sở hữu tài sản chiến lược và sở hữu mạng lưới các chi nhánh của công ty.

<sup>31</sup> Loại hình đầu tư này được thúc đẩy khi các nhà đầu tư tìm cách tăng hiệu quả chi phí sản xuất bằng cách tận dụng các yếu tố cải thiện khả năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp. Ví dụ như khả năng tận dụng chi phí lao động thấp hơn hoặc năng suất lao động cao hơn, tiếp cận mặt bằng sản xuất dễ dàng hơn hoặc rẻ hơn, tiếp cận thị trường xuất khẩu dễ dàng hơn hoặc thậm chí ưu đãi hơn, tiếp cận các nguyên vật liệu đầu vào và linh kiện chính thuận lợi hơn, hay các mô hình sản xuất và cung ứng quốc tế hiệu quả hơn. So với 3 nhóm trên, đây là nhóm đóng vai trò quan trọng cho các quốc gia đang tìm kiếm cơ hội hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tiến lên trong chuỗi giá trị.

(i) *Hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ*: chuyển giao công nghệ đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ<sup>32</sup>. Theo đó, không cần thiết bổ sung hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ vào để tránh trùng lặp, tập trung ngân sách để khuyến khích các hình thức hỗ trợ đầu tư mới (chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực) là các khoản chi trọng yếu, có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, có tác dụng thu hút các dự án chiến lược.

(ii) *Hình thức hỗ trợ nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân*: đã tiếp thu và bổ sung theo hướng: “*hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và hệ thống công trình hạ tầng xã hội*”<sup>33</sup>. Đối với nhà ở xã hội đã được Nhà nước hỗ trợ bằng nhiều chính sách khác thông qua Luật Đất đai, Luật Nhà ở, hỗ trợ tín dụng,... Mặt khác, trong bối cảnh xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư có tác dụng thay thế chính sách ưu đãi đầu tư bị giảm hiệu quả bởi Thuế tối thiểu toàn cầu thì hình thức hỗ trợ này chưa đủ mức độ hấp dẫn với các nhà đầu tư. Do đó, không nên lồng ghép vào chính sách thí điểm hỗ trợ đầu tư đặc thù này mà có thể nghiên cứu cân nhắc đưa vào các kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư tại các văn bản quy định khác.

(iii) *Tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*: Việc hỗ trợ tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh không phù hợp với mục tiêu của chính sách hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực công nghệ cao, không phù hợp với mục tiêu thí điểm của chính sách, có thể gây tình trạng hỗ trợ dàn trải. Ngoài ra, mặc dù là hình thức hỗ trợ mang tính chất bền vững và đi theo xu hướng chung của thế giới, căn cứ trên tình hình thực tiễn triển khai năng lượng xanh của Việt Nam, chúng ta vẫn cần thêm thời gian để phát triển thêm về năng lực cơ sở. Việc đưa ra hình thức hỗ trợ không tương xứng với năng lực hiện có sẽ làm chính sách không đạt được hiệu quả kỳ vọng, mà thay vào đó cần được tiếp tục cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra một chính sách ưu đãi đồng bộ áp dụng riêng cho lĩnh vực tăng trưởng xanh, thay vì lồng ghép vào chính sách hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực công nghệ cao theo dự thảo Nghị quyết hiện tại. Đồng thời, hiện nay, Bộ Công Thương cũng đang được Chính phủ giao nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công cụ tài chính, cơ chế khuyến khích, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với các dự án đầu tư vào sử dụng hiệu quả năng lượng<sup>34</sup>.

Như vậy, các hình thức hỗ trợ đề xuất tại dự thảo Nghị quyết sẽ đảm bảo được các yếu tố: (i) đủ hấp dẫn các nhà đầu tư mới; (ii) tương xứng với các kỳ vọng của các nhà đầu tư hiện hữu bị ảnh hưởng bởi thuế tối thiểu toàn cầu, đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư tăng vốn đầu tư, mở rộng quy mô dự án; (iii) không hỗ trợ dàn trải nhiều chi phí cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng thuế tối thiểu toàn cầu.

<sup>32</sup> Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ hiện hành được quy định tại Điều 8 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

<sup>33</sup> Theo quy định tại Khoản 23 Điều 3 Luật Xây dựng, hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên và công trình khác.

<sup>34</sup> Mục IV.1.d Điều 1 Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

#### 4.2.1.3. Về phương thức hỗ trợ đầu tư:

- Phù hợp với các khuyến nghị của OECD trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

- Đây là các hình thức hỗ trợ đầu tư mà các quốc gia trong khu vực đang áp dụng, trong khi đó tại Việt Nam thì chưa được quy định cụ thể tại các văn bản pháp luật. Việc áp dụng thí điểm sẽ là cơ sở để có thể đổi mới nguyên tắc ưu đãi đầu tư trong tương lai.

#### 4.2.1.4. Về mức hỗ trợ đầu tư:

(1) *Giải pháp 1*: quy định mức hỗ trợ trần trên tổng mức đầu tư

a) Ưu điểm: (i) Dễ dàng xác định được số tiền tối đa cần chi hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Phù hợp với các kêu gọi các dự án đầu tư mới hỗ trợ bằng tiền ngay một lần để xây dựng nhà máy sản xuất.

b) Nhược điểm: (i) Vốn đầu tư là một chỉ tiêu cố định không có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đang hoạt động và số thu thuế bổ sung vào ngân sách nên việc đưa ra mức trần trên vốn đầu tư không gắn việc kiểm soát ngân sách với các chính sách khuyến khích đầu tư theo hướng hiệu quả hoạt động; (ii) Khống chế ưu đãi hỗ trợ dựa trên tổng mức đầu tư có thể gây bất lợi cho các công ty công nghệ cao lớn như Samsung có quy mô doanh thu lớn, khả năng sinh lời trên vốn đầu tư cao (khả năng sinh lời nhờ vào công nghệ cao), nộp thuế nhiều. Trong khi đó cũng có các công ty có vốn đầu tư lớn nhưng hoạt động không hiệu quả, doanh thu thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư thấp thậm chí lỗ thì lại nhận được nhiều hỗ trợ. Điều đó dẫn đến đi ngược lại với mục tiêu thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn và có ảnh hưởng kinh tế xã hội<sup>35</sup>. (iii) Khống chế dẫn đến không công bằng giữa các nhà đầu tư: Vì vốn đầu tư không có mối liên hệ chặt chẽ đến kết quả kinh doanh nên sẽ có sự không công bằng giữa các nhà đầu tư<sup>36</sup>.

(2) *Giải pháp 2*: Quy định mức hỗ trợ trần trên doanh thu

a) Ưu điểm: (i) Dễ xác định; (ii) Doanh thu là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, có mối liên hệ tương đối với số thuế nộp bổ sung, phản ánh được đóng góp về việc làm, chuỗi cung ứng, kim ngạch xuất nhập khẩu, tác động kinh tế xã hội. Do đó, quy định mức trần trên doanh thu vừa có tác dụng kiểm soát ngân sách tốt hơn mức trần trên vốn đầu tư vừa tạo sự công bằng giữa các đối tượng được hỗ trợ.

b) Nhược điểm: (i) Chỉ tiêu doanh thu có liên quan đến xác định lợi nhuận, mà lợi nhuận là chỉ số dùng để tính thuế nên có thể có khả năng OECD sẽ chất vấn là hỗ trợ có liên quan đến nghĩa vụ thuế nộp bổ sung; (ii) Không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách.

(3) *Giải pháp đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*: Căn cứ các phân tích nêu trên, có thể nhận thấy việc đưa ra mức chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu

<sup>35</sup> như Samsung, LG, Intel,...

<sup>36</sup> Ví dụ, Nhà đầu tư A và B cùng có mức vốn đầu tư là 12.000 tỷ. Nhà đầu tư A có tỷ suất lợi nhuận cao, phải nộp thuế bổ sung cao trong khi Nhà đầu tư B có tỷ suất lợi nhuận thấp phải nộp thuế thấp hơn. Nếu đưa ra mức khống chế hỗ trợ theo % số vốn đầu tư thì cả 2 nhà đầu tư A và B cùng chịu chung một mức khống chế ưu đãi. Như vậy không công bằng đối với nhà đầu tư có tỷ suất lợi nhuận cao.

tư hay doanh thu không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách mà còn có thể hạn chế thu hút đầu tư hoặc không hỗ trợ đến đúng đối tượng cần khuyến khích làm giảm hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án không quy định chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu, mà thay vào đó kiến nghị phương án: “*Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết*”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

#### 4.2.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2

4.2.2.1. Tác động về kinh tế xã hội: tạo ra sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư mới cũng như giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng nhằm đạt được mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD (30 - 40 tỉ USD/năm) và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD (40 - 50 tỉ USD/năm)<sup>37</sup>.

##### 4.2.2.2 Sự phù hợp với các cam kết quốc tế

###### a) Sự phù hợp với các quy tắc OECD

Nhằm đạt được mục tiêu của chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận, OECD cũng có khuyến nghị một số nội dung nhằm tránh hiện tượng đảo ngược chính sách, cụ thể là cấm các quốc gia cung cấp các lợi ích có liên quan đến các quy tắc của Trụ cột II.

###### (1) Định nghĩa “lợi ích có liên quan” theo quy định của Trụ cột II

Theo Luận giải (Commentary) hướng dẫn chi tiết các Quy tắc mẫu<sup>38</sup>, khái niệm “lợi ích” được diễn giải như sau:

Thuật ngữ “các lợi ích” là bao quát và toàn diện để điều chỉnh bất kỳ loại lợi thế nào được cung cấp bởi một khu vực pháp lý, bao gồm các ưu đãi về thuế và trợ cấp; và cụm từ “liên quan đến các quy tắc” được soạn thảo có chủ ý với phạm vi rộng để tính đến các cơ chế khác nhau mà qua đó lợi ích được cung cấp.

*The word “benefits” is comprehensive enough to cover any kind of advantage provided by a jurisdiction, including tax incentives, grants, and subsidies and the phrase “related to such rules” is intentionally drafted with broad language to take into account different mechanisms through which the benefit is provided.*

###### (2) Chủ thể cung cấp “lợi ích có liên quan”

Theo Điểm 126 trang 213 tại bản Luận giải của OECD, khi xem yếu tố “khu vực pháp lý” cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc áp dụng các quy tắc của

<sup>37</sup> Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

<sup>38</sup> Điểm 123 trang 213 của Commentary

Trụ cột II, khái niệm “khu vực pháp lý” không chỉ là quốc gia hoặc chính quyền trung ương của khu vực pháp lý đó, mà còn bao gồm bất kỳ các phân khu chính trị, chính quyền địa phương, hoặc bất kỳ tổ chức công lập. Ví dụ, nếu một ngân hàng phát triển công lập cung cấp một lợi ích cụ thể liên quan đến việc áp dụng quy tắc thu nhập gộp IIR, thì quy tắc thu nhập gộp IIR áp dụng tại khu vực pháp lý đó không được coi là đạt chuẩn.

*In this context, the term “jurisdiction” is not restricted to the national or central government of the jurisdiction. It includes any political subdivision, local authority, or any other public entity or arrangement. For example, if a public development bank provides a particular benefit that is related to the application of the IIR, then such rule is not a Qualified IIR.*

### (3) Mục đích cấm cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Yêu cầu “các khu vực pháp lý không được cung cấp bất kỳ lợi ích liên quan đến các quy tắc” của Trụ cột II được quy định trong định nghĩa về IIR, UTPR, DMTT đạt chuẩn tại Quy tắc mẫu (Model Rules)<sup>39</sup> và diễn giải các định nghĩa này trong Bản luận giải (Commentary)<sup>40</sup>.

Mục đích của các quy định cấm này là để tránh các nước áp dụng các biện pháp đối ứng mang tính chất tiêu cực hoặc đi ngược lại với mục tiêu chung của Trụ cột II là chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước tái cấu trúc hệ thống ưu đãi theo hướng có hiệu quả hơn.

Mục đích này có thể được hiểu thông qua diễn giải về Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT) tại Điểm 116 trang 212 của Commentary như sau<sup>41</sup>:

*Thuế bổ sung nội địa được coi là là đạt chuẩn nếu được áp cho phần Lợi nhuận thặng dư của các Công ty trong nước nhằm tăng nghĩa vụ thuế lên Mức tối thiểu chung toàn cầu. Việc đánh thuế bổ sung nội địa phải được thực hiện và quản lý để tạo ra kết quả tương đương như khi áp dụng Quy tắc GloBE và các Luận giải, bao gồm cả việc cấm các khu vực pháp lý cung cấp bất kỳ lợi ích có liên quan đến thuế nội địa đó. Giới hạn về “lợi ích” này **không nhằm mục đích hạn***

<sup>39</sup> Nội dung này quy định rai rác trong định nghĩa Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax), Quy tắc gộp thu nhập chịu thuế đạt chuẩn (Qualified IIR), Quy tắc nộp thuế thặng dư (Qualified UTPR) tại trang 64, 65 của Quy tắc mẫu (OECD Model Rule).

<sup>40</sup> Ví dụ tại Điểm 141 trang 216 của Commentary khi diễn giải về UTPR đạt chuẩn có nêu “The definition **prohibits** a jurisdiction from providing benefits that are related to the IIR or the UTPR that it has implemented. See discussion on this in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. – Định nghĩa này cấm các khu vực pháp lý cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc thực hiện quy tắc IIR hoặc UTPR

<sup>41</sup> 116. Qualified Domestic Minimum Top-up Tax means a tax that applies to Excess Profits of the domestic Constituent Entities and operates to increase domestic tax liability with respect to those profits to the Minimum Rate. The tax must be implemented and administered in a way that is consistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary, including the prohibition against the implementing jurisdiction providing any collateral or other benefits that are related to such domestic tax as discussed further in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. This limitation on collateral benefits is not intended to restrict the ability of a jurisdiction to make changes to the design of its corporate tax system in light of the new international tax architecture under the GloBE Rules. Such changes to the domestic corporate tax rules consequent on the introduction of a domestic minimum tax should not be considered a benefit provided that they do not result in MNE Groups achieving overall tax outcomes that are inconsistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary.



chế khả năng của một khu vực pháp lý tiến hành cải cách hệ thống thuế thu nhập doanh nghiệp của mình theo hướng phù hợp với cấu trúc thuế quốc tế mới được quy định trong Quy tắc GloBE. Những cải cách sau khi áp dụng thuế tối thiểu nội địa này không nên được coi là một “lợi ích” với điều kiện là nghĩa vụ thuế sau cải cách của Tập đoàn đa quốc gia, về mặt tổng thể, **không đi ngược lại với mục đích, định hướng** của các quy định tại Quy tắc GloBE và các Luận giải tương ứng.

Do đó, các chính sách trợ cấp trực tiếp (không thông qua hệ thống thuế) hoặc QRTC (cho phép cản trở với các loại thuế khác) sẽ ít rủi ro bị coi là lợi ích trực tiếp liên quan đến QDMTT.

*(4) Cơ sở đánh giá việc cung cấp các “lợi ích có liên quan”*

Theo Commentary của OECD, để xem xét liệu một lợi ích có liên quan đến Quy tắc mẫu của Trụ cột II hay không cần phải xem xét toàn bộ các tình tiết, sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ việc. Trong đó phải xem xét nguyên tắc cơ bản của Trụ cột II là tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa tất cả các khu vực pháp lý và tránh các hành động đi ngược mục đích do có sự khác biệt trong việc triển khai và áp dụng các quy tắc GloBE.

OECD đã cung cấp một số yếu tố cần được tính đến khi đánh giá liệu có “lợi ích liên quan đến các quy tắc” tại điểm 126<sup>42</sup> trang 213 của Luận giải như sau:

- Liệu lợi ích chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu Trụ cột Hai hay không;
- Liệu lợi ích có được giới thiệu như là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không; Và
- Liệu lợi ích có được giới thiệu sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không<sup>43</sup>.

*(Ghi chú: OECD chưa quy định toàn bộ các yếu tố đánh giá, các yếu tố này được xem là chỉ dẫn bước đầu khi đánh giá và lưu ý khi thiết kế chính sách ưu đãi để đảm bảo không vi phạm nguyên tắc này).*

Đối với QDMTT nếu Chính phủ có cung cấp khoản lợi ích có liên quan thì chính sách thuế tối thiểu nội địa coi như không đạt tiêu chuẩn. Thuế tối thiểu nội địa bổ sung không đạt chuẩn thì số thuế tối thiểu nộp thêm tại Việt Nam sẽ không được trừ khỏi công thức tính thuế tối thiểu bổ sung toàn cầu. Việc thuế tối thiểu bổ sung nội địa không đạt chuẩn làm tăng thêm nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp do phải nộp thêm thuế bổ sung tại quốc gia khác và có khả năng dẫn đến đánh trùng thuế giữa các quốc gia cũng như phát sinh thêm các thủ tục hành chính trong việc kê khai tính toán và có nguy cơ phát sinh các tranh chấp do sự khác biệt về tính toán giữa các quốc gia.

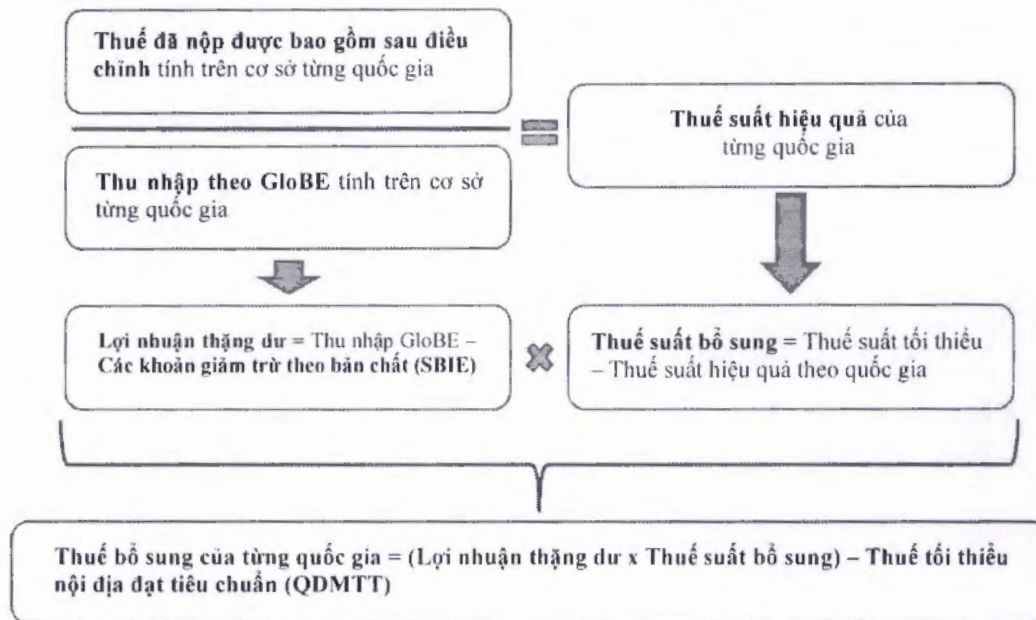
<sup>42</sup> A tax benefit or grant provided to all taxpayers is not related to the GloBE Rules. Facts that are relevant but not decisive include whether the tax benefit or grant benefits only taxpayers subject to the GloBE Rules, whether the benefit is marketed as part of the GloBE Rules and if the regime was introduced after the OECD/G20 Inclusive Framework started discussing the GloBE Rules.

<sup>43</sup> OECD/G20 Inclusive Framework lập cách tiếp cận 2 trụ cột vào tháng 1/2019

(5) Thiết kế chính sách cần không làm giảm thuế suất hiệu quả để có thể mang lại lợi ích thực tế cho doanh nghiệp.

### Công thức của Trụ Cột II:

Công thức tính số thuế nộp bổ sung theo quy tắc IIR



$$\text{Thuế suất hiệu quả (ETR) của từng quốc gia} = \frac{\text{Số thuế đã nộp của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}{\text{Thu nhập trước thuế của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}$$

Căn cứ công thức nêu trên thuế suất hiệu quả càng thấp thì số thuế nộp bổ sung càng lớn hay nói cách khác nếu các khoản ưu đãi hỗ trợ có tác dụng làm giảm ETR thì sẽ làm tăng số thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các chính sách hỗ trợ đưa ra đều cần xem xét sẽ ảnh hưởng đến ETR như thế nào.

Với công thức tính ETR ở trên, các hình thức ưu đãi sẽ tác động vào ETR thông qua việc (i) giảm tử số - làm giảm số thuế bao gồm (Covered Taxes) hoặc (ii) tăng mẫu số - làm tăng thu nhập (GloBe income).

OECD trong tài liệu về Ưu đãi thuế và trụ cột 2 tháng 10/2022 đã đưa ra phân tích về các loại công cụ ưu đãi tác động như thế nào đến ETR như sau:

Bản chất khoản hỗ trợ	Loại công cụ	Lợi ích thuế bị ảnh hưởng bởi cách tính thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)	Ảnh hưởng đến thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)		Lựa chọn công cụ ưu đãi
			Tử số	Mẫu số	

Ưu đãi dựa trên thu nhập		Miễn hoàn toàn	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
		Miễn phần	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
		Giảm suất	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
Ưu đãi dựa trên chi phí	Giảm trừ thu nhập chịu thuế <sup>1</sup>	Trợ cấp thuế <sup>3</sup>	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
		Chi phí hóa tức thi và khấu hao nhanh	Ít khả năng	Điều chỉnh phát sinh mang tính theo thời điểm		Không lựa chọn vì công cụ này chỉ đem lại lợi ích về mặt thời gian thông qua việc trì hoãn nộp thuế nhưng không mang lại lợi ích bù đắp cho các doanh nghiệp
		Đối với tài sản hữu hình, máy móc thiết bị và nhà cửa	Không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng công thức tính		
		Đối với các tài sản vô hình có thời hạn ngắn	Ít khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		
	Tài sản khác	Nhiều khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		Không lựa chọn	
	Giảm trừ thuế	Các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện (QRTC)	Ít khả năng	Ghi chú 2	↑	<b>Nên lựa chọn vì khoản giảm trừ thuế đạt chuẩn được tính vào thu nhập chịu thuế nên không làm giảm GloBE ETR có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư</b>
Các khoản giảm trừ thuế khác		Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn vì khoản giảm trừ không đạt chuẩn sẽ làm giảm Adjusted Covered Tax nên sẽ làm giảm GloBE ETR	

Theo phân tích nêu trên chỉ có các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đạt chuẩn (QRTC – Qualify Refundable Tax Credit) là công cụ ưu đãi dựa trên chi phí được cần trừ với nghĩa vụ thuế đạt tiêu chuẩn hoàn lại, khoản hỗ trợ này được hạch toán vào thu nhập kế toán và làm tăng mẫu số do đó ít ảnh hưởng đến ETR, ít khả năng làm tăng nghĩa vụ thuế bổ sung nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư.

Định nghĩa QRTC: (Điều 10.1.1 trang 65 Model rule)<sup>44</sup>

**Khấu Trừ Thuế Được Hoàn Lại Đạt Chuẩn (QRTC)** là một khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại với điều kiện khoản này phải được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền mặt trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để được khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khoản khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại một phần đạt chuẩn (Là QRTC) nếu Khoản khấu trừ thuế đó được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để nhận các khoản khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế được Hoàn lại đạt chuẩn (QRTC) không bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào có thể được khấu trừ hoặc được hoàn lại theo chính sách thuế quy cho bên thực hưởng (Qualified Imputation Tax).

Tham khảo thêm nội dung QRTC tại điều 3.2.4 trong tài liệu luận giải về trụ cột 2 cho thấy bản chất QRTC là các khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cần trừ với nghĩa vụ thuế hoặc chi bằng tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty thành viên đáp ứng điều kiện được hưởng khoản hỗ trợ. (Trường hợp không cần trừ hết Chính phủ sẽ chi trả bằng tiền mặt, khoản hỗ trợ không bị giới hạn hay liên quan đến nghĩa vụ thuế phải nộp.)

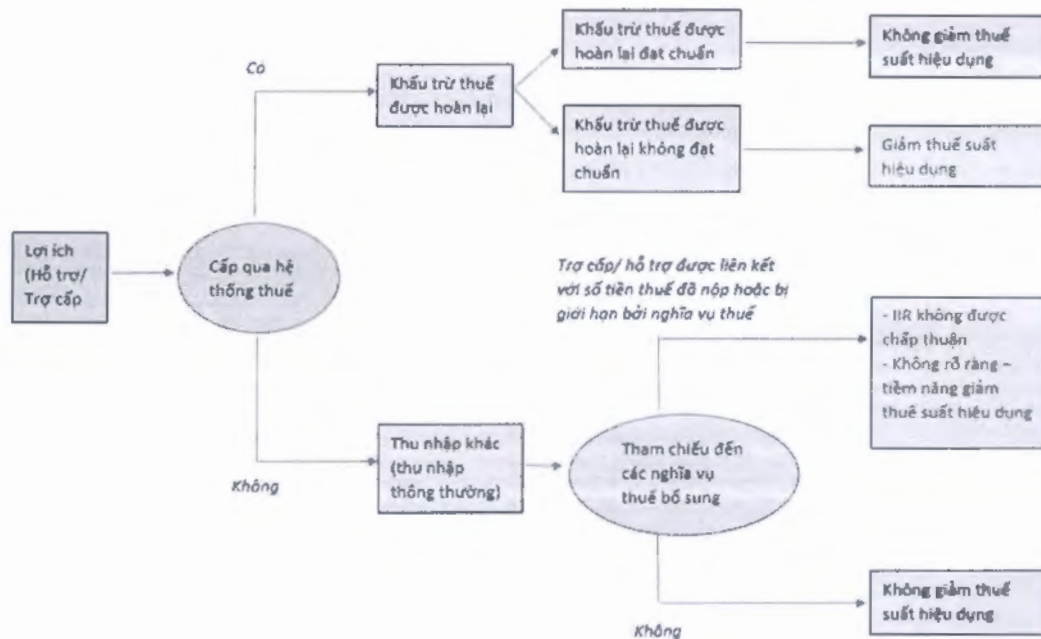
QRTC nếu được xây dựng trên nguyên tắc là Chính Phủ hỗ trợ cho doanh nghiệp đối với một số các hoạt động cụ thể mà các hỗ trợ đó sẽ được cấp bằng tiền hoặc tương đương tiền (lưu ý: bù trừ với các loại thuế khác cũng được hiểu là tương đương tiền) thì được coi là có bản chất tương tự như Trợ cấp Chính Phủ (Government Grant) do đó nên được xử lý tương tự như một khoản Trợ cấp Chính Phủ, tức là được coi là thu nhập, thay vì giảm trừ nghĩa vụ thuế, khi tính ETR.<sup>45</sup>

Nhìn chung, các khoản hỗ trợ, trợ cấp đầu tư có thể được chi trả theo hai phương thức (i) chi trả qua hệ thống thuế, hoặc (ii) chi trực tiếp hoặc theo các hình thức khác không qua hệ thống thuế như minh họa dưới đây:

<sup>44</sup> Qualified Refundable Tax Credit means a refundable tax credit designed in a way such that it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A tax credit that is refundable in part is a Qualified Refundable Tax Credit to the extent it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A Qualified Refundable Tax Credit does not include any amount of tax creditable or refundable pursuant to a Qualified Imputation Tax or a Disqualified +Refundable Imputation Tax.

<sup>45</sup> This reflects that these types of refundable tax credits share features of, and should be treated in the same way as, government grants that form part of income, given that they are in effect government support for a certain type of activity that can ultimately be received in cash or cash equivalent

Trong đó, khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (Cash grant) hoặc chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cắt trừ với nghĩa vụ thuế hoặc trả tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty đáp ứng điều kiện được hỗ trợ (QRTC) không làm giảm thuế suất hiệu quả nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư khi áp dụng Trụ cột 2.



### ***Lưu ý với trường hợp chi trả qua hệ thống thuế (Khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp).***

Model rules và Commentary của OECD không đưa ra điều khoản cụ thể về việc xử lý các khoản hỗ trợ hoặc trợ cấp của chính phủ trong tất cả các trường hợp mà chỉ hướng dẫn cho các trường hợp hỗ trợ/trợ cấp được cung cấp dưới hình thức khấu trừ thuế (bù trừ với số thuế phải nộp).

Theo đó, trường hợp các hình thức ưu đãi được thiết kế dưới hình thức khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp (Tax credits) nên được thiết kế theo hình thức Khấu trừ chi phí vào thuế được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax credits - QRTC), vì các khoản khấu trừ nếu không đạt tiêu chuẩn QRTC sẽ ảnh hưởng đến Thuế suất hiệu quả ETR<sup>46</sup> và không mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp. (Xem Minh họa số 1)

Theo đó, nếu Chính phủ cho phép Công ty khấu trừ thẳng vào số thuế phải nộp đối với chi phí của một số hoạt động cụ thể, hoặc hoàn lại chi phí chưa khấu trừ hết nếu công ty không phát sinh nghĩa vụ thuế thì khoản khấu trừ đó phải có

<sup>46</sup> Theo Luận giải số 13 trang 89 của Commentary về Trụ cột II: Nếu vì mục đích tài chính kế toán, thì các khoản khấu trừ chi phí thuế được hoàn lại nếu không đạt chuẩn vẫn cho thể coi là thu nhập của Công ty. Tuy nhiên, với mục đích theo GloBE, thì khoản khấu trừ này sẽ bị loại trừ trong công thức tính toán thu nhập GloBE và được coi là khoản giảm chi phí thuế của Công ty. Để này ảnh hưởng đến từ số trong công thức tính ETR. Còn đối với trường hợp khoản khấu trừ đạt chuẩn – QRTC thì khoản khấu trừ này sẽ được coi là thu nhập trong Công thức tính ETR.

khả năng được hoàn lại trong vòng 4 năm từ khi đáp ứng các điều kiện theo quy định<sup>47</sup>.

***Lưu ý với trường hợp chi trả theo hình thức khác không qua hệ thống thuế***

Khoản trợ cấp của Chính phủ nếu có liên kết hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ thuế sẽ không được coi là khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện dẫn đến việc phải tính toán lại và làm giảm thuế suất hiệu quả GloBE ETR. Do đó, nếu đã chi trả không thông qua hệ thống thuế thì không nên có các quy định tham chiếu đến các nghĩa vụ thuế bổ sung.

***(6) Kết luận***

Các đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ đầu tư tại Dự thảo Nghị quyết sẽ không vi phạm các quy tắc của OECD vì:

(i) Khoản hỗ trợ không phải là cung cấp lợi ích có liên quan đến chính sách thuế tối thiểu nội địa bổ sung để chính sách này có thể đạt chuẩn theo quy định của OECD là QDMTT. Theo đó:

- Chính sách hỗ trợ áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, không chỉ áp dụng với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi trụ cột 2, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới.

- Chính sách không được giới thiệu là một phần của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, số tiền hỗ trợ không thể hiện mối liên hệ đến số thuế nộp bổ sung.

- Chính sách cũng dựa trên các tiêu chí hoặc quy định đã có từ trước để giảm thiểu việc giới thiệu một chính sách mới sau khi áp dụng trụ cột 2.

(ii) Chính sách hỗ trợ có hình thức Cash grant hoặc QRTC để mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư. Theo đó, khoản hỗ trợ sẽ là khoản ưu đãi hỗ trợ dựa trên chi phí, không liên quan đến hoặc giới hạn bởi nghĩa vụ thuế phải nộp (hay liên quan đến doanh thu, lợi nhuận).

**b) Sự phù hợp với cam kết WTO**

Điều XVI Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch GATT 1994 và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-Hiệp định SCM) đưa ra các quy định về các khoản trợ cấp của chính phủ.

***(1) Định nghĩa của trợ cấp theo WTO:***

Trợ cấp được định nghĩa là các khoản trợ giúp bằng tài chính của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Trợ cấp có thể có một trong các hình thức sau hoặc kết hợp của các hình thức dưới đây, từ chính phủ hoặc thông qua các quỹ, các tổ chức tín thác, hoặc tư nhân:

- Trợ cấp trực tiếp bằng tiền (ví dụ: cấp vốn, cho vay hoặc góp vốn cổ phần);

<sup>47</sup> Theo định nghĩa QRTC tại điều 10.1.1 của Model Rules trang 65

- Các khoản tiền hoặc nợ có thể được chuyển trong tương lai (ví dụ: bảo lãnh khoản vay);

- Miễn hoặc bỏ qua các khoản lệ ra phải đóng (ví dụ: ưu đãi thuế, tín dụng);

- Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung). Trợ cấp sẽ phải tuân theo các quy tắc trong Hiệp định SCM nếu thỏa mãn điều kiện về “tính riêng biệt”, tức là các khoản trợ cấp này được áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, một ngành hoặc nhóm doanh nghiệp hoặc nhóm ngành. WTO yêu cầu các nước thành viên hạn chế các khoản trợ cấp làm sai lệch việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Các chương trình trợ giúp của chính phủ được áp dụng rộng rãi trong một nền kinh tế có thể không vi phạm nguyên tắc nêu trên. Theo quy định tại Hiệp định SCM, các trường hợp trợ cấp dưới đây có thể bị coi là có “tính riêng biệt”:

- Trợ cấp cho các doanh nghiệp cụ thể, hoặc ngành cụ thể.

- Trợ cấp cho một khu vực địa lý cụ thể.

- Các khoản trợ cấp bị cấm

#### (2) Các loại trợ cấp theo WTO

Về nguyên tắc, Chính phủ có thể trợ cấp cho các công ty với những hạn chế và điều kiện nhất định.

Hiệp định SCM xác định hai loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm (trợ cấp đèn đỏ), trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng - tức là có thể bị thách thức trong WTO hoặc áp dụng các biện pháp đối kháng). Ban đầu, Hiệp định SCM có một danh mục thứ ba là Trợ cấp không bị khiếu kiện (trợ cấp đèn xanh). Danh mục này tồn tại trong năm năm, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999 và không được gia hạn.

- Về trợ cấp bị cấm, theo điều 3 của Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây bị cấm:

+ Trợ cấp xuất khẩu - nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào dựa trên một hoặc nhiều điều kiện khi xuất khẩu, kể cả trường hợp có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế. Ví dụ, trợ cấp được cấp theo giá trị hoặc tỷ lệ xuất khẩu, trợ cấp cho chi phí nguyên vật liệu để xuất khẩu, ưu đãi/ thuế hoàn lại được cấp nếu có hoạt động xuất khẩu.

+ Trợ cấp khuyến khích tiêu dùng sản phẩm trong nước: nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào phụ thuộc vào việc sử dụng hàng hóa trong nước thay vì hàng nhập khẩu, dù chỉ là một hoặc một trong một số điều kiện khác.

Ngoài ra, theo chú thích 4 trong Hiệp định SCM giải thích thêm cho lời văn về việc trợ cấp bị coi là tồn tại khi “có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế” đối với hoạt động xuất khẩu như sau: “Tiêu chí này có nghĩa là cho dù không có quy định pháp luật rằng chính phủ sẽ cấp trợ cấp nếu bên nhận trợ cấp đạt được kết quả xuất khẩu nhất định, nhưng trên thực tế trợ cấp vẫn được cấp gắn với tình hình xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu ở hiện tại hoặc trong tương

lai. Việc cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu không vì thế mà lập tức bị coi là trợ cấp xuất khẩu hiểu theo nghĩa của Điều này.”

Như vậy, khoản trợ cấp dành cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm sẽ không thuộc khoản trợ cấp bị cấm, nếu khoản trợ cấp đó không ràng buộc hoặc phụ thuộc vào xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu, và thỏa mãn các điều kiện khác của Hiệp định SCM. Quan điểm này đã được thảo luận và lưu ý trong quá trình đàm phán WTO giữa Việt Nam và các thành viên khác về các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất mà Việt Nam khẳng định rằng các ưu đãi đó sẽ phù hợp với WTO, tức là các ưu đãi sẽ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hóa.

- Về trợ cấp có thể bị khiếu kiện, theo điều 5 của Hiệp định SCM, trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng) là việc một Thành viên thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, cụ thể:

+ Gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một Thành viên khác;

+ Làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994, đặc biệt là những quyền lợi có được từ những cam kết theo Điều 2 của Hiệp định GATT 1994.

+ Gây tổn hại nghiêm trọng tới quyền lợi của một Thành viên khác. Trong trường hợp này, quốc gia khiếu nại phải chứng minh rằng trợ cấp do quốc gia thành viên khác cung cấp có ảnh hưởng xấu đến lợi ích của quốc gia đó.

Việc xác định thiệt hại có thể tại quốc gia nhập khẩu, hoặc các nhà xuất khẩu đối thủ từ một quốc gia khác khi cả hai cạnh tranh ở thị trường thứ ba, hoặc tại quốc gia cấp trợ cấp khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài mất lợi thế cạnh tranh.

Thông thường, trợ cấp đèn vàng sẽ được đưa ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để phán quyết. Nếu Cơ quan giải quyết tranh chấp quy định rằng trợ cấp có tác động bất lợi, trợ cấp đó phải được thu hồi hoặc ảnh hưởng bất lợi của nó phải được loại bỏ. Hầu hết các khoản trợ cấp, chẳng hạn như trợ cấp sản xuất, thuộc loại "có thể đối kháng". Việc tạo ra một hệ thống các biện pháp khắc phục đa phương cho phép các Thành viên đặt câu hỏi cho các khoản trợ cấp làm phát sinh các tác động bất lợi thể hiện một bước tiến lớn so với cơ chế trước đây của WTO. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hiện nay vẫn bị các nước thành viên chỉ trích là thiếu hiệu quả và vẫn tồn tại những khó khăn trong hầu hết các trường hợp đối với Thành viên khiếu nại để chứng minh các tác động thương mại bất lợi phát sinh từ trợ cấp.

- Nghĩa vụ thông báo về trợ cấp:

Điều 25 của Hiệp định SCM yêu cầu các Thành viên thông báo về mọi khoản trợ cấp cụ thể (ở tất cả các cấp chính quyền và bao gồm tất cả các lĩnh vực hàng hóa, bao gồm cả nông nghiệp) cho Ủy ban SCM, và thông báo các biện pháp đối kháng được triển khai, thường là định kì nửa năm hoặc hàng năm. Các thông báo này là chủ đề được Ủy ban SCM xem xét và thảo luận.



Theo báo cáo của Ủy ban trợ cấp và Các biện pháp đối kháng về Chương trình trợ cấp của Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2020, Việt Nam đã đệ trình một thông báo mới và đầy đủ theo điều XVI của GATT 1994 và điều 25 của Hiệp định SCM. Trong báo cáo này, tất cả các khoản trợ cấp hiện có ở Việt Nam (bao gồm ưu đãi thuế suất TNDN, miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền thuê đất, ... cho các dự án đầu tư vào các lĩnh vực/địa điểm ưu đãi, thuế suất ưu đãi cho các dự án năng lượng mặt trời/gió, v.v.) đều đã được báo cáo. Theo báo cáo này, không có trợ cấp nào có tác động đến thương mại tức là các khoản trợ cấp này được phép theo WTO.

Ngoài ra, một số yếu tố nên xem xét là hiện tại thực tế thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO đang chưa có (chưa có tổ chức tài phán giải quyết), các nước xuất khẩu chính của VN đối với các sản phẩm sản xuất như Hoa Kỳ, EU... tuy nhiên các quốc gia này không sản xuất nên rất khó để chứng minh bị thiệt hại, do đó cũng khó có căn cứ để đánh thuế đối kháng.

Tại Hoa Kỳ có áp dụng các ưu đãi hỗ trợ cho sản xuất đối với các dự án chiến lược như ưu đãi bằng tiền mặt cho sản xuất pin xe điện ... cũng không thuộc đối tượng phải áp thuế đối kháng.

### *(3) Kết luận*

Trên cơ sở các thông tin và phân tích nêu trên, các cơ chế trợ cấp dựa trên chi phí không thuộc loại trợ cấp bị cấm, nếu trợ cấp này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu và các công ty bán hàng trong nước) và nó không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không bị coi là có “tính riêng biệt” và không phải là trợ cấp xuất khẩu). Các nước thành viên WTO khác có thể xem xét lại các khoản trợ cấp mà một quốc gia đưa ra để xác định xem khoản trợ cấp đó có tạo ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến lợi ích của họ hay không. Tuy nhiên, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển hoặc vốn đầu tư không gây tổn hại nghiêm trọng cho các nước thành viên khác.

#### c) Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

(1) Các hình thức hỗ trợ như đề xuất không nêu đích danh doanh nghiệp được hưởng. Thay vào đó, chính sách chỉ đặt ra các tiêu chí, và trong trường hợp bất kỳ doanh nghiệp nào đạt được các tiêu chí này, thì doanh nghiệp đó cũng sẽ được hưởng hỗ trợ. Do đó, không vi phạm phân biệt đối xử trong phạm vi bảo hộ đầu tư theo thỏa thuận của các FTA.

(2) Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể, hoặc loại sản phẩm cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

#### *4.2.2.3. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước*

(1) Các giải pháp đề xuất chỉ liên quan đến xác định đối tượng, hình thức và cách thức hỗ trợ đầu tư. Vì vậy, các mức chi hỗ trợ đầu tư sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn liên quan.

(2) Ngân sách Nhà nước trước hết sẽ thu thêm được khoản thuế bổ sung khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Nguồn thu bổ sung này dự kiến sẽ được sử dụng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đầu tư.

(3) Trong bối cảnh chính sách được xây dựng để hướng tới một nhóm nhỏ các doanh nghiệp, những nội dung chính sách được đề xuất sẽ không làm phát sinh thêm bộ máy tổ chức thực hiện. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng nguồn lực, nhân lực hiện có thể tận dụng nguồn lực hiện tại để triển khai thi hành các nhiệm vụ được giao, không ảnh hưởng lớn đến khối lượng công việc thường xuyên vì vậy có thể cho rằng không phát sinh thêm nhiều chi phí thực hiện và không ảnh hưởng nhiều đến ngân sách.

#### 4.2.2.4. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

(1) Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao, dự án quy mô lớn, dự án ứng dụng công nghệ cao là những đối tượng hiện nay đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên việc đánh giá và chọn lọc đối tượng có thể tận dụng thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể, thủ tục xác nhận Doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao là thủ tục đã có sẵn theo quy định hiện hành của Luật công nghệ cao. Doanh nghiệp có thể tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về quy mô vốn, tiến độ giải ngân của dự án và các chi phí R&D, vì vậy không phát sinh các thủ tục xác nhận về đối tượng.

(2) Về thủ tục hỗ trợ, các điều kiện tương ứng với mức hỗ trợ sẽ được quy định sau tại các văn bản hướng dẫn có liên quan. Do đó, đối với các giải pháp đề xuất hiện nay sẽ không phát sinh các thủ tục hành chính tại thời điểm này.

#### 4.2.2.5. Đánh giá tác động về hệ thống luật pháp chính sách

Các giải pháp đề xuất có bổ sung, sửa đổi một số quy định tại Luật Đầu tư và Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

Hình thức hỗ trợ đầu tư gồm 04 loại: *(i)* hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; *(ii)* hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; *(iii)* hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và hệ thống công trình hạ tầng xã hội; *(iv)* hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; trong đó hình thức *(i)* và *(ii)* đã được quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư; còn hình thức *(iii)* và *(iv)* là hình thức mới bổ sung.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được căn trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

#### 4.2.2.6. Đánh giá tác động về vấn đề giới: không có

**5. Kiến nghị giải pháp:** kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội).

### PHẦN III. Ý KIẾN THAM VẤN

Báo cáo đánh giá tác động đã được lấy ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước. Cơ quan đánh giá tác động đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động.

## **PHẦN IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

### **1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành văn bản**

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản**

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến nội dung văn bản và các quy định liên quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của văn bản kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

- + Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng văn bản hướng dẫn của Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện văn bản.

- + Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong văn bản, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện văn bản.

## **PHẦN V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Sau khi Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được ban hành:

1. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này.

b) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổng kết thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp cuối năm 2028.

c) Rà soát, tổng kết, đánh giá, đề xuất sửa đổi bổ sung pháp luật có liên quan để thực hiện đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

# PHỤ LỤC I

## CƠ CHẾ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM

### I. VỀ HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

#### Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư

1. Hình thức ưu đãi đầu tư bao gồm:

- a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất;
- d) Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm:

- a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;
- b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;
- c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động;
- d) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- d) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

g) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

4. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

5. Ưu đãi đầu tư quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

b) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền;

c) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở.

6. Ưu đãi đầu tư được áp dụng có thời hạn và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư.

7. Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 20 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **II. VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT**

### **Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt**

1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

5. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật này.

6. Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## PHỤ LỤC II

### TRỢ CẤP VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG THEO HIỆP ĐỊNH WTO

#### I. Định nghĩa của trợ cấp

Sự hỗ trợ về tài chính của Chính Phủ cho một **ngành công nghiệp và doanh nghiệp** nào đó để **Chính phủ** đạt được một chính sách nhất định

#### II. Ý nghĩa của biện pháp đối kháng

1. Biện pháp đối kháng là một biện pháp để **bổ sung và áp đặt thuế đối kháng (“CVD”)** đối với **hàng hóa nhập khẩu tương ứng** với hàng hóa và nhà xuất khẩu hoặc nước xuất khẩu được chỉ định nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước khi có lo ngại về thiệt hại thực tế do nhập khẩu hàng hóa đã được trợ cấp hoặc tiền khuyến khích trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến chế tạo, sản xuất hoặc xuất khẩu ở nước ngoài.

2. Để thực hiện biện pháp đối kháng cần thỏa mãn 3 điều kiện sau:

- i. Tồn tại sự hỗ trợ tài chính (Financial contribution) từ cơ quan chính phủ/nhà nước
- ii. Phát sinh lợi ích (benefit) đối với doanh nghiệp hay ngành công nghiệp đặc thù do sự hỗ trợ tài chính đó
- iii. Vì lý do đó, doanh nghiệp cạnh tranh hay các ngành công nghiệp ở nước nhập khẩu bị thiệt hại và mối quan hệ nhân quả được thiết lập giữa việc chi trả trợ cấp và thiệt hại về công nghiệp

#### III. Nội dung chính của Hiệp định WTO

1. Trợ cấp tuân theo các biện pháp đối kháng theo hiệp định WTO bao gồm các trợ cấp tài chính của chính phủ và kết quả là lợi ích kinh tế được hình thành. Đặc biệt, điều quan trọng là phải xác định tính đặc thù của trợ cấp (Specificity) và liệu trợ cấp có gây thiệt hại nghiêm trọng (Serious Prejudice) đến lợi ích của quốc gia khác hay không để có thể áp dụng các biện pháp đối kháng

2. Tính đặc thù có nghĩa là khả năng tiếp cận trợ cấp bị giới hạn ở các công ty cụ thể

(i) Theo luật, tính đặc thù phát sinh khi trợ cấp chỉ được trả cho một số công ty và một số ngành công nghiệp, và được coi là không có tính đặc thù khi các khoản trợ cấp được thực hiện theo các tiêu chuẩn và điều kiện khách quan mà không có sự chỉ định của một số công ty hoặc ngành công nghiệp nào.

(ii) Theo luật dù không có tính đặc thù, tuy nhiên trên thực tế, trong trường hợp việc cấp hoặc sử dụng trợ cấp mang tính phân biệt đối xử vẫn được coi là có tính đặc thù.

(iii) Trợ cấp được chi trả cho các doanh nghiệp trên một địa bàn nhất định cũng được coi là có tính đặc thù.

3. Việc xác định **thiệt hại nghiêm trọng** hay không phải được chứng minh dựa trên các tiêu chí sau

(i) Tỷ lệ trợ cấp vượt quá 5%

(ii) Trợ cấp để bù đắp cho những thua lỗ của một ngành công nghiệp hoặc một DN đặc thù

(iii) Trường hợp xóa nợ

(\*) Theo tiêu chuẩn tính quan trọng (de minimis) thuế đối kháng của Hoa Kỳ và EU, nếu mức trợ cấp **thấp hơn 1% giá hàng hóa** (2% đối với các nước đang phát triển) thì không bị coi là thiệt hại nghiêm trọng) ▷ Việt Nam không phải là nước đang phát triển

#### IV. Phân tích các ví dụ biện pháp đối kháng chính đối với hình thức trợ cấp

Trong các ví dụ điều tra về các biện pháp đối kháng chính, tất cả các lợi ích như miễn giảm thuế, hỗ trợ tài chính ... đều được coi là trợ cấp. (Tuy nhiên, trợ cấp dựa trên kết quả hoạt động xuất khẩu được phân loại là trợ cấp bị cấm và so với các khoản trợ cấp khác, thông thường các khoản khấu trừ thuế (Tax credit) có khả năng cao được đánh giá là không mang tính đặc thù)

Ngoài ra, trợ cấp chi trả cho nhà cung cấp - Vendor cũng thuộc đối tượng điều tra áp dụng biện pháp đối kháng.

Trong quá khứ, giao dịch trực tiếp tức là bán hàng trực tiếp và vận chuyển hàng hóa từ nước sản xuất sang nước nhập khẩu là đối tượng chính của các cuộc điều tra, tuy nhiên vẫn có ví dụ điều tra trong trường hợp tái xuất khẩu.

Khả năng áp dụng biện pháp đối kháng theo hình thức/tính chất trợ cấp được tóm tắt như sau:

	Phân loại	Khả năng
1	Trợ cấp với hình thức khác	(i) Các khoản trợ cấp xuất khẩu dành cho doanh nghiệp đáp ứng <b>điều kiện kết quả hoạt động xuất khẩu</b> thuộc <b>“trợ cấp bị cấm”</b> (ii) Hoàn trả lại trợ cấp
2	Miễn trừ chi phí (điện, nước, chi phí thuê...)	Khi các khoản trợ cấp cho các cơ sở vật chất sản xuất được trả cho một công ty cụ thể hoặc nhà cung cấp của một công ty cụ thể, nó có nhiều khả năng được đánh giá là có <b>‘tính đặc thù’</b>
3	Giảm trừ thuế (Tax credit)	So với các khoản trợ cấp hình thức khác thì có nhiều khả năng được đánh giá là có <b>“tính đặc thù” thấp</b>
4	Hạng mục khác(*)	(i) Ưu đãi miễn giảm thuế như thuế nhập khẩu/GTGT dành cho doanh nghiệp đặc thù được chỉ định có khả năng cao bị coi là trợ cấp có <b>“tính đặc thù”</b> (ii) Các khoản trợ cấp xuất khẩu dành cho doanh nghiệp đáp ứng <b>điều kiện kết quả xuất khẩu</b> thuộc <b>“trợ cấp bị cấm”</b>



(\*) Miễn giảm thuế quan/thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu, thuế địa phương, thuế nhà thầu nước ngoài (FCT)...

### V. Tình hình điều tra/áp dụng thuế đối kháng

Theo thống kê về điều tra và áp dụng thuế đối kháng thì Mỹ và EU là chiếm đa số:

Theo tiêu chuẩn quốc gia xuất khẩu			Theo tiêu chuẩn quốc gia điều tra		
Quốc gia	Điều tra	Áp dụng	Quốc gia	Điều tra	Áp dụng
Trung Quốc	189	129	Mỹ	290	173
Ấn Độ	93	56	EU	89	45
Hàn Quốc	32	15	Canada	76	36
Việt Nam	23	9	Úc	38	16
Khác	295	135	Khác	139	74
Tổng	632	344	Tổng	362	344

Các mặt hàng điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng chính tập trung vào các sản phẩm phi kim loại (Chương Mục 15 trong quy định phân loại HS code) (mức 50%), và thiết bị gia dụng, điện thoại di động, chất bán dẫn (Chương Mục 16 trong quy định phân loại HS c), v.v. ở mức 5% ▷ Lý do tập trung vào các lĩnh vực nguyên vật liệu chính như thép... vì có thể dễ dàng so sánh tương đối về sản phẩm, giá, chuỗi cung ứng... (nghĩa là dễ chứng minh về sự thiệt hại nghiêm trọng)

### VI. Hạng mục cân nhắc biện pháp đối kháng khi áp dụng trợ cấp

1. Khi xem các ví dụ và quy định của Hiệp định WTO, khoản trợ cấp có thể áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp mà không giới hạn trong một số doanh nghiệp đặc thù nào hoặc một lĩnh vực kinh tế đặc biệt nào thì sẽ không thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đối kháng.

2. Ngoài ra, bất kể mức độ cụ thể nào, nếu tỷ lệ trợ cấp được duy trì trong phạm vi 1% giá bán (giá do người sản xuất nhận trợ cấp bán ra) thì không áp dụng các biện pháp đối kháng.

3. Ngay cả khi có cơ cấu giao dịch phức tạp thì cũng cần tính đến khả năng bị áp dụng biện pháp đối kháng, ví dụ trường hợp cơ cấu tái xuất tức là sản xuất theo đơn đặt hàng của công ty mẹ (doanh nghiệp bán lại công ty mẹ của Tập đoàn và Tập đoàn bán cho các nhà phân phối tại nước nhập khẩu), thông thường người khiếu nại rất khó để chứng minh thiệt hại (nghĩa là các công ty sản xuất theo đơn đặt hàng/gia công có nguy cơ áp dụng các biện pháp đối kháng tương đối thấp), vì vậy việc xuất khẩu tới thị trường Hoa Kỳ và EU nơi có nhiều cuộc điều tra và

áp dụng biện pháp đối kháng cần xem xét duy trì cơ cấu sản xuất theo đơn đặt hàng/gia công.

4. Việc chuyển đổi các khoản giảm và miễn thuế thành trợ cấp có thể bị truy vấn (challenge), tuy nhiên i) đó là một quyết định hợp lý của Chính phủ Việt Nam nhằm nâng cao tính hiệu lực của việc giảm và miễn thuế sau khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu Trụ cột 2 (ở quốc gia khác cũng đã hoặc đang nghiên cứu tương tự), ii) Chi trả trợ cấp trong phạm vi ưu đãi đã được dự kiến tương ứng với khoản miễn giảm thuế hiện tại, iii) Cần phải nhấn mạnh rằng việc áp dụng trợ cấp là một phần/mắt xích của cuộc cải cách thuế cũng như là một quyết định tất yếu đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

## **VII. Nội dung chính liên quan đến biện pháp đối kháng đối với khoản trợ cấp trong hiệp định WTO**

### **1. Điều kiện chính của “Trợ cấp” (Điều 1 Khoản 1)**

(i) Nếu có sự đóng góp tài chính (\*) của chính phủ trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên WTO và lợi ích kinh tế được trao bởi điều này

(\*) 1) Thông lệ của chính phủ liên quan đến việc chuyển tiền trực tiếp (ví dụ như viện trợ không hoàn lại, các khoản vay và tham gia cổ phần), chuyển nhượng trực tiếp các quỹ tiềm năng hoặc các nghĩa vụ nợ (ví dụ như bảo lãnh khoản vay); 2) từ bỏ hoặc không đánh thuế là các khoản phải thu của chính phủ (các ưu đãi tài chính như khấu trừ thuế); 3) Chính phủ cung cấp hoặc mua hàng hóa hoặc dịch vụ không phải là vốn đầu tư gián tiếp chung của xã hội

(ii) Trợ cấp được đánh giá là có “tính đặc thù” sẽ trở thành đối tượng áp dụng biện pháp đối kháng ▷ Điều này là do chi phí sản xuất của các công ty được trợ cấp có chọn lọc được giảm xuống, dẫn đến sự méo mó trong thương mại quốc tế

(iii) Trợ cấp được chia làm 3 loại: trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể đối kháng và trợ cấp không thể đối kháng (trợ cấp được phép)

### **2. Trợ cấp mang tính đặc thù (Điều 2)**

Trong trường hợp chính phủ hoặc luật pháp hạn chế rõ ràng quyền tiếp cận trợ cấp cho các công ty cụ thể/đặc thù. (Tuy nhiên, dù bên ngoài không có “tính đặc thù” thì vẫn có thể xem xét các yếu tố khác để đánh giá bản chất là có tính đặc thù) (\*)

(\*) Ví dụ: sử dụng các kế hoạch trợ cấp của một số công ty cụ thể, sử dụng áp đảo bởi các công ty cụ thể, số trợ cấp lớn không tương xứng cho các công ty cụ thể và phương cách chính phủ/cơ quan nhà nước thực hiện quyền quyết định trong các quyết định trợ cấp)

### **3. Trợ cấp không mang tính đặc thù (Điều 2)**

(i) Trong trường hợp các tiêu chuẩn hoặc điều kiện (\*) mang tính khách quan quy định điều kiện người thụ hưởng và số trợ cấp được thiết lập phù hợp với chính phủ hoặc luật pháp, và các điều kiện thụ hưởng là tự động và các điều kiện và tiêu chuẩn này được tuân thủ nghiêm ngặt

(\*) Trường hợp không ưu tiên cụ thể một công ty nào hơn các công ty khác và trung lập như về số lượng nhân viên, quy mô của công ty...

(ii) Trong trường hợp chính phủ quy định/thay đổi thuế suất có thể áp dụng chung

#### **4. Trợ cấp bị cấm (bị coi là trợ cấp đặc thù) (Điều 3)**

(i) Trợ cấp được chi trả theo kết quả xuất khẩu (hệ thống dự trữ ngoại tệ bao gồm trợ cấp trực tiếp hoặc tiền thưởng xuất khẩu cho các doanh nghiệp/ngành công nghiệp theo kết quả xuất khẩu hoặc các thông lệ tương tự, v.v.)

(ii) Trợ cấp được chi trả theo điều kiện sử dụng hàng hóa nội địa thay vì hàng hóa nhập khẩu

#### **5. Trợ cấp có thể đối kháng (Điều 5)**

Do các do các khoản trợ cấp cụ thể 1) thiệt hại cho ngành công nghiệp nội địa của các Quốc gia Thành viên khác; 2) vô hiệu hóa hoặc xâm hại lợi ích của một Thành viên theo GATT; hoặc 3) gây ra "thiệt hại nghiêm trọng" cho lợi ích của các Quốc gia Thành viên khác;

#### **6. Thiệt hại nghiêm trọng (Điều 6)**

(i) Khi 'trợ cấp / giá sản phẩm' vượt quá 5%<sup>48</sup>

(ii) Trợ cấp để bù đắp những tổn thất trong hoạt động của một số ngành hoặc doanh nghiệp nhất định;

Hoặc:

(iii) Miễn giảm nghĩa vụ tài chính trực tiếp

#### **7. Trợ cấp được phép (Điều 8)**

(i) Trợ cấp đáp ứng các yêu cầu sau đối với đối tượng là trợ cấp không đặc thù hoặc ngay cả là trợ cấp đặc thù

(ii) Trợ cấp hỗ trợ nghiên cứu: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của các công ty hoặc viện nghiên cứu ký hợp đồng với các công ty (nghiên cứu công nghiệp: tối đa 75% chi phí, các hoạt động phát triển trước cạnh tranh: tối đa 50%)

(iii) Trợ cấp hỗ trợ phát triển khu vực: Hỗ trợ không đặc thù cho các khu vực kém phát triển<sup>49</sup> trong các nước thành viên

(iv) Trợ cấp môi trường: Là một biện pháp không lặp lại để các thiết bị hiện có đã sử dụng trong hơn 2 năm phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường mới theo luật, giới hạn ở 20% chi phí thích ứng

(v) Cần thông báo trước cho Ủy ban trợ cấp và các biện pháp đối kháng trước khi thực hiện trợ cấp được phép; Cũng bắt buộc phải thông báo về nội dung khoản trợ cấp hàng năm (tuy nhiên, thực tế chưa có quốc gia nào thông báo)

<sup>48</sup> (\*) Về 'thiệt hại nghiêm trọng' hoặc 'trợ cấp được phép', có cách hiểu khác nhau giữa các quốc gia. Theo quy định 'de minimis' (tỷ lệ không đáng kể) ở Mỹ và EU, các khoản trợ cấp trong vòng 1% giá hàng hóa (trong vòng 2% so với giá đóng cửa ở các nước đang phát triển) không bị coi là thiệt hại nghiêm trọng.

<sup>49</sup> Khu vực có mức thu nhập từ 85% trở xuống so với mức trung bình của cả nước hoặc tỷ lệ thất nghiệp cao hơn mức trung bình của cả nước từ 10% trở lên

※ Tuy nhiên, các quy định về trợ cấp được phép chỉ có hiệu lực trong 5 năm sau khi hiệp định WTO có hiệu lực, và do sự khác biệt về lập trường của các nước thành viên, không thể đạt được thỏa thuận về việc áp dụng gia hạn nên đã hết hiệu lực vào ngày 1/1/2000. Do đó, hiện tại thực hiện điều tra và đánh thuế đối kháng đối với trợ cấp được phép theo từng quốc gia (Điều 31 của Hiệp định)

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**ĐỀ ÁN**

**XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ  
TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ CAO**

(tài liệu kèm theo công văn số **6572** / BKHĐT-ĐTNN ngày 14 tháng 8 năm  
2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Hà Nội, tháng 8 năm 2023

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I.....</b>	<b>1</b>
<b>QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN II.....</b>	<b>4</b>
<b>SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU.....</b>	<b>4</b>
<b>I. Tổng quan về thuế suất tối thiểu toàn cầu.....</b>	<b>4</b>
1. Lý do hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu.....	4
2. Quá trình hình thành quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.....	5
3. Một số nội dung chính của Trụ cột 2.....	6
3.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2.....	6
3.2. Về đối tượng áp dụng.....	7
3.3. Phương pháp áp dụng.....	7
3.4. Mục tiêu kỳ vọng.....	7
<b>II. Về quá trình triển khai thực hiện thuế suất tối thiểu toàn cầu tại một số quốc gia và vùng lãnh thổ.....</b>	<b>8</b>
1. Phản ứng chung của các nước.....	8
2. Phản ứng chính sách của một số quốc gia, vùng lãnh thổ.....	9
3. Nhận xét.....	10
<b>PHẦN III.....</b>	<b>13</b>
<b>ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU VỚI THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>13</b>
<b>I. Về cơ chế ưu đãi thuế tại Việt Nam.....</b>	<b>13</b>
<b>II. Đánh giá tác động tới thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.....</b>	<b>14</b>
1. Giảm tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài.....	14
2. Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài.....	14
3. Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu.....	15
4. Khả năng xung đột với nguyên tắc bất hồi tố với ưu đãi đầu tư.....	16
5. Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút.....	16
6. Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài.....	17
<b>PHẦN IV. XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>18</b>
<b>I. Một số khuyến nghị của OECD trong việc áp dụng thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).....</b>	<b>18</b>
1. Thu thuế bổ sung.....	18
2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.....	19

<b>II. Phản ứng chính sách của một số nước về áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) .....</b>	<b>19</b>
<b>III. Thực trạng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam .....</b>	<b>22</b>
<b>IV. Tác động và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) .....</b>	<b>23</b>
<b>V. Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu và kiến nghị trong việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).....</b>	<b>28</b>
1. Quan điểm xây dựng chính sách.....	28
2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách.....	28
3. Kiến nghị.....	28
3.1. Về việc triển khai áp dụng Trụ cột 2.....	28
3.2. Về việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới.....	30
<b>VI. Đánh giá tác động các giải pháp đề xuất .....</b>	<b>32</b>
1. Lý do lựa chọn các giải pháp.....	32
1.1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư.....	32
1.2. Về hình thức hỗ trợ đầu tư:.....	32
1.3. Về phương thức hỗ trợ đầu tư:.....	37
1.4. Về mức hỗ trợ đầu tư:.....	37
2. Đánh giá tác động.....	38
2.1. Tác động về kinh tế xã hội.....	38
2.2 Sự phù hợp với các cam kết quốc tế.....	38
2.3. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước.....	48
2.4. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính.....	49
2.5. Đánh giá tác động về hệ thống luật pháp chính sách.....	49
<b>VII. Tổ chức thực hiện .....</b>	<b>49</b>
<b>VIII. Lộ trình thực hiện .....</b>	<b>50</b>

ĐỀ ÁN

XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI  
CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THUẾ TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

PHẦN I

QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ  
TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THUẾ TOÀN  
CẦU TẠI VIỆT NAM

1. Tháng 10/2021, tại Rome (Italia), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về Giải pháp Hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số và kêu gọi Diễn đàn IF nhanh chóng xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

Ngày 4/8/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 55/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác đặc biệt về nghiên cứu và đề xuất các giải pháp liên quan đến thuế suất tối thiểu toàn cầu của OECD (*sau đây gọi là Tổ công tác đặc biệt*) do Phó Thủ tướng Lê Minh Khái làm Tổ trưởng, Bộ trưởng Bộ Tài chính là Tổ phó Thường trực và Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Tổ phó Tổ công tác đặc biệt.

Trên cơ sở nhiệm vụ của Tổ công tác<sup>1</sup>, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động nghiên cứu, tổ chức hội thảo<sup>2</sup>, nhiều cuộc trao đổi và làm việc với các Bộ, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, công ty tư vấn, công ty luật, 04 đơn vị kiểm toán lớn trên thế giới<sup>3</sup>, một số Tập đoàn lớn tại Việt Nam nhằm tham vấn ý kiến các chuyên gia về đánh giá tác động và đề xuất giải pháp đối với thuế suất tối thiểu toàn cầu và đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này<sup>4</sup>.

<sup>1</sup> Quy định tại Điều 3 Quyết định số 55/QĐ-TTg.

<sup>2</sup> 03 Hội thảo: (1) Hội thảo ngày 20/3/2023 với Hiệp hội các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia lớn đang đầu tư tại Việt Nam (Samsung, Foxconn, Canon, Bosch,...), các công ty kiểm toán và tư vấn luật; (2) Hội thảo ngày 18/4/2023 với các công ty kiểm toán lớn, trong đó có sự tham dự của Big4: Deloitte, PwC, E&Y và KPMG; (3) Hội thảo ngày 23/5/2023 với các Bộ, ngành và các công ty tư vấn luật.

<sup>3</sup> Bao gồm: PwC, KPMG, E&Y và Deloitte.

<sup>4</sup> Tại công văn số 1945/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023.



2. Tại Thông báo số 58/TB-VPCP ngày 21/4/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư, hỗ trợ khác ngoài thuế, không trái với quy định và cam kết quốc tế trên tinh thần hài hòa lợi ích các bên, khuyến khích các nhà đầu tư hiện hữu cũng như các nhà đầu tư mới, bảo đảm ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản đề nghị: (i) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và địa phương rà soát, đánh giá tình hình các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thuế tối thiểu toàn cầu trên địa bàn<sup>5</sup>; (ii) các Bộ, ngành đề xuất các giải pháp thu hút, hỗ trợ đầu tư khác áp dụng trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu<sup>6</sup>.

Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến của một số bộ, ngành (các Bộ: Xây dựng<sup>7</sup>, Lao động, Thương binh và Xã hội<sup>8</sup>, Giao thông vận tải<sup>9</sup>, Tài nguyên và Môi trường<sup>10</sup>, Giáo dục và Đào tạo<sup>11</sup>, Khoa học và Công nghệ<sup>12</sup> và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam<sup>13</sup>) và 39 địa phương<sup>14</sup>.

3. Hầu hết các Bộ, ngành và địa phương đều nhận định cần phải khẩn trương nội luật hóa về việc áp dụng quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Bên cạnh đó, ngoài việc duy trì các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư hiện hữu, cần phải xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới (ngoài thuế) để đảm bảo tính cạnh tranh của môi trường đầu tư Việt Nam, trong đó đề xuất giải pháp cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thuế tối thiểu toàn cầu.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 388/BKHĐT-ĐTNN ngày 09/6/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 513/BC-BKHĐT ngày 13/7/2023 báo cáo Chính phủ<sup>15</sup> đề xuất giải pháp thu hút, hỗ trợ đầu tư áp dụng trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu. Trong đó, đã đề xuất xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư.

<sup>5</sup> Công văn số 1925/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

<sup>6</sup> 03 văn bản: (i) số 270/BKHĐT-ĐTNN ngày 25/4/2023; (ii) số 300/BKHĐT-ĐTNN ngày 11/05/2023; và số 349/BKHĐT-ĐTNN ngày 26/5/2023.

<sup>7</sup> Công văn số 135/BXD-QLN ngày 05/5/2023.

<sup>8</sup> Công văn số 151/LDTBXH-HTQT ngày 19/5/2023.

<sup>9</sup> Công văn số 291/BGTVT-TC ngày 01/6/2023.

<sup>10</sup> Công văn số 270/BTNMT-KHTC-m ngày 30/5/2023.

<sup>11</sup> Công văn số 150/BGDĐT-KHTC ngày 05/6/2023.

<sup>12</sup> Công văn số 131/BKH-CN-KHTC ngày 22/6/2023.

<sup>13</sup> Các công văn số: 3430/NHNN-HTQT ngày 10/5/2023 và 4387/NHNN-HTQT ngày 07/6/2023.

<sup>14</sup> Cụ thể: Cao Bằng, Đắk Lắk, Hà Nam, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Tiền Giang, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hậu Giang, Hưng Yên, Thanh Hóa, An Giang, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cà Mau, Đà Nẵng, Gia Lai, Hòa Bình, Bạc Liêu, Bình Phước, Điện Biên, Kon Tum, Lai Châu, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Bến Tre, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Kiên Giang.

<sup>15</sup> Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 86/TTg-KTTH ngày 10/7/2023.

Căn cứ Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 686/TTg-KTTH ngày 27 tháng 7 năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện Đề án xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam.

## PHẦN II

# SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU

### I. Tổng quan về thuế suất tối thiểu toàn cầu

#### 1. Lý do hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,... đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (hản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,...) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia<sup>16</sup>, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: **(i)** một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...*); **(ii)** các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*); **(iii)** Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*),... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy” nhằm giảm thuế suất TNDN về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài. Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề

<sup>16</sup> Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm.

chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Theo đó, OECD đã xác định ra 02 nhóm vấn đề quan trọng cần được giải quyết:

**Thứ nhất**, các quy tắc quản lý thuế hiện hữu chỉ cho phép lợi nhuận của một công ty nước ngoài bị đánh thuế ở nơi mà công ty đó có sự hiện diện vật lý. Tuy nhiên, trong thế giới số hiện nay, các doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động kinh doanh quy mô lớn ở các quốc gia mà không có hoặc có rất ít sự hiện diện vật lý tại những quốc gia này.

**Thứ hai**, hầu hết các quốc gia chỉ đánh thuế đối với thu nhập trong nước của các tập đoàn đa quốc gia của họ, theo đó không đánh thuế đối với các khoản thu nhập ở nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, các tài sản vô hình, như là thương hiệu, bản quyền và bằng sáng chế cũng như việc các công ty có thể chuyển lợi nhuận sang các quốc gia đánh thuế thấp hoặc không đánh thuế, dẫn đến lợi nhuận nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia đều không bị đánh thuế hoặc đánh thuế thấp.

## 2. Quá trình hình thành quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu

Trước hiện trạng trên, Diễn đàn “Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận”<sup>17</sup> (Diễn đàn IF) đã tổ chức quá trình đàm phán giữa 139 nước thành viên về biện pháp đảm bảo các công ty đa quốc gia tuân thủ nghĩa vụ thuế, giảm bớt căng thẳng giữa các nước, củng cố sự ổn định của hệ thống thuế toàn cầu.

Ngày 05 tháng 6 năm 2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “ít nhất 15%”.

Ngày 09/07/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế* (gọi tắt là Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu)<sup>18</sup>, bao gồm: (1) Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh)<sup>19</sup>; (2) Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

<sup>17</sup> Do OECD và G20 kêu gọi thành lập vào tháng 01/2016, Việt Nam là thành viên thứ 100 của Diễn đàn vào tháng 7/2017.

<sup>18</sup> Trước đó, Thỏa thuận Thuế tối thiểu toàn cầu đã nhận được sự ủng hộ của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và 133/139 quốc gia tham gia Diễn đàn Hợp tác chung thực hiện Các giải pháp Chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận.

<sup>19</sup> Cụ thể: cho phép các quốc gia (nơi các công ty đa quốc gia tạo ra doanh thu) đánh thuế một phần lợi nhuận (20 - 30% đối với phần lợi nhuận vượt trên biên độ 10%)

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” đã ban hành tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

Ngày 31/10/2021 tại Rome (Ý), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về giải pháp hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số do Diễn đàn IF công bố và kêu gọi Diễn đàn nhanh chóng xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

### 3. Một số nội dung chính của Trụ cột 2

#### 3.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2

*Một là*, nguyên tắc gộp thu nhập (Income Inclusion Rule – IIR)<sup>20</sup>: Cho phép các nước áp dụng mức thuế bổ sung với các công ty mẹ nếu thuế suất áp dụng trên lợi nhuận của các công ty con ở nước ngoài thấp hơn 15%.

*Hai là*, nguyên tắc đối với các khoản thanh toán chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Undertaxed payment rule – UTPR)<sup>21</sup>: Đây là nguyên tắc hỗ trợ (*backstop*) cho nguyên tắc gộp thu nhập IIR nêu trên. Cụ thể, cho phép một quốc gia từ chối khấu trừ thuế đối với các khoản thanh toán xuyên biên giới giữa công ty mẹ với các công ty con nếu các khoản thanh toán đó không chịu thuế ở mức thuế suất 15%.

*Ba là*, nguyên tắc quyền đánh thuế của nước nguồn (Subject to tax rule – STTR)<sup>22</sup>: cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này. Các khoản thanh toán này dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác.

Ba nguyên tắc cốt lõi nêu trên được phối hợp áp dụng chặt chẽ, nhằm đảm bảo thu nhập của các công ty đa quốc gia phải chịu mức thuế suất tối thiểu 15% cũng như cho phép nước có nguồn phát sinh thu nhập (thường là các nước đang

<sup>20</sup> Ví dụ: Một công ty của Hàn Quốc có công ty con hoạt động tại Việt Nam, Công ty con được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có thuế suất hiệu quả là 7%. Như vậy, mức thuế ở Việt Nam thấp hơn mức thuế tối thiểu là 8%. Do đó, Hàn Quốc sẽ yêu cầu công ty mẹ tại Hàn Quốc nộp phần 8% còn lại đối với phần thu nhập dưới mức thuế suất tối thiểu của công ty con tại Việt Nam.

<sup>21</sup> Ví dụ: Công ty mẹ của Hàn Quốc chi trả cho công ty con tại Việt Nam một khoản thanh toán, nhưng công ty con tại Việt Nam chịu thuế (7%), dưới mức tối thiểu thì công ty mẹ thực hiện các khoản thanh toán cho công ty con nếu trên sẽ không được khấu trừ khoản thanh toán đó vào chi phí hoặc phải điều chỉnh tương ứng lên (15%) đối với phần thu nhập của công ty con tại Việt Nam chưa chịu mức thuế tối thiểu. Theo đó, Việt Nam được quyền thu thuế ở mức tối thiểu (15%) đối với khoản thanh toán nêu trên.

<sup>22</sup> Ví dụ: Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Hàn Quốc quy định mức thuế suất với tiền bản quyền là 5%. Trường hợp công ty Việt Nam thanh toán tiền bản quyền cho một công ty tại Hàn Quốc, tuy nhiên, mức thuế danh nghĩa đối với thu nhập từ tiền bản quyền tại Hàn Quốc thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, thì Việt Nam có quyền đánh thuế bổ sung lên bằng mức tối thiểu (9%), mặc dù đã có quy định tại Hiệp định. Để thực hiện quy tắc này thì các nước phải tham gia Hiệp định đa phương.

phát triển) được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết.

### 3.2. Về đối tượng áp dụng

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét và dự kiến có hiệu lực từ năm 2024 tại một số quốc gia.

### 3.3. Phương pháp áp dụng

OECD đã nghiên cứu rất kỹ khi đưa ra thuế suất hiệu quả mà không phải thuế suất thông thường (danh nghĩa) theo pháp luật của mỗi nước. Theo đó, thuế suất hiệu quả là tỷ lệ giữa số thuế TNDN thực nộp chia cho lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính. Với việc áp dụng thuế suất hiệu quả, các ưu đãi miễn, giảm thuế hay các chính sách tăng mức khấu trừ, khấu hao nhanh... sẽ không có lợi cho doanh nghiệp (nhà đầu tư nước ngoài) vì việc làm giảm số thuế phải nộp đồng nghĩa với việc kéo giảm nghĩa vụ thuế thực tế. Do đó, chênh lệch giữa số thuế thực nộp và mức thuế tối thiểu càng lớn, dẫn tới càng phải nộp thêm nhiều thuế tại nơi có công ty mẹ đi đầu tư khi họ phải thực hiện chế độ báo cáo lợi nhuận hợp nhất (toàn cầu). Nếu số thuế thực nộp càng thấp (ở nước nhận đầu tư) thì quy đổi sang thuế suất hiệu quả thấp và nguy cơ nhà đầu tư phải nộp thuế bổ sung (tại nước xuất khẩu vốn) càng cao.

Theo chế độ kế toán, các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đa quốc gia phải thực hiện chuẩn mực kế toán để lập báo cáo tài chính. Dựa trên số liệu báo cáo lãi/lỗ của báo cáo tài chính, các doanh nghiệp sẽ thực hiện điều chỉnh (tăng, giảm) các chi phí được trừ để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp. Do đó, nếu một nước (ví dụ Việt Nam) cho phép tăng trừ chi phí nghiên cứu phát triển<sup>23</sup> và khấu hao nhanh... thì số thuế thực nộp sẽ giảm (được coi là kỹ thuật ưu đãi thuế). Tuy nhiên tại nước xuất khẩu vốn, nơi công ty mẹ hoạt động có thể không có ưu đãi thuế như cách tăng trừ chi phí mà việc xác định thu nhập chịu thuế được xác định bình thường theo chuẩn mực kế toán. Kết quả là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ (bao gồm cả lãi/lỗ từ báo cáo tài chính của công ty con) sẽ không được tính đến phần ưu đãi do được tăng trừ chi phí tại nước nhận đầu tư, qua đó làm vô hiệu hoá ưu đãi khi tính theo thuế suất hiệu quả.

### 3.4. Mục tiêu kỳ vọng

Nhiều năm qua, các tập đoàn đa quốc gia thường tránh thuế bằng cách đặt trụ sở và/hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh tại những quốc gia có thuế TNDN thấp.

<sup>23</sup> Ví dụ: Điểm a Khoản 8 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc Hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa quy định: “Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi: được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Việc thực thi Thoả thuận thuế tối thiểu toàn cầu được các quốc gia tham gia kỳ vọng sẽ góp phần:

*Một là:* Tăng thu ngân sách cho các quốc gia, đồng thời chấm dứt cạnh tranh tiêu cực trong giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong đó:

(i) Trụ cột thứ nhất dự kiến sẽ phân bổ cho các quốc gia nơi phát sinh doanh thu quyền đánh thuế đối với khoản lợi nhuận của các công ty đa quốc gia (theo OECD, việc áp dụng cơ chế này sẽ giúp chính phủ các nước đi đầu tư tăng thu ngân sách thêm tới 150-200 tỷ USD mỗi năm).

(ii) Trụ cột thứ hai ước tính sẽ bổ sung vào nguồn thu ngân sách từ thuế trên toàn cầu khoảng 150 tỷ USD/năm thông qua việc loại bỏ lợi thế của việc dịch chuyển lợi nhuận, chuyển giá...

(iii) Ngăn chặn xu hướng đua giảm thuế suất giữa các nước, không còn “kế hở” để các Tập đoàn đa quốc gia trục lợi (trong cuộc đua thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài hơn 20 năm qua, đã có 76 quốc gia giảm thuế, 12 quốc gia giữ nguyên và chỉ có 6 quốc gia tăng thuế<sup>24</sup>).

*Hai là:* Giải quyết mâu thuẫn giữa các nước liên quan đến việc đánh thuế các công ty đa quốc gia, ngăn chặn nguy cơ gia tăng căng thẳng thương mại, đồng thời đảm bảo tính ổn định của hệ thống thuế. Việc xóa bỏ các loại thuế khác nhau mà nhiều nước đang đơn phương áp đặt<sup>25</sup> để thay thế bằng một quy tắc đánh thuế chung đối với các công ty đa quốc gia cũng sẽ làm tăng tính ổn định và nhất quán của hệ thống thuế quốc tế, đảm bảo tính thông suốt trong quản lý của cơ quan thuế các nước và khả năng tuân thủ của các công ty đa quốc gia có doanh thu ở nhiều nước với các chính sách thuế khác nhau.

## **II. VỀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THUẾ SUẤT TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ**

### **1. Phản ứng chung của các nước**

Về mặt lý thuyết, thuế suất tối thiểu không phải là một sáng kiến mới. Đây là một “biện pháp kỹ thuật” đi sâu vào khai thác nội hàm của thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền thu thuế của nước sở hữu vốn thông qua việc “giành lại” lợi ích vật chất từ ưu đãi miễn, giảm thuế mà các nước nhận đầu tư dùng làm công cụ thu hút vốn, tạo giá trị gia tăng cho các mục tiêu phát triển riêng.

Đối với các doanh nghiệp đa quốc gia, việc áp dụng cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu chủ yếu tác động nhiều đối với các doanh nghiệp có hoạt động đầu tư, sản xuất tại các nước/vùng lãnh thổ đang được ưu đãi về thuế TNDN (như miễn, giảm thuế hoặc được hưởng mức thuế suất thấp so với thuế suất tối thiểu). Các doanh nghiệp đầu tư tại các khu vực không có chênh lệch thuế suất thì không bị ảnh hưởng.

<sup>24</sup> Theo “Mức thuế suất tối thiểu toàn cầu: Cải cách mang tính đột phá” ngày 08/11/2021 của Trung tâm WTO.

<sup>25</sup> EU đã hoãn đề xuất áp thuế kỹ thuật số (có hiệu lực từ tháng 07/2021) với quy mô và mức thu khác nhau chủ yếu tập trung vào các công ty công nghệ lớn của Hoa Kỳ, giảm căng thẳng với Hoa Kỳ sau khi Văn phòng thương mại Hoa Kỳ (USTR) dự kiến mức thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu của 06 quốc gia EU là Anh, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Áo, Tây Ban Nha.

Với lợi ích như trên, các nước xuất khẩu vốn, nhất là các thành viên của OECD như Hoa Kỳ, Anh, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản... đang rất tích cực vận động để cơ chế có thể áp dụng sớm nhằm thu về mức thuế bổ sung. Theo ước tính của các chuyên gia OECD, Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) và các nước phát triển khác có thể nhận được 60% doanh thu từ thuế trong khi các nước đang phát triển nhận được 10% - 15%, châu Mỹ Latinh nhận được 3%. Viện Nghiên cứu kinh tế của Đức dự báo Đức có thể thu chênh lệch thuế từ 700 triệu đến 900 triệu Euro/năm.

Trong khi đó, các nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam, Thái Lan, Malaysia... ngoài việc tham gia vào cơ chế thuế suất thuế TNDN tối thiểu thì vẫn đang trong quá trình nghiên cứu các giải pháp có thể thay thế ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN nhưng vẫn đảm bảo thu hút đầu tư nước ngoài<sup>26</sup>. Một số nước vận động, đề xuất thỏa thuận có áp dụng miễn trừ thuế đối với một số lĩnh vực nhất định, áp dụng ngoại lệ đối với các vùng đặc khu kinh tế (Ireland, Trung Quốc...).

## 2. Phản ứng chính sách của một số quốc gia, vùng lãnh thổ

**(1) Hoa Kỳ:** Tháng 8 năm 2022, Quốc hội Hoa Kỳ đã ban hành Đạo luật giảm lạm phát 2022 (The Inflation Reduction Act of 2022), trong đó đặt ra Thuế tối thiểu thay thế dành cho doanh nghiệp<sup>27</sup> (Corporate Alternative Minimum Tax - CAMT). Thuế suất CAMT là 15% đối với thu nhập từ báo cáo tài chính đã điều chỉnh của các tập đoàn lớn, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023<sup>28</sup>. Đối tượng áp dụng: (i) các tập đoàn Hoa Kỳ có lợi nhuận trung bình trên 1 tỷ USD/năm trong vòng 3 năm; (ii) doanh nghiệp Hoa Kỳ có Công ty mẹ ở nước ngoài với lợi nhuận trên 1 tỷ USD), trong đó lợi nhuận trung bình tại thị trường Hoa Kỳ trên 100 triệu USD/năm trong vòng 3 năm.

**(2) Nhật Bản:** Ngày 03/2/2023, Bộ Tài chính Nhật Bản<sup>29</sup> đã công bố dự thảo Đạo luật sửa đổi một phần Đạo luật thuế thu nhập đang được trình Quốc hội. Theo đó đã đề xuất bắt đầu triển khai các quy tắc Trụ cột 2 từ tháng 4 năm 2024.

**(3) Hàn Quốc:** Ngày 23/12/2022, Quốc hội Hàn Quốc đã tổ chức phiên họp toàn thể và quyết định thông qua Luật Thuế sửa đổi, lấy Quy tắc Thuế suất tối thiểu toàn cầu làm tâm điểm. Theo đó, Hàn Quốc sẽ bắt đầu thực thi Quy tắc này từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các Nghị định thực thi, hướng dẫn cụ thể sẽ được ban hành trong năm 2023.

**(4) Đài Loan:** Năm 2020, Đài Loan đã ban hành mức thuế suất mới, có tính chất tương tự như thuế tối thiểu toàn cầu, tuy nhiên mới ở mức 12%. Nhìn chung, các doanh nghiệp tại Đài Loan không có phản ứng nhiều về quy định thuế mới

<sup>26</sup> Trong quá trình đàm phán để thống nhất mức thuế suất tối thiểu 15%, khoảng 35 quốc gia có mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dưới 15% (như Ireland, Hungary, Estonia...) phản đối mức thuế suất này.

<sup>27</sup> <https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R47328>

<sup>28</sup> CAMT dự kiến sẽ huy động được 222 tỷ đô la trong 10 năm tới. Ước tính khoảng 80 công ty sẽ bị ảnh hưởng, 16% trong số các doanh nghiệp thuộc Fortune 500.

<sup>29</sup> Theo tin của OECD: <https://oecdpillars.com/japan-submits-draft-pillar-two-law-to-parliament/>



này do hầu như doanh nghiệp Đài Loan có đầu tư tại khu vực Âu Mỹ hoặc Nhật Bản đều đang chịu mức thuế suất cao hơn 15%.

**(5) Anh:** Ngày 17/11/2022, Chính quyền Thủ tướng Anh đã thông báo dự luật tài chính năm 2023, trong đó dự kiến áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu đối với các kỳ quyết toán kết thúc kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023. Chính phủ Anh ước thu được thêm 2,3 tỉ bảng Anh hằng năm từ năm 2027 từ chính sách này. Chính phủ Anh không áp dụng nguyên tắc bất hồi tố đối với các khoản thuế trước khi dự luật dự kiến được thông qua vào cuối năm 2023.

**(6) Liên minh châu Âu:** Ngày 13/12/2022, các quốc gia thành viên EU thông báo đã chính thức đạt được thỏa thuận thực hiện Trụ cột 2. Chi thị của EU về thực hiện Trụ cột 2 sẽ được nội luật hóa tại các quốc gia thành viên từ cuối năm 2023.

**(7) Singapore:** Chính phủ dự kiến sẽ thực hiện Thuế bổ sung nội địa (DTT) để điều chỉnh chế độ thuế doanh nghiệp nhằm đáp ứng mức thuế tối thiểu toàn cầu, dự kiến sẽ được bắt đầu vào hoặc từ ngày 1 tháng 1 năm 2025<sup>30</sup>. Tuy nhiên, Chính phủ Singapore sẽ theo dõi các diễn biến quốc tế và sẽ “điều chỉnh” thời gian thực hiện tùy thuộc vào thực tế việc thực hiện thỏa thuận trên toàn cầu.

**(8) Thái Lan:** Chính phủ dự kiến sẽ xây dựng một “gói” pháp lý chính sách để thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó bao gồm các chính sách mới về: ưu đãi thuế nội địa, mức thuế tối thiểu trong nước và quy định hỗ trợ khác như hỗ trợ chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, trợ giá điện<sup>31</sup>. Dự kiến các nội dung này sẽ được Chính phủ xem xét và phê duyệt trong năm 2023.

*(Chi tiết tại Phụ lục I và II)*

### 3. Nhận xét

3.1. Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu có vai trò quan trọng trong việc cân bằng sự chênh lệch về quy tắc thuế giữa các nước, và là một sáng kiến có khả năng tái thiết lập các hoạt động hợp tác đa phương. Việc các nước thống nhất ban hành Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu là xu hướng tất yếu nhưng mục tiêu triển khai các quy định mới sẽ còn phụ thuộc vào các nước thành viên (nhóm tích cực và nhóm bị tác động mạnh, như đã nêu ở trên).

Hiện nay, để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02/2/2023, OECD cũng đã công bố chi tiết bản hướng dẫn cuối cùng đối với chính phủ các nước về cách thức đưa thuế tối thiểu toàn cầu vào các văn bản luật<sup>32</sup>, theo đó tiến gần hơn tới việc thực hiện cải cách này vào năm 2024<sup>33</sup>.

<sup>30</sup> Theo Bloomberg “Singapore to Raise Effective Corporate Tax to 15% From 2025” ngày 14/02/2023.

<sup>31</sup> Theo Bloomberg Tax: “Thailand Aims to Propose OECD’s Minimum Tax Plan This Year” ngày 16/02/2023.

<sup>32</sup> <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm>

<sup>33</sup> <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>

3.2. Đến nay, Việt Nam đã thu hút đầu tư nước ngoài từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác ĐTNN lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn ĐTNN vào Việt Nam<sup>34</sup>. Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn ĐTNN.

Việt Nam đã tham gia xây dựng, ủng hộ sáng kiến thuế tối thiểu toàn cầu. Do đó, những động thái phản đối, hoặc không tiếp tục tham gia quy tắc sẽ tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các quốc gia của công ty mẹ có quyền thu phần thuế tối thiểu đối với thu nhập của công ty con tại Việt Nam mà không cần phải đàm phán lại các điều khoản của Hiệp định với Việt Nam, trừ trường hợp Việt Nam và các quốc gia đó đạt được thỏa thuận song phương nhằm không thực thi các điều khoản của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

3.3. Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế tối thiểu toàn cầu là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động đầu tư nước ngoài.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi khung pháp lý về thuế, ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế là hết sức quan trọng và cấp bách, trong khi vẫn đảm bảo được các lợi thế của Việt Nam trong thu hút đầu tư; đồng thời đối với các dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN mà có mức thuế suất hiệu quả thấp hơn 15% cần phải xem xét biện pháp bảo đảm đầu tư cho doanh nghiệp khi không còn được hưởng ưu đãi.

3.4. Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể dẫn đến việc thu hẹp quy mô sản xuất, giảm cầu về lao động.

---

<sup>34</sup> Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

3.5. Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, chất lượng cao.

Đồng thời, nếu không sớm nội luật hóa để điều chỉnh mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp lên tương đương với mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%), Việt Nam sẽ không thu được phần thuế chênh lệch, các công ty đầu tư tại Việt Nam cũng không được hưởng các ưu đãi này vì sẽ bị các quốc gia của công ty mẹ thu.

3.6. Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đối diện với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

### PHẦN III

## ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU VỚI THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

### I. Về cơ chế ưu đãi thuế tại Việt Nam

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều xem chính sách ưu đãi thuế nói chung, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng là một trong những công cụ quan trọng để thực hiện mục tiêu thu hút đầu tư (theo số liệu của OECD, hơn 40% các quốc gia sử dụng chính sách về thuế để thu hút đầu tư nước ngoài). Hiện nay, Việt Nam đang sử dụng ưu đãi thuế như một công cụ đòn bẩy tài chính để tác động đến xu hướng đầu tư. Những hình thức ưu đãi, miễn giảm thuế thường được áp dụng cho các lĩnh vực, địa bàn mà Nhà nước khuyến khích phát triển, bằng cách thu hút các nhà đầu tư vào các ngành mũi nhọn, có lợi thế phát triển, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh của quốc gia hoặc các địa bàn kinh tế cần khuyến khích đầu tư phát triển; thay vào đó nhà đầu tư sẽ được hưởng các mức ưu đãi thuế để hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội.

Việt Nam là một trong các quốc gia có điều kiện kinh tế – xã hội đặc thù, đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu, các điều kiện phát triển và nguồn lực về vốn còn hạn chế và được phân bổ không đồng đều giữa các vùng, miền. Do đó, các chính sách, pháp luật về ưu đãi nói chung về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Trong những năm qua, chính sách ưu đãi đầu tư đã sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng tập trung ưu đãi vào các ngành công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển đổi số, năng lượng sạch, chuyển giao công nghệ, có giá trị gia tăng, tăng cường liên kết với khu vực trong nước..., hướng tới việc thu hút đầu tư có chọn lọc.

Các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trong thu hút đầu tư của Việt Nam được đánh giá là hấp dẫn so với các nước trong khu vực. Nhờ có chính sách ưu đãi thuế cạnh tranh, cùng với các thế mạnh như: tình hình kinh tế chính trị ổn định, nguồn lao động dồi dào..., dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam liên tục tăng qua các năm<sup>35</sup>. Năm 2020, Việt Nam lần đầu tiên vào nhóm 20 nước thu hút FDI hàng đầu thế giới, trong khi đầu tư nước ngoài trên toàn cầu có xu hướng giảm. Đến năm 2021, vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định và vượt mốc 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2022,

---

<sup>35</sup> Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2018 ước đạt 51,3 tỷ USD, tăng 55,6% so với giai đoạn 2011 - 2013

Việt Nam cũng đã thu hút gần 30 tỷ USD, dù giảm so với cùng kỳ nhưng cho thấy tín hiệu tích cực trong đại dịch.

Hiện nay, thuế suất và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn<sup>36</sup>; theo đó, thuế suất phổ thông là 20%, thuế suất ưu đãi có các mức 10%, 15% và 17% tùy theo lĩnh vực, ngành nghề, quy mô và địa bàn đầu tư. Ngoài ra, theo quy định tại Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt, thuế suất ưu đãi đặc biệt có các mức 5%, 7% và 9%. Cùng với ưu đãi về thuế suất, pháp luật hiện hành có quy định về việc miễn thuế, giảm 50% thuế suất trong thời gian được miễn, giảm.

*Như vậy, trong trường hợp Trụ cột 2 được chính thức áp dụng, các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ không đem lại lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam trong thu hút đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia.*

## **II. Đánh giá tác động tới thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**

### ***1. Giảm tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài***

Với vị trí là quốc gia nhận vốn và là nước đang phát triển, nếu không sớm có các giải pháp ứng phó, Việt Nam đứng trước nguy cơ giảm khả năng cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài do các nước phát triển sẽ tiến hành thu thuế tối thiểu đối với công ty mẹ. Trong khi đó, Việt Nam vẫn thiếu hụt những lợi thế về chất lượng môi trường đầu tư, hạ tầng công nghệ, số lượng và chất lượng nguồn lao động, ngành công nghiệp hỗ trợ,..., qua đó hạn chế lợi thế thu hút ĐTNN so với các nước trong khu vực.

Như đã nêu trên, hiện nay, hầu hết các đối tác đầu tư lớn của Việt Nam (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore,...) đã có động thái rõ ràng về kế hoạch triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Đồng thời, các quốc gia cạnh tranh thu hút ĐTNN với Việt Nam trong khu vực đã và đang nghiên cứu, ban hành những hình thức ưu đãi đầu tư mới, vượt trội nhằm đảm bảo lợi thế cạnh tranh, duy trì sức hấp dẫn đối với các nhà ĐTNN.

### ***2. Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài***

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài đầy tham vọng sẽ gặp thách thức

<sup>36</sup> Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)<sup>37</sup>.

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Năm 2023, World Bank dự báo triển vọng tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 1,7%, thấp nhất trong gần 3 thập kỷ qua; IMF đưa ra dự báo lạc quan hơn ở mức 2,9%, tuy nhiên, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. Bên cạnh đó, UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022 và có thể giảm hoặc đi ngang trong năm 2023 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

Thực tế tại Việt Nam, tình hình thu hút ĐTNN đã bắt đầu gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn qua, với tổng vốn ĐTNN năm 2022 đạt 27,72 tỷ USD, chỉ bằng 89% so với năm 2021<sup>38</sup> và bắt đầu thể hiện xu hướng giảm theo từng quý. Riêng tháng 1 năm 2023, vốn ĐTNN đăng ký đạt gần 1,69 tỷ USD, vốn thực hiện ước đạt 1,35 tỷ USD, giảm lần lượt 19,8% và 16,3% so với cùng kỳ năm 2022.

### ***3. Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu***

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút (trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Nếu áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15%, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Trên thực tế, trong thời gian qua, nhiều tín hiệu cho thấy rằng các tập đoàn, nhà đầu tư lớn đã bộc lộ quan điểm thận trọng đối với hoạt động đầu tư mới cũng như kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam vì một số lý do khách quan và chủ quan, trong đó có việc Việt Nam vẫn chưa có động thái rõ ràng về việc triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Ví dụ: *(i)* tháng 12 năm 2022, Tập đoàn LG (Hàn Quốc) tạm dừng kế hoạch đầu tư mở rộng nhà máy trị giá 5 tỉ USD tại Việt Nam; *(ii)* quá trình đàm phán chính sách kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ mở rộng đầu tư của Tập đoàn Intel (Hoa Kỳ); *(iii)* Tập đoàn GenX (Hoa Kỳ) tuyên bố tạm dừng hoạt động khảo sát và rút khỏi thị trường Việt Nam do gặp nhiều vướng mắc về chính sách. Ngoài ra, các nhà đầu tư Hàn Quốc như Samsung, SK, một số đối tác gia công sản xuất (OEM) của Apple và các nhà đầu tư Nhật Bản, vốn đã cẩn thận trong quá trình đầu tư, cũng bày tỏ quan điểm quan ngại rằng về khả năng mất đi sự hấp dẫn của môi trường đầu tư dẫn đến việc mất lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư, đồng thời mất đi khoản

<sup>37</sup> Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

<sup>38</sup> Thời điểm các nước G20 tán thành thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu.

thu thuế hợp lý đáng kể nếu Việt Nam không có những quyết sách phù hợp để triển khai và ứng phó với các tác động của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD<sup>39</sup> hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp và đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 15%, trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao (như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron...) (*danh sách tại Phụ lục III xin gửi kèm theo*). Theo đó, tuy chỉ chiếm khoảng 1% số dự án nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này lại chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (đạt khoảng 131,3 tỷ USD). Với việc hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức 15%, đây là các dự án có khả năng sẽ bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng. Do thuế tối thiểu toàn cầu sẽ chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu hợp nhất toàn cầu trên 750 triệu EUR, trong thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp cùng Bộ Tài chính để rà soát và có thống kê cụ thể về số lượng các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

#### **4. Khả năng xung đột với nguyên tắc bất hồi tố với ưu đãi đầu tư**

Luật Đầu tư nước ngoài trước đây và Luật Đầu tư hiện hành của Việt Nam luôn nhất quán nguyên tắc bất hồi tố đối với các ưu đãi đầu tư đã được cấp, hoặc đã cam kết với nhà đầu tư khi bắt đầu triển khai dự án tại Việt Nam. Theo đó, “trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án đầu tư”<sup>40</sup>.

Trong trường hợp Việt Nam điều chỉnh mức thuế suất ưu đãi lên mức tối thiểu 15% mà không có các giải pháp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới thì sẽ xung đột với nguyên tắc bất hồi tố đối với ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

#### **5. Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút**

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó<sup>41</sup>, về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa với họ (vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc*

<sup>39</sup> (i) Từ 100 – 200 triệu USD: 184 dự án với tổng VĐTĐK đạt 24,3 tỷ USD; (ii) Từ 200 – 500 triệu USD: 108 dự án với tổng VĐTĐK đạt 30 tỷ USD; (iii) từ 500 triệu USD đến 1 tỷ USD: 18 dự án với tổng VĐTĐK đạt 11,16 tỷ USD; và (iv) trên 1 tỷ USD: 25 dự án với tổng VĐTĐK đạt 65,8 tỷ USD.

<sup>40</sup> Khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư năm 2020.

<sup>41</sup> Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

gia đặt trụ sở). Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

#### **6. Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài**

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: *(i)* yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; *(ii)* việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; *(iii)* mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin; *(iv)* chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới<sup>42</sup>.

<sup>42</sup> Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%.



## PHẦN IV

## XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

## I. Một số khuyến nghị của OECD trong việc áp dụng thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)

## 1. Thu thuế bổ sung

Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu<sup>43</sup> gồm 02 trụ cột: (1) Trụ cột 1 là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh); (2) Trụ cột 2 đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét và dự kiến có hiệu lực từ năm 2024 tại một số quốc gia. Trụ cột 2 gồm 03 quy tắc cốt lõi: (1) Cho phép các nước áp dụng mức thuế bổ sung với các công ty mẹ nếu thuế suất áp dụng trên lợi nhuận của các công ty con ở nước ngoài thấp hơn 15%; (2) Cho phép một quốc gia từ chối khấu trừ thuế đối với các khoản thanh toán xuyên biên giới giữa công ty mẹ với các công ty con nếu các khoản thanh toán đó không chịu thuế ở mức thuế suất 15%; (3) Cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định (dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác) cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này.

Các quy tắc Trụ cột 2 *không bắt buộc các quốc gia phải triển khai ngay lập tức* việc nội luật hóa để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Tuy nhiên, việc *chậm trễ* nội luật hóa để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu sẽ làm *mất đi quyền đánh thuế*. Do đó, tại bản hướng dẫn hành chính để giải thích và áp dụng các quy tắc trong Trụ cột 2<sup>44</sup>, OECD khuyến nghị các quốc gia nhận đầu tư cần nhắc áp dụng quy tắc Thuế Bổ sung Tối thiểu Nội địa Đạt chuẩn (QDMTT) để giành quyền ưu tiên thu thuế bổ sung

<sup>43</sup> Tên đầy đủ của Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu là “Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế” được Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của G20 thông qua ngày 9/7/2021; có trong Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số được Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” tuyên bố ngày 8/10/2021 với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam) và được các nước G20 tán thành ngày 31/10/2021 tại Rome (Ý).

<sup>44</sup> Bản hướng dẫn hành chính để giải thích và áp dụng các quy tắc trong Trụ cột 2 của OECD ban hành ngày 01/02/2023. (<https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>)

đối với đối tượng có mức thuế suất hiệu quả dưới 15%, trước khi phần thuế này được thu bởi các quốc gia khác (quốc gia của Công ty mẹ).

Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ Đề án về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam, trong đó đề xuất áp dụng quy tắc QDMTT đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thuộc đối tượng Trụ cột 2; phần thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo quy định QDMTT được nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

## 2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

OECD đưa ra báo cáo về rà soát ưu đãi thuế trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu<sup>45</sup>, theo đó đã phân tích các biện pháp ưu đãi như Trợ cấp bằng tiền mặt (cash grant) và Giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax Credit) sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Tuy nhiên, OECD cũng lưu ý các quốc gia cần cân nhắc ảnh hưởng về ngân sách nếu sử dụng các biện pháp hỗ trợ này.

Ngoài ra, OECD cũng khuyến nghị việc xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư mới trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu phải tuân thủ nguyên tắc tách biệt giữa việc thu thuế bổ sung và chi ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, đảm bảo không có sự liên quan giữa đối tượng nộp thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu với đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới. Theo đó, OECD không ngăn cấm các quốc gia thực hiện các cải cách về ưu đãi thuế, tuy nhiên để không vi phạm nguyên tắc về không cung cấp các khoản lợi ích có liên quan, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phải đảm bảo các yếu tố sau: *(i)* Được cung cấp không chỉ cho doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu của Trụ cột 2. Theo đó, doanh nghiệp khi đáp ứng được các tiêu chí của chính sách đều có thể được hưởng bất kể doanh nghiệp đó đóng hay không đóng thuế bổ sung nội địa; *(ii)* Việc thiết lập các tiêu chí cũng cần rõ ràng để xác định việc hưởng trợ cấp không nhằm mục đích đền bù, đối trừ nghĩa vụ do thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột 2; *(iii)* Tận dụng các chính sách đã được ban hành trước khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột 2 cũng có thể được xem xét là biện pháp hạn chế các rủi ro vi phạm quy tắc của OECD.

## II. Phản ứng chính sách của một số nước về áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)

1. Hiện nay, cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư được căn cứ theo 03 hình thức: *(i)* dựa trên lợi nhuận, *(ii)* dựa trên chi phí và *(iii)* một số hình thức khác.

*(1) Ưu đãi dựa trên thu nhập* (ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế suất) được áp dụng tương đối phổ biến tại các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt

<sup>45</sup> OECD ban hành vào tháng 10/2022: ([https://www.oecd-ilibrary.org/taxation/tax-incentives-and-the-global-minimum-corporate-tax\\_25d30b96-en](https://www.oecd-ilibrary.org/taxation/tax-incentives-and-the-global-minimum-corporate-tax_25d30b96-en))

Nam. Hình thức này có ưu điểm dễ quản lý<sup>46</sup>; không phát sinh các khoản phải hoàn trả từ ngân sách nhà nước; dễ thu hút các dự án đầu tư mới và phát sinh lợi nhuận sớm ở giai đoạn đầu.

Tuy nhiên, việc ưu đãi dựa trên thu nhập sẽ làm phát sinh hiện tượng trốn, tránh thuế, chuyển giá (thông qua giao dịch liên kết); không hấp dẫn với dự án đầu tư mở rộng<sup>47</sup>; làm gia tăng các trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư khi hết giai đoạn ưu đãi để thành lập dự án mới, hoặc chuyển đầu tư sang quốc gia khác để hưởng ưu đãi đầu tư mới.

**(2) Ưu đãi dựa trên chi phí** (trợ cấp đầu tư; hỗ trợ một số chi phí như nghiên cứu và phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng; khấu trừ số thuế phải nộp; hỗ trợ bằng tiền). Hình thức này thường được các quốc gia phát triển áp dụng<sup>48</sup>.

Ưu điểm của hình thức này là giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu tư, qua đó thúc đẩy hoạt động đầu tư dài hạn và khuyến khích mở rộng đầu tư; hạn chế tình trạng doanh nghiệp đầu tư ngắn hạn rồi chấm dứt hoạt động hoặc chuyển dịch đầu tư sau khi hết ưu đãi; giảm tình trạng trốn/tránh thuế; góp phần thúc đẩy phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên.

Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách ưu đãi này sẽ tác động lên ngân sách nhà nước do phát sinh việc chi trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không có lợi nhuận; đồng thời có thể làm gia tăng chi phí quản lý nhà nước (bao gồm chi phí liên quan đến việc thực thi chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước và quản lý việc tuân thủ của người nộp thuế), cũng như yêu cầu phải nâng cao năng lực quản trị của các cơ quan thực thi chính sách.

**(3)** Ngoài 02 hình thức nêu trên, một số quốc gia áp dụng một số **hình thức ưu đãi khác**, như: tăng chi phí được trừ (cho trừ thêm một số chi phí, hoặc siêu khấu trừ như khấu trừ 200% chi phí thực chi), khấu hao nhanh.

*(Cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của một số quốc gia trên thế giới tại Phụ lục IV)*

**2.** Khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2), thì việc áp dụng chính sách miễn/giảm thuế hay thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp không còn nhiều tác dụng do phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các giải pháp liên quan

<sup>46</sup> Vì thông thường sẽ được kê khai khi quyết toán thuế cuối năm, đồng thời không phát sinh các khoản phải trả trước từ ngân sách.

<sup>47</sup> Do chính sách ưu đãi với dự án đầu tư mở rộng có thể thấp hơn so với đầu tư mới

<sup>48</sup> **(1) Hoa Kỳ:** khấu trừ thuế (tương ứng với 25% vốn đầu tư) cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất chất bán dẫn; **(2) Anh:** (i) khấu trừ khỏi lợi nhuận trước thuế 100% vốn đầu tư trong năm hoặc 18% vốn đầu tư trong nhiều năm cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất máy tính để bàn, màn hình; (ii) Hỗ trợ tiền trợ cấp tương đương 13% vốn đầu tư cho doanh nghiệp có dự án thực hiện có mục đích nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ tiên tiến; **(3) Ấn Độ:** trợ cấp tiền mặt cho sản xuất điện thoại di động (được tính bằng phần tăng doanh thu so với năm trước của sản phẩm điện thoại smartphone / điện thoại phổ thông có giá bán).

đến đến ưu đãi dựa trên chi phí<sup>49</sup> nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi Trụ cột 2 đang được nhiều quốc gia nghiên cứu và cân nhắc.

Như đã nêu ở trên, theo hướng dẫn của OECD tại *Báo cáo Ưu đãi thuế và Thuế thu nhập toàn cầu – Cân nhắc lại ưu đãi thuế sau Quy định GloBe* tháng 10/2022, hình thức ưu đãi chi phí theo Trợ cấp trực tiếp hoặc Cản trừ thuế có thể hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax Credit – QRTC) là hình thức ưu đãi sẽ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

Đối với phương án tăng chi phí được trừ, theo nghiên cứu, biện pháp này không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp vì bản chất sẽ tác động vào thu nhập và do đó sẽ làm phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế tối thiểu toàn cầu. Phương án khấu hao nhanh, không bị ảnh hưởng bởi Trụ cột 2 nhưng cũng không có tác dụng hỗ trợ thiết thực.

3. Theo tính toán của OECD<sup>50</sup>, khi áp dụng Trụ cột 2, tổng nguồn thu thuế toàn cầu từ các công ty đa quốc gia sẽ tăng lên khoảng 220 tỷ Đô la Mỹ; các nước phát triển được dự tính sẽ nhận được nguồn thu tăng thêm đột biến là 19% doanh thu thuế tăng thêm, trong khi các nước đang phát triển chỉ thu thêm 2%. Riêng nhóm G7 dự kiến sẽ chiếm 58% doanh thu tăng thêm từ thuế tối thiểu với Hoa Kỳ chiếm 28%.

Với tiềm năng và lợi ích nêu trên, hầu hết các nước phát triển, nhất là các thành viên G20/OECD<sup>51</sup> đã công bố kế hoạch áp dụng hoặc hoàn thành quy trình nội luật để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu nhằm thu thuế bổ sung từ các tập đoàn đa quốc gia bắt đầu từ năm tài chính 2024. Tuy nhiên, việc xây dựng các văn bản hướng dẫn cũng đang được các quốc gia triển khai thận trọng<sup>52</sup>.

Trong khi đó, hầu hết các quốc gia đang phát triển vẫn đang trong quá trình nghiên cứu, tham vấn kỹ lưỡng trước khi đưa ra chính sách cụ thể. Phản ứng chính sách của các nước thuộc nhóm này có thể chia thành 02 loại như sau:

a) *Các quốc gia/vùng lãnh thổ đang áp dụng chính sách ưu đãi dựa trên chi phí* (Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Hồng Kông)

Chính sách ưu đãi dựa trên chi phí của các quốc gia/vùng lãnh thổ gồm Trợ cấp tiền mặt và Cản trừ thuế; chỉ áp dụng cho một số nhóm đối tượng phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển (dự án đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao; các dự án đầu tư thuộc lĩnh

<sup>49</sup> Ưu đãi bằng tiền có thể theo diện hỗ trợ một phần chi phí của nhà đầu tư như chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định (cơ sở vật chất, máy móc nhà xưởng...), hoặc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển.

<sup>50</sup> <https://www.oecd.org/tax/beps/economic-impact-assessment-presentation-january-2023.pdf>.

<sup>51</sup> Đặc biệt là Hoa Kỳ, Anh, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản.

<sup>52</sup> Ví dụ, Hàn Quốc là quốc gia đầu tiên nội luật hóa về thuế tối thiểu toàn cầu hiện đang cân nhắc điều chỉnh thời điểm áp dụng và trì hoãn việc xây dựng văn bản hướng dẫn do doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp trong nước đang có ý kiến cho rằng việc nội luật hóa quá sớm sẽ gây bất lợi cho doanh nghiệp.

vực ưu tiên như điện thoại di động thông minh, điện tử, y tế...; dự án xanh; dự án thuộc địa bàn ưu tiên. Đồng thời việc Trợ cấp tiền mặt và Cản trừ thuế được xác định theo tỷ lệ nhất định một số loại chi phí chủ yếu của doanh nghiệp (chi phí đầu tư tài sản cố định; nhân công; nghiên cứu và phát triển; nguyên vật liệu...).

Trên cơ sở nền tảng chính sách hiện có, theo dự đoán, các nước này sẽ tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh hoặc mở rộng chính sách để các khoản trợ cấp/cản trừ hướng đến đúng đối tượng, nhất là trong bối cảnh việc áp dụng QDMTT sẽ đem lại một nguồn thu lớn và đây là cơ sở để mở rộng chính sách ưu đãi dựa trên chi phí hiện có.

*b) Các quốc gia đang áp dụng chính sách ưu đãi dựa trên lợi nhuận (Việt Nam, Malaysia, Philippines)*

Do chưa có kinh nghiệm nên các quốc gia này nghiên cứu, cân nhắc đưa ra một hệ thống chính sách ưu đãi mới để đáp ứng quy tắc của thuế tối thiểu toàn cầu; không nêu cụ thể nhóm doanh nghiệp bị tác động bởi thuế tối thiểu toàn cầu do sẽ vi phạm các nguyên tắc của OECD. *Đến nay, các quốc gia này chưa đưa ra những biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cụ thể.*

### **III. Thực trạng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam**

1. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

2. Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

*(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục V kèm theo)*

3. Các hình thức hỗ trợ đầu tư<sup>53</sup> bao gồm:

- Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư;
- Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Hỗ trợ tín dụng;
- Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước;
- Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyên gia công nghệ;

<sup>53</sup> Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

- Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin;
- Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: “*Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này<sup>54</sup> đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.*”

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, *việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả thi*, do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách *chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách* cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, như phân tích tại Mục III văn bản này, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển<sup>55</sup>). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

#### **IV. Tác động và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)**

1. Thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) là sự thay đổi căn bản về cấu trúc thuế quốc tế, được thiết kế nhằm hạn chế việc giảm chuyển dịch lợi nhuận và cạnh tranh về thuế của các tập đoàn đa quốc gia và cạnh tranh “xuống đáy” về thuế của các quốc gia. Như đã báo cáo ở trên, trong khi các nước phát triển đang khắt khe và chủ động áp dụng quy tắc này thì các nước đang phát triển đang cân nhắc kỹ lưỡng bài toán tăng nguồn thu (thông qua áp dụng cơ chế QDMTT) nhưng vẫn phải đảm bảo tiếp tục cạnh tranh thu hút đầu tư (thông qua việc ban hành các hình thức ưu đãi mới phù hợp).

2. Hiện nay, chính sách ưu đãi về tài chính của Việt Nam tập trung vào 03 lĩnh vực: **(i)** Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, **(ii)** Ưu đãi về thuế xuất nhập

<sup>54</sup> Quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư.

<sup>55</sup> Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

khẩu và **(iii)** Ưu đãi về tài chính đất đai. Trong đó, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy tắc tính thuế bổ sung thuế tối thiểu toàn cầu.

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế, trong đó gói ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cao nổi bật đối với một dự án gồm: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Về cơ bản, điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế là phải đáp ứng tiêu chí về địa bàn ưu đãi, lĩnh vực ưu đãi, hoặc có quy mô lớn dựa trên vốn đầu tư kèm điều kiện về thời gian giải ngân, doanh thu hoặc lao động sử dụng.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, trong đó bao gồm các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa là miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế trong 13 năm, và thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của dự án.

Khi Trụ cột 2 được áp dụng với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15% (cho dù Việt Nam có lựa chọn áp dụng hay không), thì **ưu đãi** thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng tại Việt Nam **sẽ không còn ý nghĩa**; dẫn đến Việt Nam sẽ không còn cạnh tranh trong thu hút, giữ chân các doanh nghiệp thuộc đối tượng này<sup>56</sup>.

**3.** Bên cạnh phương án trợ cấp bằng tiền hoặc giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn, một số phương án khác có thể được cân nhắc như: áp dụng thuế suất thuế ưu đãi với mức 15% suốt đời dự án; khấu trừ thêm chi phí, hoặc ưu đãi các loại thuế khác (giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...). Tuy nhiên, các phương án này sẽ không mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh áp dụng Trụ cột 2 do việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tác động trực tiếp đến phương án tài chính của doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi theo thu nhập tại Việt Nam; đồng thời, số doanh nghiệp loại này tương đối nhiều, trong số đó nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư và lợi nhuận lớn (hàng tỷ đô la Mỹ). Trong khi đó, phương án ưu đãi các loại thuế khác là không đáng kể đối với tác động tài chính của thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu.

Các hình thức như tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế cũng sẽ không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp do về bản chất sẽ

<sup>56</sup> Tùy vào thời gian hoạt động của dự án hoạt động, các dự án này đang hưởng các mức thuế suất ưu đãi khác nhau, tuy nhiên phần nhiều sẽ thấp hơn nhiều so với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15%. Theo đó, khi các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia của Công ty mẹ của các doanh nghiệp này áp dụng quy tắc Thuế tối thiểu toàn cầu, các doanh nghiệp này sẽ chịu thiệt hại nặng nề do phần Thuế bổ sung nộp tại quốc gia của công ty mẹ đối với phần chênh lệch giữa mức thuế suất hiệu quả khi đang hưởng ưu đãi tại Việt Nam và thuế suất tối thiểu 15%.

tác động vào thu nhập của doanh nghiệp và khi đó sẽ phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế tối thiểu toàn cầu.

Như đã nêu ở trên, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế và kết quả thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của nước ta tương đối cạnh tranh so với các nước trong khu vực. Theo số liệu của Bộ Tài chính, nếu tính doanh thu hợp nhất năm 2021, hiện chỉ có 619 Tập đoàn đa quốc gia (*khoảng 1.017 công ty thành viên tại Việt Nam*), trong đó chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của thuế tối thiểu toàn cầu<sup>57</sup>.

Theo số liệu quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022, Tổng cục Thuế tính toán sơ bộ có khoảng 122 Tập đoàn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam chịu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu nếu Thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng từ năm 2024 (sau khi đã loại trừ các trường hợp không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu<sup>58</sup>) (chi tiết tại Phụ lục VI).

Do đó, *trong ngắn hạn*, các ưu đãi về thuế hiện nay vẫn có thể là công cụ để thu hút đầu tư đối với nhóm doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. *Về dài hạn*, cần đánh giá sự hiệu quả và tính cạnh tranh của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành để đề xuất, xây dựng các giải pháp thu hút đầu tư mới nhằm tăng cường sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

4. Việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) sẽ làm giảm tính cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, qua đó làm ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài, thể hiện trên một số mặt sau: **(i)** Khó khăn trong việc thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, nhất là các dự án thuộc diện đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến việc Việt Nam khó khăn trong việc phát triển lĩnh vực ưu tiên (công nghệ cao, thân thiện với môi trường, đổi mới sáng tạo); **(ii)** Khó giữ chân các nhà đầu tư lớn và không khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; **(iii)** Hạn chế trong việc thu hút doanh nghiệp vệ tinh thuộc chuỗi cung ứng của những nhà đầu tư lớn, nhất là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao<sup>59</sup>, trong khi hiện nay, số lượng doanh nghiệp này là đáng kể, đóng góp quan trọng đối với phát triển các ngành công nghiệp tại

<sup>57</sup> Phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu là các công ty đa quốc gia đáp ứng ngưỡng doanh thu hợp nhất đạt tối thiểu 750 triệu EUR căn cứ theo báo cáo tài chính của tập đoàn theo từng quốc gia, tính ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm xem xét.

<sup>58</sup> Các trường hợp được loại trừ không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu gồm:

- Doanh nghiệp không đạt ngưỡng doanh thu và lợi nhuận.
- Doanh nghiệp có thuế suất thực tế lớn hơn mức tối thiểu 15%.

<sup>59</sup> Thuộc diện được hưởng ưu đãi miễn thuế 4 năm, giảm thuế 9 năm, thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm.



Việt Nam, nâng cao năng lực của doanh nghiệp Việt Nam và kết nối vào chuỗi giá trị sản xuất của thế giới.

5. Khi áp dụng Trụ cột 2, Việt Nam sẽ: *(i)* Giành được quyền đánh thuế bổ sung đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi Trụ cột 2 đang hoạt động tại Việt Nam và từ các tập đoàn Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài, ngăn dòng chảy thuế sang quốc gia khác và bổ sung nguồn thu cho ngân sách nhà nước; *(ii)* Giảm tác động trực tiếp của Trụ cột 2 đối với các Tập đoàn đa quốc gia, từ đó tăng sức cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài; *(iii)* Là động lực để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và ban hành chính sách mới, thu hẹp khoảng cách về chính sách giữa nội luật và thông lệ dẫn quốc tế, góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển và hội nhập của đất nước; *(iv)* Là cơ hội để rà soát và cập nhật chính sách ưu đãi đầu tư, qua đó không ngừng hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; *(v)* Thúc đẩy quá trình thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế Việt Nam tới năm 2030 theo Quyết định 508/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ với 03 trụ cột về: cải cách thể chế quản lý thuế hiệu quả theo hướng hội nhập, trong đó có việc áp dụng đầy đủ các chuẩn mực kiểm toán quốc tế - một vấn đề được công đồng nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm; phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin hiện đại trong bối cảnh kinh tế số.

6. Thuế suất tối thiểu toàn cầu bao gồm các quy tắc với các thuật ngữ và khái niệm lần đầu được đưa ra, nhiều quy định đang được OECD tiếp tục hoàn thiện; trong khi chính sách ưu đãi đầu tư dựa trên chi phí chưa được pháp luật Việt Nam quy định. Do đó, việc áp dụng Trụ cột 2 cũng như chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới sẽ phát sinh các vấn đề thực tiễn như sau:

*a) Xác định các doanh nghiệp thuộc phạm vi áp dụng Trụ cột 2*

Theo OECD, phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu gồm các Tổ chức thành viên thuộc Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hàng năm từ 750 triệu EUR trở lên trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao (UPE) trong ít nhất hai trong số bốn Năm tài chính ngay trước Năm tài chính được xem xét. Đồng thời, OECD cũng quy định cụ thể Tổ chức được loại trừ (không thuộc phạm vi áp dụng Thuế suất tối thiểu toàn cầu)<sup>60</sup> và Ngưỡng loại trừ tối thiểu (deminimis)<sup>61</sup>.

Đây là các quy tắc để xác định doanh nghiệp thuộc phạm vi Trụ cột 2, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc các Tập đoàn đa quốc gia và Tập đoàn của Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài (trong trường hợp Việt Nam

<sup>60</sup> Gồm: cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao, hoặc tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao, và các tổ chức loại trừ khác theo hướng dẫn của OECD.

<sup>61</sup> Tổ chức thành viên kê khai thuế có thể lựa chọn để Thuế bổ sung của các Tổ chức thành viên tại một nước được coi bằng 0 trong một Năm tài chính nếu Năm tài chính đó có: (a) Doanh thu theo GloBE bình quân tại nước đó dưới 10 triệu EUR; và (b) Thu nhập hoặc Lỗ theo GloBE bình quân tại nước đó là lỗ hoặc dưới 1 triệu EUR.

áp dụng Quy tắc IIR để thu phần Thuế bổ sung (nếu có) của các công ty Việt Nam đầu tư ra nước ngoài).

Như vậy, việc xác định đối tượng doanh nghiệp thuộc phạm vi áp dụng Trụ cột 2 đòi hỏi phải có: **(i)** cơ sở dữ liệu trên phạm vi quốc tế về tổ chức thành viên thuộc các Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất hàng năm từ 750 triệu EUR (ít nhất hai trong số bốn Năm tài chính ngay trước); **(ii)** phân loại đối tượng xem có thuộc Tổ chức được loại trừ hay không; **(iii)** xác định có thuộc ngưỡng loại trừ tối thiểu hay không. Theo đó, cơ quan thuế Việt Nam có thể xác định được các đối tượng này thông qua thông tin tại Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (“CbCR – Country by country report) có chứa các thông tin mức doanh thu hợp nhất của cả Tập đoàn đa quốc gia, danh sách các công ty thành viên...

#### *b) Xác định năm thuộc phạm vi áp dụng*

Việc xác định đối tượng áp dụng được thực hiện theo từng năm. Như đã đề cập, tại một Năm tài chính được xem xét, nếu Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hàng năm từ 750 triệu EUR trở lên trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao (UPE) trong ít nhất hai trong số bốn Năm tài chính ngay trước đó, thì tại Năm tài chính đó các Tổ chức thành viên sẽ thuộc phạm vi áp dụng Trụ cột 2.

Theo đó, để xác định đúng công ty thành viên tại Việt Nam thuộc các Tập đoàn đa quốc gia là đối tượng của Trụ Cột 2 sẽ cần dữ liệu thông tin tài chính đầy đủ, chính xác và kịp thời từ công ty mẹ tối cao của các Tập đoàn này. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam chưa có cơ chế trao đổi thông tin với các nước nên cũng sẽ có khó khăn nhất định trong việc tự thu thập và xác định thông tin<sup>62</sup>.

#### *c) Phòng ngừa tranh chấp về ưu đãi đầu tư*

Khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế hiện hành có khả năng khiếu nại để tiếp tục được hưởng ưu đãi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp. Theo đánh giá của OECD và các chuyên gia, khả năng nhà đầu tư nước ngoài chứng minh được thiệt hại trong trường hợp này là không cao, do đó khả năng thắng kiện là thấp. Lý do dù Việt Nam không thu thuế bổ sung thì các Tập đoàn đa quốc gia vẫn sẽ phải đóng thuế bổ sung tại quốc gia mẹ. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề cần lưu ý trong việc xây dựng chính sách, đảm bảo tính công bằng, rõ ràng, minh bạch, tránh cơ chế “xin-cho” để phòng ngừa tranh chấp đo khiếu nại, khiếu kiện là quyền của nhà đầu tư.

<sup>62</sup> Ví dụ phải thông qua báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, thông tin công khai trên internet của các tập đoàn, yêu cầu các công ty con tự cung cấp...

## **V. Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu và kiến nghị trong việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)**

### **1. Quan điểm xây dựng chính sách**

a) Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

### **2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách**

a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;

b) Cần có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

c) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

d) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hoà cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

đ) Phù hợp với quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

e) Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

### **3. Kiến nghị**

#### **3.1. Về việc triển khai áp dụng Trụ cột 2**

Hiện nay, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ<sup>63</sup> và Thủ tướng Chính phủ<sup>64</sup> Đề án về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam để giành quyền đánh thuế, trong đó đề xuất xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội để áp dụng Quy tắc QDMTT đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng Trụ cột 2. Từ những nghiên cứu và phân tích, đánh giá tại Mục V.6 văn bản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có một số lưu ý như sau:

<sup>63</sup> Báo cáo số 111/BC-BTC ngày 10/7/2023.

<sup>64</sup> Báo cáo số 55/BC-BTC ngày 13/4/2023.

*Thứ nhất*, về cơ sở dữ liệu, Bộ Tài chính cần xây dựng cơ chế thu thập thông tin về (i) Tổ chức thành viên của Tập đoàn đa quốc gia có Công ty mẹ tối cao đặt tại nước ngoài, (ii) Tổ chức thành viên tại nước ngoài của các Tập đoàn đa quốc gia nội địa, để đánh giá và xác định đối tượng thuộc phạm vi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu theo từng năm, (iii) xây dựng cơ sở dữ liệu để liên tục theo dõi các đối tượng này qua từng năm.

Trên thực tế, việc chủ động thu thập thông tin từ góc độ nước nhận đầu tư là khó. Do đó, Việt Nam cần chủ động đề xuất OECD là đầu mối thu thập và công bố thông tin về các tập đoàn thuộc đối tượng Trụ cột 2, đồng thời sẽ thông báo tới các quốc gia có công ty con thuộc tập đoàn đang hoạt động. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính sẽ rà soát bổ sung và có thông báo triển khai xuống các Cục thuế địa phương để nắm thông tin và có hỗ trợ kỹ thuật để các doanh nghiệp tính toán nộp bổ sung thuế theo cơ chế QDMTT.

*Thứ hai*, việc nội luật hóa các quy định của OECD cần nghiên cứu kỹ để đảm bảo thực hiện phù hợp theo hướng dẫn của OECD. Cụ thể, trong các Quy tắc mà OECD đưa ra (IIR, UTPR, QDMTT...), Việt Nam có thể lựa chọn chỉ áp dụng một hoặc một vài quy tắc mà không áp dụng toàn bộ. Tuy nhiên nếu đã lựa chọn áp dụng Quy tắc nào thì cần đảm bảo quy định tại nội luật thống nhất và đạt chuẩn theo hướng dẫn của OECD (về quy tắc, cách thức tính toán, các thuật ngữ kỹ thuật...). Việc xác định các quy định nội luật của Việt Nam có đạt chuẩn hay không cần tiếp tục tham khảo ý kiến của OECD<sup>65</sup>.

*Thứ ba*, trường hợp Việt Nam đưa ra chính sách ưu đãi đầu tư mới dựa trên chi phí, cần lưu ý chính sách ưu đãi này cần không được xem là tạo ra “lợi ích liên quan” đến các đối tượng thuộc phạm vi nộp thuế bổ sung theo Trụ cột 2, nếu không sẽ ảnh hưởng đến việc triển khai QDMTT. Theo đó chính sách ưu đãi cần độc lập, không liên quan đến đối tượng nộp thuế bổ sung theo cơ chế QDMTT tại Việt Nam. Bộ Tài chính cũng có ý kiến đồng thuận về vấn đề này.

*Thứ tư*, do các quy định sẽ ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, Việt Nam cần chuẩn bị trước trong trường hợp xảy ra các mâu thuẫn, ví dụ cơ chế Việt Nam đưa ra bị một quốc gia khác (ví dụ quốc gia của Công ty mẹ tối cao) coi là không đạt chuẩn (ví dụ cơ chế QDMTT) dẫn đến mâu thuẫn về cách thức tính toán như không cho trừ đi số thuế bổ sung đã nộp tại Việt Nam. Theo đó cần cơ chế trao đổi thông tin và giải quyết các mâu thuẫn nếu phát sinh.

*Thứ năm*, trong trường hợp áp dụng các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, có thể phát sinh việc khiếu nại từ phía các doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế

<sup>65</sup> Tại cuộc hội thảo trao đổi với chuyên gia OECD tại Tổng Cục thuế từ ngày 30/5 đến 2/6/2023, các chuyên gia OECD đã có nhiều ý kiến về các thuật ngữ kỹ thuật tại dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu còn chưa phù hợp với các quy tắc của OECD.

hiện hành liên quan đến đảm bảo ưu đãi đầu tư, theo đó Việt Nam cũng cần chuẩn bị cho tình huống này để giải quyết các mâu thuẫn phát sinh.

### 3.2. Về việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới

a) Để đảm bảo các quan điểm và mục tiêu nêu trên, trên cơ sở thực tiễn chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất một số nội dung sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục duy trì chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư hiện hành đối với doanh nghiệp không chịu ảnh hưởng của thuế tối thiểu toàn cầu, do đây đang được coi là công cụ hữu hiệu trong thu hút đầu tư và được đánh giá là cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

*Thứ hai*, để nhanh chóng có thêm giải pháp hỗ trợ đầu tư mới khi áp dụng Trụ cột 2 và duy trì sự cạnh tranh của môi trường đầu tư Việt Nam, kiến nghị xem xét việc trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>66</sup> vì các lý do sau:

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành có liên quan đến Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý thuế... Việc rà soát, sửa đổi các Luật nêu trên để có thể áp dụng ngay từ năm 2024 là không khả thi do cần thời gian nghiên cứu, đánh giá tác động.

- Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư kiến ban hành là đề xuất mới, nội dung khác với các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan nên cần thử nghiệm trong một thời gian trước khi Luật hoá.

*Thứ ba*, để đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của OECD và hạn chế rủi ro đối với ngân sách nhà nước, việc xây dựng Nghị quyết cần đảm bảo một số nguyên tắc sau: *(i)* Được xây dựng và ban hành độc lập với Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu; *(ii)* Nội dung tại dự thảo Nghị quyết sẽ quy định các nội dung mang tính chất nguyên tắc, định hướng để có căn cứ triển khai thực hiện các phương thức hỗ trợ đầu tư mới. Việc hướng dẫn chi tiết trong quá trình triển khai sẽ được quy định trong các Nghị định của Chính phủ.

*Thứ tư*, về dài hạn, cần đánh giá sự hiệu quả và tính cạnh tranh của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành để đề xuất, xây dựng các giải pháp thu hút đầu tư mới nhằm tăng cường sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

<sup>66</sup> Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;

b) Căn cứ các nội dung nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội ban hành thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao có các nội dung chính như sau:

(1) Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư<sup>67</sup> (danh sách các đối tượng áp dụng tại Phụ lục VII)

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

(2) Về hình thức hỗ trợ đầu tư: (i) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định và hệ thống công trình hạ tầng xã hội; (iii) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; và (iv) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

(3) Về phương thức hỗ trợ đầu tư: các khoản hỗ trợ đầu tư được cán trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

(4) Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết.

(5) Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

*(xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao tại Phụ lục VIII)*

<sup>67</sup> Theo rà soát, dự kiến có khoảng 22 doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng, bao gồm: (1) Công ty TNHH Samsung Display Bắc Ninh; (2) Công ty TNHH LG Display Việt Nam Hải Phòng; (3) Công ty TNHH Intel Products Việt Nam; (4) Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên; (5) Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE COMPLEX; (6) Công ty TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam; (7) Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam; (8) LUXSHARE - ICT ( VIETNAM ) LIMITED; (9) Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng; (10) Công ty TNHH WINTEK Việt Nam; (11) Công ty TNHH Sản xuất FIRST SOLAR Việt Nam; (12) Công ty TNHH LG INNOTEK Việt Nam Hải Phòng; (13) Công ty TNHH Pegatron Việt Nam; (14) Công ty TNHH FULIAN; (15) Công ty TNHH HANA MICRON VINA; (16) Công ty TNHH Fukang Technology; (17) Công ty Amkor Technology Việt Nam; (18) Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam; (19) Công ty TNHH JABIL Việt Nam (JABIL). (20) Công ty TNHH COMPAL Việt Nam; (21) Công ty TNHH VINA SOLAR TECHNOLOGY; (22) Công ty TNHH Fuhong Precision Component (Bắc Giang).

## VI. Đánh giá tác động các giải pháp đề xuất

### 1. Lý do lựa chọn các giải pháp

#### 1.1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư

Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì:

(i) Tiêu chí xác định doanh nghiệp cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được quy định tại pháp luật công nghệ cao<sup>68</sup> theo đó việc ưu đãi cho những đối tượng này sẽ không gây xáo trộn so với quy định hiện tại;

(ii) Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam<sup>69</sup> trong thời gian tới nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam về mặt dài hạn trong chuỗi cung ứng quốc tế nhằm đến việc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao made-in-Vietnam, đặc biệt trong các ngành nghề lĩnh vực công nghệ cao đang là xu hướng mới trên thế giới như bán dẫn. Ngoài ra khuyến khích, thúc đẩy việc đưa hoạt động nghiên cứu và phát triển về Việt Nam thông qua các trung tâm nghiên cứu và phát triển để nâng cao nền tảng công nghệ gốc, phát triển nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam.

(iii) Phù hợp với tính chất thí điểm và tính chọn lọc của chính sách để tập trung nguồn lực nhằm thu hút đầu tư vào một lĩnh vực ưu tiên, tránh ưu đãi dàn trải, tạo sự đột phá để đảm bảo vị thế cạnh tranh của Việt Nam, hạn chế tối đa tác động đến ngân sách nhà nước. Bản thân các sản phẩm và công nghệ thuộc lĩnh vực “công nghệ cao” theo Danh mục của Chính phủ cũng đã tương đối đa dạng, bao gồm cả các lĩnh vực về năng lượng như hydrogen, vật liệu, sinh học, v.v... theo đó đối tượng áp dụng vừa chọn lọc, lại vừa đủ phổ quát để khuyến khích đầu tư vào các sản phẩm, công nghệ tiên tiến.

Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng<sup>70</sup>, 12.000 tỷ đồng<sup>71</sup> và 30.000 tỷ đồng<sup>72</sup>. Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: (i) thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; (ii) khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư<sup>73</sup> (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

<sup>68</sup> Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; Thông tư 32/2011/TT-BKHHCN ngày 11/5/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2020/TT-BKHHCN ngày 28/9/2020)

<sup>69</sup> (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

<sup>70</sup> Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

<sup>71</sup> Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

<sup>72</sup> Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

<sup>73</sup> Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>74</sup>. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam.

Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế tối thiểu toàn cầu được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

### 1.2. Về hình thức hỗ trợ đầu tư:

(1) Việc lựa chọn các khoản chi phí được hỗ trợ dựa trên một số tiêu chí sau:

*Một là*, các khoản chi phù hợp với mục tiêu của chính sách thí điểm hỗ trợ đầu tư cho ngành công nghệ cao, có tính đột phá, tập trung vào các chi phí thiết yếu trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao.

*Hai là*, các khoản chi mang tính hỗ trợ nguồn lực đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam về bản chất kinh tế, phù hợp với định hướng phát triển.

*Ba là*, các khoản chi hỗ trợ phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa trên tham khảo kinh nghiệm các quốc gia khác trên thế giới.

*Bốn là*, các khoản chi mang tính chọn lọc, phù hợp với tình hình ngân sách, tránh trùng lặp với các khoản hỗ trợ ưu đãi đã được bố trí nguồn kinh phí khác để thực hiện.

(2) 04 hình thức hỗ trợ đầu tư nêu trên được quyết định vì thỏa mãn các tiêu chí nêu trên, cụ thể:

- Phù hợp với mục tiêu chính sách: các khoản chi hoàn toàn phù hợp và mang tính thiết thực với các doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao, cụ thể:

+ Loại hình *(i)* hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và *(ii)* hỗ trợ nghiên cứu và phát triển: phù hợp với tình hình thực tế của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao phải chi trả các khoản chi phí để đào tạo, phát triển nhân lực, và thực hiện các hoạt động nghiên cứu phát triển.

+ Loại hình *(iii)* hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và *(iv)* hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: là các khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp, theo đó có tính khuyến khích, hỗ trợ thiết thực để doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh với lĩnh vực công nghệ cao. Đối với các hệ thống công trình hạ tầng xã hội thì người lao động sẽ được hưởng lợi nhiều hơn khi được đảm bảo về chất lượng đời sống sinh hoạt.

- Mang tính đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam: Các khoản chi phí đầu tư mang lợi ích kinh tế thực chất có thể bao gồm chi phí đầu tư vào các tài sản

<sup>74</sup> Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.



hữu hình như nhà xưởng, máy móc thiết bị, chi phí nhân công. Bản thân OECD trong quy định Trụ cột 2 cũng đưa ra khái niệm về khoản khấu trừ thu nhập theo hoạt động kinh tế thực chất (“SBIE” – Substance based income exclusion) được trừ ra khỏi thu nhập khi tính toán thuế nộp bổ sung. Như vậy, trường hợp Việt Nam có cơ chế ưu đãi chi phí đối với chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản hữu hình và chi phí phát triển nguồn nhân lực thì cũng sẽ phù hợp với tinh thần của OECD trong việc khuyến khích đầu tư thực chất nêu trên. Bên cạnh đó, việc khuyến khích chi phí nghiên cứu và phát triển cũng hợp lý và phù hợp với định hướng phát triển chung của quốc gia.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới: Các quốc gia đang phát triển có tiền lệ ưu đãi theo chi phí có thể kể đến Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, bao gồm cơ chế về hỗ trợ chi phí đầu tư vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công nghệ và nghiên cứu phát triển, trong đó nổi bật là bộ 3 chính sách khuyến khích sản xuất điện tử của Ấn Độ, chính sách ưu đãi ngành xe điện của Trung Quốc, và chính sách theo Đạo Luật Tăng cường cạnh tranh của Thái Lan nhằm khuyến khích nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Các quốc gia phát triển cũng rất phổ biến hình thức đầu tư theo chi phí đối với nghiên cứu phát triển (như Vương quốc Anh, Ireland, Ba Lan, Pháp, v.v...), ưu đãi chi phí hoạt động, ưu đãi chi phí vốn (Ba Lan, Hungary, Singapore, v.v...). Như vậy 04 khoản chi phí được đưa ra theo Nghị quyết là hoàn toàn phù hợp và có tiền lệ áp dụng tại các quốc gia trên thế giới.

- Mang tính chọn lọc, phù hợp ngân sách, tránh trùng lặp các khoản chi đã có nguồn kinh phí hỗ trợ khác: 04 khoản chi phí được đưa ra có tính chọn lọc, sát với thực tế, dễ xác định và kiểm soát khi thực thi, theo đó giúp kiểm soát bội chi ngân sách. Trong khi đó, một số hình thức ưu đãi khác được đề cập tại Điều 18 Luật Đầu tư (ví dụ hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ tiếp cận mặt bằng hoặc hỗ trợ di dời; hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin) mang tính chất chung chung, khó xác định, có thể dẫn đến hỗ trợ đầu tư dàn trải gây tác động đến ngân sách; chi phí chuyên gia công nghệ thì đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, theo đó nếu đưa vào thì sẽ gây trùng lặp, ảnh hưởng đến ngân sách hỗ trợ. Do đó, đề xuất chỉ tập trung ngân sách để hỗ trợ cho 04 hình thức (i) hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; (iii) hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và hệ thống hạ tầng công trình xã hội; (iv) hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

(3) Theo Ngân hàng thế giới<sup>75</sup>, các loại hình đầu tư của nhiều nhà đầu tư được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau và được đặc trưng bởi những lợi ích, cơ hội và thách thức riêng biệt đối với nền kinh tế của từng quốc gia thu hút. Tuy

<sup>75</sup> Tại các báo cáo: (i) Why does efficiency-seeking FDI matter (2/2016): <https://blogs.worldbank.org/psd/why-does-efficiency-seeking-fdi-matter>; (ii) What Investors want (3/2018): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/168711522241146651/pdf/WPS8386.pdf>; (iii) Investment Motivation Survey (5/2016): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/727941530222301892/pdf/Investment-Motivation-Survey.pdf>

nhiên, các quốc gia khi xem xét xây dựng chính sách tư có thể xác định bốn loại hình đầu tư dựa trên động cơ của nhà đầu tư bao gồm: (i) Đầu tư tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên<sup>76</sup>; (ii) Đầu tư tìm kiếm thị trường trong nước<sup>77</sup>; (iii) Đầu tư tìm kiếm tài sản chiến lược<sup>78</sup>; và (iv) Đầu tư tìm kiếm hiệu quả<sup>79</sup>.

Đồng thời, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư chỉ ra rằng 3 yếu tố được nhà đầu tư xem là quan trọng nhất bao gồm: (i) An ninh và sự ổn định chính trị, (ii) Ưu đãi đầu tư và (iii) Khả năng dự báo chính sách kinh doanh.

- Đối với trường hợp của Việt Nam, Việt Nam đang có các thế mạnh về an ninh và sự ổn định chính trị, vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao thương và cung ứng, độ mở của nền kinh tế với 15 FTAs có hiệu lực. Các đặc điểm này cho phép Việt Nam có thể theo đuổi các chính sách để thu hút nhóm tập đoàn đa quốc gia tìm kiếm hiệu quả với điển hình là các tập đoàn sản xuất quy mô lớn và có năng lực liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, với mục tiêu tổng thể của chính sách thí điểm hỗ trợ đầu tư được quy định trong Nghị quyết là nhằm giữ chân và thu hút các nhà đầu tư lớn, các khoản hỗ trợ đầu tư cũng cần đủ hấp dẫn và tương xứng với các kỳ vọng lợi ích mà nhà đầu tư, trong đó tập trung vào các chi phí phát sinh lớn như chi phí đào tạo nhân lực, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí nghiên cứu và phát triển. Việc không hỗ trợ dàn trải cho nhiều loại chi phí tới các doanh nghiệp thuộc đối tượng vừa đảm bảo thực hiện được mục tiêu của chính sách, đồng thời hạn chế dư luận trái chiều khi cho rằng các đối tượng của Nghị quyết, trên hình thức, được cung cấp quá nhiều hỗ trợ vì chính sách thuế tối thiểu toàn cầu chỉ làm mất hoặc hạn chế tác dụng của các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với các nhà đầu tư quy mô lớn trong khi vẫn phát huy hiệu quả với các nhóm nhà đầu tư khác.

(2) Tại Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu *đề xuất các loại hình hỗ trợ khác như: chuyển giao công nghệ, nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân*

<sup>76</sup> Loại hình đầu tư này xảy ra khi nhà đầu tư tìm cách tiếp cận tài nguyên cụ thể theo địa điểm (ví dụ: kim cương, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, than đá và các tài nguyên khoáng sản và khai thác khác, cũng như các nguồn năng lượng tái tạo). Mặc dù loại hình đầu tư này có thể tạo ra doanh thu xuất khẩu và tài chính đáng kể, nhưng nước sở tại sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn nếu quá trình xử lý giá trị gia tăng diễn ra trong nước và nếu một hệ sinh thái cạnh tranh của các nhà cung cấp địa phương về hàng hóa và dịch vụ khác nhau được sử dụng trong khai thác có thể được tạo ra một cách bền vững.

<sup>77</sup> Loại hình đầu tư này được thúc đẩy bởi tiềm năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng trong nước sở tại hoặc thị trường khu vực. Loại hình này gần như hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của thị trường. Loại hình FDI này là một phương tiện quan trọng để công nghiệp hóa một quốc gia, vì có tiềm năng phát triển mối liên kết với nền kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng của các nhà cung cấp địa phương, tạo ra sự cạnh tranh, tăng năng suất và hạ giá cho người tiêu dùng.

<sup>78</sup> Loại hình đầu tư này được sử dụng để mua tài sản chiến lược bất động, thông tin kinh doanh, công nghệ độc quyền và thương hiệu. Loại hình này đòi hỏi nhà đầu tư phải mua lại các công ty sở hữu tài sản chiến lược và sở hữu mạng lưới các chi nhánh của công ty.

<sup>79</sup> Loại hình đầu tư này được thúc đẩy khi các nhà đầu tư tìm cách tăng hiệu quả chi phí sản xuất bằng cách tận dụng các yếu tố cải thiện khả năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp. Ví dụ như khả năng tận dụng chi phí lao động thấp hơn hoặc năng suất lao động cao hơn, tiếp cận mặt bằng sản xuất dễ dàng hơn hoặc rẻ hơn, tiếp cận thị trường xuất khẩu dễ dàng hơn hoặc thậm chí ưu đãi hơn, tiếp cận các nguyên vật liệu đầu vào và linh kiện chính thuận lợi hơn, hay các mô hình sản xuất và cung ứng quốc tế hiệu quả hơn. So với 3 nhóm trên, đây là nhóm đóng vai trò quan trọng cho các quốc gia đang tìm kiếm cơ hội hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tiến lên trong chuỗi giá trị.

và tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh. Liên quan đến vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có một số nhận xét như sau:

(i) *Hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ*: chuyển giao công nghệ đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ<sup>80</sup>. Theo đó, không cần thiết bổ sung hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ vào để tránh trùng lặp, tập trung ngân sách để khuyến khích các hình thức hỗ trợ đầu tư mới (chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực) là các khoản chi trọng yếu, có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, có tác dụng thu hút các dự án chiến lược.

(ii) *Hình thức hỗ trợ nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân*: đã tiếp thu và bổ sung theo hướng: “hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và hệ thống công trình hạ tầng xã hội<sup>81</sup>”. Đối với nhà ở xã hội đã được Nhà nước hỗ trợ bằng nhiều chính sách khác thông qua Luật Đất đai, Luật Nhà ở, hỗ trợ tín dụng,... Mặt khác, trong bối cảnh xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư có tác dụng thay thế chính sách ưu đãi đầu tư bị giảm hiệu quả bởi Thuế tối thiểu toàn cầu thì hình thức hỗ trợ này chưa đủ mức độ hấp dẫn với các nhà đầu tư. Do đó, không nên lồng ghép vào chính sách thí điểm hỗ trợ đầu tư đặc thù này mà có thể nghiên cứu cân nhắc đưa vào các kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư tại các văn bản quy định khác.

(iii) *Tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*: Việc hỗ trợ tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh không phù hợp với mục tiêu của chính sách hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực công nghệ cao, không phù hợp với mục tiêu thí điểm của chính sách, có thể gây tình trạng hỗ trợ dàn trải. Ngoài ra, mặc dù là hình thức hỗ trợ mang tính chất bền vững và đi theo xu hướng chung của thế giới, căn cứ trên tình hình thực tiễn triển khai năng lượng xanh của Việt Nam, chúng ta vẫn cần thêm thời gian để phát triển thêm về năng lực cơ sở. Việc đưa ra hình thức hỗ trợ không tương xứng với năng lực hiện có sẽ làm chính sách không đạt được hiệu quả kỳ vọng, mà thay vào đó cần được tiếp tục cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra một chính sách ưu đãi đồng bộ áp dụng riêng cho lĩnh vực tăng trưởng xanh, thay vì lồng ghép vào chính sách hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực công nghệ cao theo dự thảo Nghị quyết hiện tại. Đồng thời, hiện nay, Bộ Công Thương cũng đang được Chính phủ giao nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công cụ tài chính, cơ chế khuyến khích, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với các dự án đầu tư vào sử dụng hiệu quả năng lượng<sup>82</sup>.

Như vậy, các hình thức hỗ trợ đề xuất tại dự thảo Nghị quyết sẽ đảm bảo được các yếu tố: (i) đủ hấp dẫn các nhà đầu tư mới; (ii) tương xứng với các kỳ vọng của các nhà đầu tư hiện hữu bị ảnh hưởng bởi thuế tối thiểu toàn cầu, đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư tăng vốn đầu tư, mở rộng quy mô dự án; (iii) không hỗ trợ dàn trải nhiều chi phí cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng thuế tối thiểu toàn cầu.

<sup>80</sup> Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ hiện hành được quy định tại Điều 8 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

<sup>81</sup> Theo quy định tại Khoản 23 Điều 3 Luật Xây dựng, hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên và công trình khác.

<sup>82</sup> Mục IV.1.d Điều 1 Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

### 1.3. Về phương thức hỗ trợ đầu tư:

- Phù hợp với các khuyến nghị của OECD trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

- Đây là các hình thức hỗ trợ đầu tư mà các quốc gia trong khu vực đang áp dụng, trong khi đó tại Việt Nam thì chưa được quy định cụ thể tại các văn bản pháp luật. Việc áp dụng thí điểm sẽ là cơ sở để có thể đổi mới nguyên tắc ưu đãi đầu tư trong tương lai.

### 1.4. Về mức hỗ trợ đầu tư:

#### (1) Giải pháp 1: quy định mức hỗ trợ trần trên tổng mức đầu tư

a) Ưu điểm: (i) Dễ dàng xác định được số tiền tối đa cần chi hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Phù hợp với các kêu gọi các dự án đầu tư mới hỗ trợ bằng tiền ngay một lần để xây dựng nhà máy sản xuất.

b) Nhược điểm: (i) Vốn đầu tư là một chỉ tiêu cố định không có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đang hoạt động và số thu thuế bổ sung vào ngân sách nên việc đưa ra mức trần trên vốn đầu tư không gắn việc kiểm soát ngân sách với các chính sách khuyến khích đầu tư theo hướng hiệu quả hoạt động; (ii) không chế ưu đãi hỗ trợ dựa trên tổng mức đầu tư có thể gây bất lợi cho các công ty công nghệ cao lớn như Samsung có quy mô doanh thu lớn, khả năng sinh lời trên vốn đầu tư cao (khả năng sinh lời nhờ vào công nghệ cao), nộp thuế nhiều. Trong khi đó cũng có các công ty có vốn đầu tư lớn nhưng hoạt động không hiệu quả, doanh thu thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư thấp thậm chí lỗ thì lại nhận được nhiều hỗ trợ. Điều đó dẫn đến đi ngược lại với mục tiêu thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn và có ảnh hưởng kinh tế xã hội<sup>83</sup>. (iii) Không chế dẫn đến không công bằng giữa các nhà đầu tư: Vì vốn đầu tư không có mối liên hệ chặt chẽ đến kết quả kinh doanh nên sẽ có sự không công bằng giữa các nhà đầu tư<sup>84</sup>.

#### (2) Giải pháp 2: Quy định mức hỗ trợ trần trên doanh thu

a) Ưu điểm: (i) Dễ xác định; (ii) Doanh thu là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, có mối liên hệ tương đối với số thuế nộp bổ sung, phản ánh được đóng góp về việc làm, chuỗi cung ứng, kim ngạch xuất nhập khẩu, tác động kinh tế xã hội. Do đó, quy định mức trần trên doanh thu vừa có tác dụng kiểm soát ngân sách tốt hơn mức trần trên vốn đầu tư vừa tạo sự công bằng giữa các đối tượng được hỗ trợ.

b) Nhược điểm: (i) Chỉ tiêu doanh thu có liên quan đến xác định lợi nhuận, mà lợi nhuận là chỉ số dùng để tính thuế nên có thể có khả năng OECD sẽ chất vấn là hỗ trợ có liên quan đến nghĩa vụ thuế nộp bổ sung; (ii) Không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách.

(3) Giải pháp đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ các phân tích nêu trên, có thể nhận thấy việc đưa ra mức chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu

<sup>83</sup> như Samsung, LG, Intel,...

<sup>84</sup> Ví dụ, Nhà đầu tư A và B cùng có mức vốn đầu tư là 12,000 tỷ. Nhà đầu tư A có tỷ suất lợi nhuận cao, phải nộp thuế bổ sung cao trong khi Nhà đầu tư B có tỷ suất lợi nhuận thấp phải nộp thuế thấp hơn. Nếu đưa ra mức không chế hỗ trợ theo % số vốn đầu tư thì cả 2 nhà đầu tư A và B cùng chịu chung một mức không chế ưu đãi. Như vậy không công bằng đối với nhà đầu tư có tỷ suất lợi nhuận cao.

tư hay doanh thu không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách mà còn có thể hạn chế thu hút đầu tư hoặc không hỗ trợ đến đúng đối tượng cần khuyến khích làm giảm hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án không quy định chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu, mà thay vào đó kiến nghị phương án: “*Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết*”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

## 2. Đánh giá tác động

**2.1. Tác động về kinh tế xã hội:** tạo ra sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư mới cũng như giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng nhằm đạt được mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD (30 - 40 tỉ USD/năm) và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD (40 - 50 tỉ USD/năm)<sup>85</sup>.

### 2.2 Sự phù hợp với các cam kết quốc tế

#### a) Sự phù hợp với các quy tắc OECD

Nhằm đạt được mục tiêu của chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận, OECD cũng có khuyến nghị một số nội dung nhằm tránh hiện tượng đảo ngược chính sách, cụ thể là cấm các quốc gia cung cấp các lợi ích có liên quan đến các quy tắc của Trụ cột II.

#### (1) Định nghĩa “lợi ích có liên quan” theo quy định của Trụ cột II

Theo Luận giải (Commentary) hướng dẫn chi tiết các Quy tắc mẫu<sup>86</sup>, khái niệm “lợi ích” được diễn giải như sau:

Thuật ngữ “các lợi ích” là bao quát và toàn diện để điều chỉnh bất kỳ loại lợi thế nào được cung cấp bởi một khu vực pháp lý, bao gồm các ưu đãi về thuế và trợ cấp; và cụm từ “liên quan đến các quy tắc” được soạn thảo có chủ ý với phạm vi rộng để tính đến các cơ chế khác nhau mà qua đó lợi ích được cung cấp.

*The word “benefits” is comprehensive enough to cover any kind of advantage provided by a jurisdiction, including tax incentives, grants, and subsidies and the phrase “related to such rules” is intentionally drafted with broad language to take into account different mechanisms through which the benefit is provided.*

#### (2) Chủ thể cung cấp “lợi ích có liên quan”

Theo Điều 126 trang 213 tại bản Luận giải của OECD, khi xem yếu tố “khu vực pháp lý” cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc áp dụng các quy tắc của

<sup>85</sup> Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

<sup>86</sup> Điều 123 trang 213 của Commentary

Trụ cột II, khái niệm “khu vực pháp lý” không chỉ là quốc gia hoặc chính quyền trung ương của khu vực pháp lý đó, mà còn bao gồm bất kỳ các phân khu chính trị, chính quyền địa phương, hoặc bất kỳ tổ chức công lập. Ví dụ, nếu một ngân hàng phát triển công lập cung cấp một lợi ích cụ thể liên quan đến việc áp dụng quy tắc thu nhập gộp IIR, thì quy tắc thu nhập gộp IIR áp dụng tại khu vực pháp lý đó không được coi là đạt chuẩn.

*In this context, the term “jurisdiction” is not restricted to the national or central government of the jurisdiction. It includes any political subdivision, local authority, or any other public entity or arrangement. For example, if a public development bank provides a particular benefit that is related to the application of the IIR, then such rule is not a Qualified IIR.*

### (3) Mục đích cấm cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Yêu cầu “các khu vực pháp lý không được cung cấp bất kỳ lợi ích liên quan đến các quy tắc” của Trụ cột II được quy định trong định nghĩa về IIR, UTPR, DMTT đạt chuẩn tại Quy tắc mẫu (Model Rules)<sup>87</sup> và diễn giải các định nghĩa này trong Bản luận giải (Commentary)<sup>88</sup>.

Mục đích của các quy định cấm này là để tránh các nước áp dụng các hiện pháp đối ứng mang tính chất tiêu cực hoặc đi ngược lại với mục tiêu chung của Trụ cột II là chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước tái cấu trúc hệ thống ưu đãi theo hướng có hiệu quả hơn.

Mục đích này có thể được hiểu thông qua diễn giải về Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT) tại Điểm 116 trang 212 của Commentary như sau<sup>89</sup>:

*Thuế bổ sung nội địa được coi là là đạt chuẩn nếu được áp cho phần Lợi nhuận thặng dư của các Công ty trong nước nhằm tăng nghĩa vụ thuế lên Mức tối thiểu chung toàn cầu. Việc đánh thuế bổ sung nội địa phải được thực hiện và quản lý để tạo ra kết quả tương đương như khi áp dụng Quy tắc GloBE và các Luận giải, bao gồm cả việc cấm các khu vực pháp lý cung cấp bất kỳ lợi ích có liên quan đến thuế nội địa đó. Giới hạn về “lợi ích” này **không nhằm mục đích hạn***

<sup>87</sup> Nội dung này quy định rai rác trong định nghĩa Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax), Quy tắc gộp thu nhập chịu thuế đạt chuẩn (Qualified IIR), Quy tắc nộp thuế thặng dư (Qualified UTPR) tại trang 64, 65 của Quy tắc mẫu (OECD Model Rule).

<sup>88</sup> Ví dụ tại Điểm 141 trang 216 của Commentary khi diễn giải về UTPR đạt chuẩn có nêu “The definition **prohibits** a jurisdiction from providing benefits that are related to the IIR or the UTPR that it has implemented. See discussion on this in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. – Định nghĩa này cấm các khu vực pháp lý cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc thực hiện quy tắc IIR hoặc UTPR

<sup>89</sup> 116. Qualified Domestic Minimum Top-up Tax means a tax that applies to Excess Profits of the domestic Constituent Entities and operates to increase domestic tax liability with respect to those profits to the Minimum Rate. The tax must be implemented and administered in a way that is consistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary, including the prohibition against the implementing jurisdiction providing any collateral or other benefits that are related to such domestic tax as discussed further in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. This limitation on collateral benefits is not intended to restrict the ability of a jurisdiction to make changes to the design of its corporate tax system in light of the new international tax architecture under the GloBE Rules. Such changes to the domestic corporate tax rules consequent on the introduction of a domestic minimum tax should not be considered a benefit provided that they do not result in MNE Groups achieving overall tax outcomes that are inconsistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary.

chế khả năng của một khu vực pháp lý tiến hành cải cách hệ thống thuế thu nhập doanh nghiệp của mình theo hướng phù hợp với cấu trúc thuế quốc tế mới được quy định trong Quy tắc GloBE. Những cải cách sau khi áp dụng thuế tối thiểu nội địa này không nên được coi là một “lợi ích” với điều kiện là nghĩa vụ thuế sau cải cách của Tập đoàn đa quốc gia, về mặt tổng thể, không đi ngược lại với mục đích, định hướng của các quy định tại Quy tắc GloBE và các Luận giải tương ứng.

Do đó, các chính sách trợ cấp trực tiếp (không thông qua hệ thống thuế) hoặc QRTC (cho phép cân trừ với các loại thuế khác) sẽ ít rủi ro bị coi là lợi ích trực tiếp liên quan đến QDMTT.

*(4) Cơ sở đánh giá việc cung cấp các “lợi ích có liên quan”*

Theo Commentary của OECD, để xem xét liệu một lợi ích có liên quan đến Quy tắc mẫu của Trụ cột II hay không cần phải xem xét toàn bộ các tình tiết, sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ việc. Trong đó phải xem xét nguyên tắc cơ bản của Trụ cột II là tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa tất cả các khu vực pháp lý và tránh các hành động đi ngược mục đích do có sự khác biệt trong việc triển khai và áp dụng các quy tắc GloBE.

OECD đã cung cấp một số yếu tố cần được tính đến khi đánh giá liệu có “lợi ích liên quan đến các quy tắc” tại điểm 126<sup>90</sup> trang 213 của Luận giải như sau:

- Liệu lợi ích chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu Trụ cột Hai hay không;
- Liệu lợi ích có được giới thiệu như là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không; Và
- Liệu lợi ích có được giới thiệu sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không<sup>91</sup>.

*(Ghi chú: OECD chưa quy định toàn bộ các yếu tố đánh giá, các yếu tố này được xem là chỉ dẫn bước đầu khi đánh giá và lưu ý khi thiết kế chính sách ưu đãi để đảm bảo không vi phạm nguyên tắc này).*

Đối với QDMTT nếu Chính phủ có cung cấp khoản lợi ích có liên quan thì chính sách thuế tối thiểu nội địa coi như không đạt tiêu chuẩn. Thuế tối thiểu nội địa bổ sung không đạt chuẩn thì số thuế tối thiểu nộp thêm tại Việt Nam sẽ không được trừ khỏi công thức tính thuế tối thiểu bổ sung toàn cầu. Việc thuế tối thiểu bổ sung nội địa không đạt chuẩn làm tăng thêm nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp do phải nộp thêm thuế bổ sung tại quốc gia khác và có khả năng dẫn đến đánh trùng thuế giữa các quốc gia cũng như phát sinh thêm các thủ tục hành chính trong việc kê khai tính toán và có nguy cơ phát sinh các tranh chấp do sự khác biệt về tính toán giữa các quốc gia.

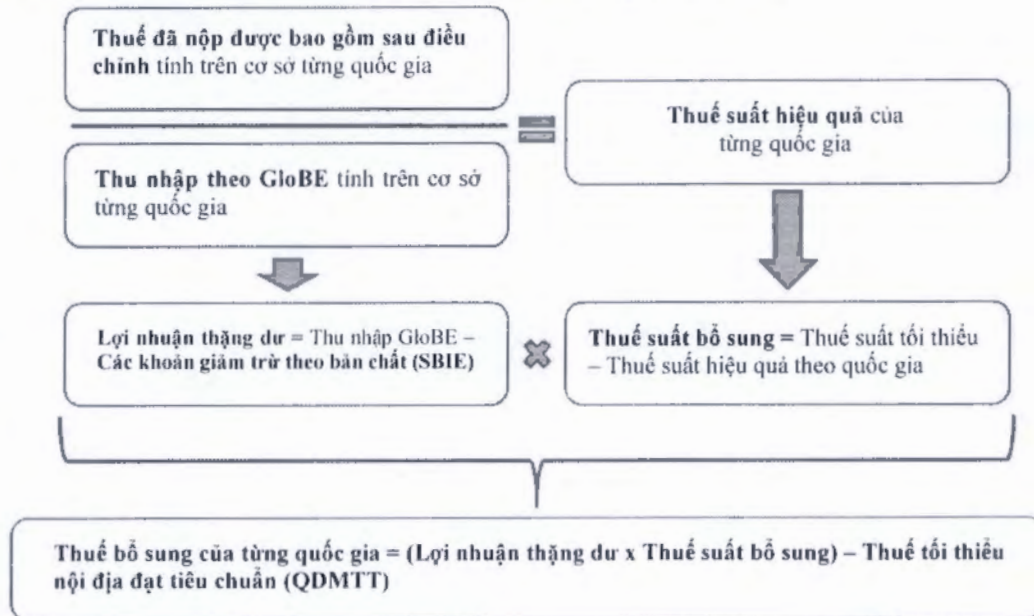
<sup>90</sup> A tax benefit or grant provided to all taxpayers is not related to the GloBE Rules. Facts that are relevant but not decisive include whether the tax benefit or grant benefits only taxpayers subject to the GloBE Rules, whether the benefit is marketed as part of the GloBE Rules and if the regime was introduced after the OECD/G20 Inclusive Framework started discussing the GloBE Rules.

<sup>91</sup> OECD/G20 Inclusive Framework lập cách tiếp cận 2 trụ cột vào tháng 1/2019

(5) Thiết kế chính sách cần không làm giảm thuế suất hiệu quả để có thể mang lại lợi ích thực tế cho doanh nghiệp.

### Công thức của Trụ Cột II:

Công thức tính số thuế nộp bổ sung theo quy tắc IIR



$$\text{Thuế suất hiệu quả (ETR) của từng quốc gia} = \frac{\text{Số thuế đã nộp của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}{\text{Thu nhập trước thuế của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}$$

Căn cứ công thức nêu trên thuế suất hiệu quả càng thấp thì số thuế nộp bổ sung càng lớn hay nói cách khác nếu các khoản ưu đãi hỗ trợ có tác dụng làm giảm ETR thì sẽ làm tăng số thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các chính sách hỗ trợ đưa ra đều cần xem xét sẽ ảnh hưởng đến ETR như thế nào.

Với công thức tính ETR ở trên, các hình thức ưu đãi sẽ tác động vào ETR thông qua việc (i) giảm tử số - làm giảm số thuế bao gồm (Covered Taxes) hoặc (ii) tăng mẫu số - làm tăng thu nhập (GloBe income).

OECD trong tài liệu về Ưu đãi thuế và trụ cột 2 tháng 10/2022 đã đưa ra phân tích về các loại công cụ ưu đãi tác động như thế nào đến ETR như sau:

Bản chất khoản hỗ trợ	Loại công cụ	Lợi ích thuế bị ảnh hưởng bởi cách tính thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)	Ảnh hưởng đến thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)		Lựa chọn công cụ ưu đãi
			Tử số	Mẫu số	



Ưu đãi dựa trên thu nhập		Miễn hoàn toàn	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
		Miễn một phần	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
		Giảm thuế suất	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
Ưu đãi dựa trên chi phí	Giảm trừ thu nhập chịu thuế <sup>1</sup>	Trợ cấp thuế <sup>3</sup>	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
		Chi phí hóa tức thì và khấu hao nhanh	Ít khả năng	Điều chỉnh phát sinh mang tính theo thời điểm		Không lựa chọn vì công cụ này chỉ đem lại lợi ích về mặt thời gian thông qua việc trì hoãn nộp thuế nhưng không mang lại lợi ích bù đắp cho các doanh nghiệp
		Đối với tài sản hữu hình, máy móc thiết bị và nhà cửa	Không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng công thức tính		
		Đối với các tài sản vô hình có thời hạn ngắn	Ít khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		
		Tài sản khác	Nhiều khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		Không lựa chọn
	Giảm trừ thuế	Các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện (QRTC)	Ít khả năng	Ghi chú 2	↑	<b>Nên lựa chọn vì khoản giảm trừ thuế đạt chuẩn được tính vào thu nhập chịu thuế nên không làm giảm GloBE ETR có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư</b>
		Các khoản giảm trừ thuế khác	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn vì khoản giảm trừ không đạt chuẩn sẽ làm giảm Adjusted Covered Tax nên sẽ làm giảm GloBE ETR

Theo phân tích nêu trên chỉ có các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đạt chuẩn (QRTC – Qualify Refundable Tax Credit) là công cụ ưu đãi dựa trên chi phí được cân trừ với nghĩa vụ thuế đạt tiêu chuẩn hoàn lại, khoản hỗ trợ này được hạch toán vào thu nhập kế toán và làm tăng mẫu số do đó ít ảnh hưởng đến ETR, ít khả năng làm tăng nghĩa vụ thuế bổ sung nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư.

Định nghĩa QRTC: (Điều 10.1.1 trang 65 Model rule)<sup>92</sup>

**Khấu Trừ Thuế Được Hoàn Lại Đạt Chuẩn (QRTC)** là một khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại với điều kiện khoản này phải được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền mặt trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để được khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khoản khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại một phần đạt chuẩn (Là QRTC) nếu Khoản khấu trừ thuế đó được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để nhận các khoản khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế được Hoàn lại đạt chuẩn (QRTC) không bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào có thể được khấu trừ hoặc được hoàn lại theo chính sách thuế quy cho bên thực hưởng (Qualified Imputation Tax).

Tham khảo thêm nội dung QRTC tại điều 3.2.4 trong tài liệu luận giải về trụ cột 2 cho thấy bản chất QRTC là các khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cân trừ với nghĩa vụ thuế hoặc chi bằng tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty thành viên đáp ứng điều kiện được hưởng khoản hỗ trợ. (Trường hợp không cân trừ hết Chính phủ sẽ chi trả bằng tiền mặt, khoản hỗ trợ không bị giới hạn hay liên quan đến nghĩa vụ thuế phải nộp.)

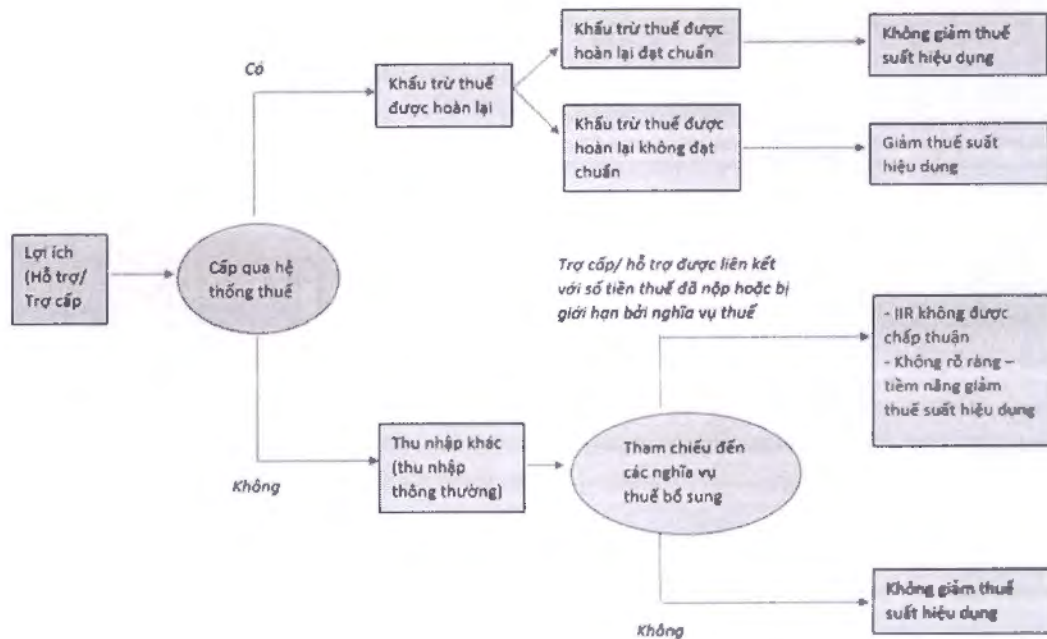
QRTC nên được xây dựng trên nguyên tắc là Chính Phủ hỗ trợ cho doanh nghiệp đối với một số các hoạt động cụ thể mà các hỗ trợ đó sẽ được cấp bằng tiền hoặc tương đương tiền (lưu ý: bù trừ với các loại thuế khác cũng được hiểu là tương đương tiền) thì được coi là có bản chất tương tự như Trợ cấp Chính Phủ (Government Grant) do đó nên được xử lý tương tự như một khoản Trợ cấp Chính Phủ, tức là được coi là thu nhập, thay vì giảm trừ nghĩa vụ thuế, khi tính ETR.<sup>93</sup>

Nhìn chung, các khoản hỗ trợ, trợ cấp đầu tư có thể được chi trả theo hai phương thức (i) chi trả qua hệ thống thuế, hoặc (ii) chi trực tiếp hoặc theo các hình thức khác không qua hệ thống thuế như minh họa dưới đây:

<sup>92</sup> Qualified Refundable Tax Credit means a refundable tax credit designed in a way such that it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A tax credit that is refundable in part is a Qualified Refundable Tax Credit to the extent it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A Qualified Refundable Tax Credit does not include any amount of tax creditable or refundable pursuant to a Qualified Imputation Tax or a Disqualified +Refundable Imputation Tax.

<sup>93</sup> This reflects that these types of refundable tax credits share features of, and should be treated in the same way as, government grants that form part of income, given that they are in effect government support for a certain type of activity that can ultimately be received in cash or cash equivalent

Trong đó, khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (Cash grant) hoặc chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cân trừ với nghĩa vụ thuế hoặc trả tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty đáp ứng điều kiện được hỗ trợ (QRTC) không làm giảm thuế suất hiệu quả nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư khi áp dụng Trụ cột 2.



***Lưu ý với trường hợp chi trả qua hệ thống thuế (Khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp).***

Model rules và Commentary của OECD không đưa ra điều khoản cụ thể về việc xử lý các khoản hỗ trợ hoặc trợ cấp của chính phủ trong tất cả các trường hợp mà chỉ hướng dẫn cho các trường hợp hỗ trợ/trợ cấp được cung cấp dưới hình thức khấu trừ thuế (bù trừ với số thuế phải nộp).

Theo đó, trường hợp các hình thức ưu đãi được thiết kế dưới hình thức khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp (Tax credits) nên được thiết kế theo hình thức Khấu trừ chi phí vào thuế được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax credits - QRTC), vì các khoản khấu trừ nếu không đạt tiêu chuẩn QRTC sẽ ảnh hưởng đến Thuế suất hiệu quả ETR<sup>94</sup> và không mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp. (Xem Minh họa số 1)

Theo đó, nếu Chính phủ cho phép Công ty khấu trừ thẳng vào số thuế phải nộp đối với chi phí của một số hoạt động cụ thể, hoặc hoàn lại chi phí chưa khấu trừ hết nếu công ty không phát sinh nghĩa vụ thuế thì khoản khấu trừ đó phải có

<sup>94</sup> Theo Luận giải số 13 trang 89 của Commentary về Trụ cột II: Nếu vì mục đích tài chính kế toán, thì các khoản khấu trừ chi phí thuế được hoàn lại nếu không đạt chuẩn vẫn có thể coi là thu nhập của Công ty. Tuy nhiên, với mục đích theo GloBE, thì khoản khấu trừ này sẽ bị loại trừ trong công thức tính toán thu nhập GloBE và được coi là khoản giảm chi phí thuế của Công ty. Để này ảnh hưởng đến tử số trong công thức tính ETR. Còn đối với trường hợp khoản khấu trừ đạt chuẩn – QRTC thì khoản khấu trừ này sẽ được coi là thu nhập trong Công thức tính ETR.

khả năng được hoàn lại trong vòng 4 năm từ khi đáp ứng các điều kiện theo quy định<sup>95</sup>.

***Lưu ý với trường hợp chi trả theo hình thức khác không qua hệ thống thuế***

Khoản trợ cấp của Chính phủ nếu có liên kết hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ thuế sẽ không được coi là khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện dẫn đến việc phải tính toán lại và làm giảm thuế suất hiệu quả GloBE ETR. Do đó, nếu đã chi trả không thông qua hệ thống thuế thì không nên có các quy định tham chiếu đến các nghĩa vụ thuế bổ sung.

***(6) Kết luận***

Các đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ đầu tư tại Dự thảo Nghị quyết sẽ không vi phạm các quy tắc của OECD vì:

(i) Khoản hỗ trợ không phải là cung cấp lợi ích có liên quan đến chính sách thuế tối thiểu nội địa bổ sung để chính sách này có thể đạt chuẩn theo quy định của OECD là QDMTT. Theo đó:

- Chính sách hỗ trợ áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, không chỉ áp dụng với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi trụ cột 2, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới.

- Chính sách không được giới thiệu là một phần của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, số tiền hỗ trợ không thể hiện mối liên hệ đến số thuế nộp bổ sung.

- Chính sách cũng dựa trên các tiêu chí hoặc quy định đã có từ trước để giảm thiểu việc giới thiệu một chính sách mới sau khi áp dụng trụ cột 2.

(ii) Chính sách hỗ trợ có hình thức Cash grant hoặc QRTC để mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư. Theo đó, khoản hỗ trợ sẽ là khoản ưu đãi hỗ trợ dựa trên chi phí, không liên quan đến hoặc giới hạn bởi nghĩa vụ thuế phải nộp (hay liên quan đến doanh thu, lợi nhuận).

***b) Sự phù hợp với cam kết WTO***

Điều XVI Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch GATT 1994 và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-Hiệp định SCM) đưa ra các quy định về các khoản trợ cấp của chính phủ.

***(1) Định nghĩa của trợ cấp theo WTO:***

Trợ cấp được định nghĩa là các khoản trợ giúp bằng tài chính của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Trợ cấp có thể có một trong các hình thức sau hoặc kết hợp của các hình thức dưới đây, từ chính phủ hoặc thông qua các quỹ, các tổ chức tín thác, hoặc tư nhân:

- Trợ cấp trực tiếp bằng tiền (ví dụ: cấp vốn, cho vay hoặc góp vốn cổ phần);

<sup>95</sup> Theo định nghĩa QRTC tại điều 10.1.1 của Model Rules trang 65

- Các khoản tiền hoặc nợ có thể được chuyển trong tương lai (ví dụ: bảo lãnh khoản vay);

- Miễn hoặc bỏ qua các khoản lẽ ra phải đóng (ví dụ: ưu đãi thuế, tín dụng);

- Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung). Trợ cấp sẽ phải tuân theo các quy tắc trong Hiệp định SCM nếu thỏa mãn điều kiện về “tính riêng biệt”, tức là các khoản trợ cấp này được áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, một ngành hoặc nhóm doanh nghiệp hoặc nhóm ngành. WTO yêu cầu các nước thành viên hạn chế các khoản trợ cấp làm sai lệch việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Các chương trình trợ giúp của chính phủ được áp dụng rộng rãi trong một nền kinh tế có thể không vi phạm nguyên tắc nêu trên. Theo quy định tại Hiệp định SCM, các trường hợp trợ cấp dưới đây có thể bị coi là có “tính riêng biệt”:

- Trợ cấp cho các doanh nghiệp cụ thể, hoặc ngành cụ thể.

- Trợ cấp cho một khu vực địa lý cụ thể.

- Các khoản trợ cấp bị cấm

#### (2) Các loại trợ cấp theo WTO

Về nguyên tắc, Chính phủ có thể trợ cấp cho các công ty với những hạn chế và điều kiện nhất định.

Hiệp định SCM xác định hai loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm (trợ cấp đèn đỏ), trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng - tức là có thể bị thách thức trong WTO hoặc áp dụng các biện pháp đối kháng). Ban đầu, Hiệp định SCM có một danh mục thứ ba là Trợ cấp không bị khiếu kiện (trợ cấp đèn xanh). Danh mục này tồn tại trong năm năm, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999 và không được gia hạn.

- Về trợ cấp bị cấm, theo điều 3 của Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây bị cấm:

+ Trợ cấp xuất khẩu - nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào dựa trên một hoặc nhiều điều kiện khi xuất khẩu, kể cả trường hợp có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế. Ví dụ, trợ cấp được cấp theo giá trị hoặc tỷ lệ xuất khẩu, trợ cấp cho chi phí nguyên vật liệu để xuất khẩu, ưu đãi/ thuế hoàn lại được cấp nếu có hoạt động xuất khẩu.

+ Trợ cấp khuyến khích tiêu dùng sản phẩm trong nước: nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào phụ thuộc vào việc sử dụng hàng hóa trong nước thay vì hàng nhập khẩu, dù chỉ là một hoặc một trong một số điều kiện khác.

Ngoài ra, theo chú thích 4 trong Hiệp định SCM giải thích thêm cho lời văn về việc trợ cấp bị coi là tồn tại khi “có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế” đối với hoạt động xuất khẩu như sau: “Tiêu chí này có nghĩa là cho dù không có quy định pháp luật rằng chính phủ sẽ cấp trợ cấp nếu bên nhận trợ cấp đạt được kết quả xuất khẩu nhất định, nhưng trên thực tế trợ cấp vẫn được cấp gắn với tình hình xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu ở hiện tại hoặc trong tương

lai. Việc cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu không vì thế mà lập tức bị coi là trợ cấp xuất khẩu hiểu theo nghĩa của Điều này.”

Như vậy, khoản trợ cấp dành cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm sẽ không thuộc khoản trợ cấp bị cấm, nếu khoản trợ cấp đó không ràng buộc hoặc phụ thuộc vào xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu, và thỏa mãn các điều kiện khác của Hiệp định SCM. Quan điểm này đã được thảo luận và lưu ý trong quá trình đàm phán WTO giữa Việt Nam và các thành viên khác về các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất mà Việt Nam khẳng định rằng các ưu đãi đó sẽ phù hợp với WTO, tức là các ưu đãi sẽ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hóa.

- Về trợ cấp có thể bị khiếu kiện, theo điều 5 của Hiệp định SCM, trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng) là việc một Thành viên thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, cụ thể:

+ Gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một Thành viên khác;

+ Làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994, đặc biệt là những quyền lợi có được từ những cam kết theo Điều 2 của Hiệp định GATT 1994.

+ Gây tổn hại nghiêm trọng tới quyền lợi của một Thành viên khác. Trong trường hợp này, quốc gia khiếu nại phải chứng minh rằng trợ cấp do quốc gia thành viên khác cung cấp có ảnh hưởng xấu đến lợi ích của quốc gia đó.

Việc xác định thiệt hại có thể tại quốc gia nhập khẩu, hoặc các nhà xuất khẩu đối thủ từ một quốc gia khác khi cả hai cạnh tranh ở thị trường thứ ba, hoặc tại quốc gia cấp trợ cấp khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài mất lợi thế cạnh tranh.

Thông thường, trợ cấp đèn vàng sẽ được đưa ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để phán quyết. Nếu Cơ quan giải quyết tranh chấp quy định rằng trợ cấp có tác động bất lợi, trợ cấp đó phải được thu hồi hoặc ảnh hưởng bất lợi của nó phải được loại bỏ. Hầu hết các khoản trợ cấp, chẳng hạn như trợ cấp sản xuất, thuộc loại "có thể đối kháng". Việc tạo ra một hệ thống các biện pháp khắc phục đa phương cho phép các Thành viên đặt câu hỏi cho các khoản trợ cấp làm phát sinh các tác động bất lợi thể hiện một bước tiến lớn so với cơ chế trước đây của WTO. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hiện nay vẫn bị các nước thành viên chỉ trích là thiếu hiệu quả và vẫn tồn tại những khó khăn trong hầu hết các trường hợp đối với Thành viên khiếu nại để chứng minh các tác động thương mại bất lợi phát sinh từ trợ cấp.

- Nghĩa vụ thông báo về trợ cấp:

Điều 25 của Hiệp định SCM yêu cầu các Thành viên thông báo về mọi khoản trợ cấp cụ thể (ở tất cả các cấp chính quyền và bao gồm tất cả các lĩnh vực hàng hóa, bao gồm cả nông nghiệp) cho Ủy ban SCM, và thông báo các biện pháp đối kháng được triển khai, thường là định kỳ nửa năm hoặc hàng năm. Các thông báo này là chủ đề được Ủy ban SCM xem xét và thảo luận.

Theo báo cáo của Ủy ban trợ cấp và Các biện pháp đối kháng về Chương trình trợ cấp của Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2020, Việt Nam đã đệ trình một thông báo mới và đầy đủ theo điều XVI của GATT 1994 và điều 25 của Hiệp định SCM. Trong báo cáo này, tất cả các khoản trợ cấp hiện có ở Việt Nam (bao gồm ưu đãi thuế suất TNDN, miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền thuê đất, ... cho các dự án đầu tư vào các lĩnh vực/địa điểm ưu đãi, thuế suất ưu đãi cho các dự án năng lượng mặt trời/gió, v.v.) đều đã được báo cáo. Theo báo cáo này, không có trợ cấp nào có tác động đến thương mại tức là các khoản trợ cấp này được phép theo WTO.

Ngoài ra, một số yếu tố nên xem xét là hiện tại thực tế thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO đang chưa có (chưa có tổ chức tài phán giải quyết), các nước xuất khẩu chính của VN đối với các sản phẩm sản xuất như Hoa Kỳ, EU... tuy nhiên các quốc gia này không sản xuất nên rất khó để chứng minh bị thiệt hại, do đó cũng khó có căn cứ để đánh thuế đối kháng.

Tại Hoa Kỳ có áp dụng các ưu đãi hỗ trợ cho sản xuất đối với các dự án chiến lược như ưu đãi bằng tiền mặt cho sản xuất pin xe điện ... cũng không thuộc đối tượng phải áp thuế đối kháng.

### (3) Kết luận

Trên cơ sở các thông tin và phân tích nêu trên, các cơ chế trợ cấp dựa trên chi phí không thuộc loại trợ cấp bị cấm, nếu trợ cấp này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu và các công ty bán hàng trong nước) và nó không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không bị coi là có “tính riêng biệt” và không phải là trợ cấp xuất khẩu). Các nước thành viên WTO khác có thể xem xét lại các khoản trợ cấp mà một quốc gia đưa ra để xác định xem khoản trợ cấp đó có tạo ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến lợi ích của họ hay không. Tuy nhiên, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển hoặc vốn đầu tư không gây tổn hại nghiêm trọng cho các nước thành viên khác.

#### c) Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

(1) Các hình thức hỗ trợ như đề xuất không nêu đích danh doanh nghiệp được hưởng. Thay vào đó, chính sách chỉ đặt ra các tiêu chí, và trong trường hợp bất kỳ doanh nghiệp nào đạt được các tiêu chí này, thì doanh nghiệp đó cũng sẽ được hưởng hỗ trợ. Do đó, không vi phạm phân biệt đối xử trong phạm vi bảo hộ đầu tư theo thỏa thuận của các FTA.

(2) Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể, hoặc loại sản phẩm cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

#### 2.3. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước

(1) Các giải pháp đề xuất chỉ liên quan đến xác định đối tượng, hình thức và cách thức hỗ trợ đầu tư. Vì vậy, các mức chi hỗ trợ đầu tư sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn liên quan.

(2) Ngân sách Nhà nước trước hết sẽ thu thêm được khoản thuế bổ sung khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Nguồn thu bổ sung này dự kiến sẽ được sử dụng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đầu tư.

(3) Trong bối cảnh chính sách được xây dựng để hướng tới một nhóm nhỏ các doanh nghiệp, những nội dung chính sách được đề xuất sẽ không làm phát sinh thêm bộ máy tổ chức thực hiện. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng nguồn lực, nhân lực hiện có thể tận dụng nguồn lực hiện tại để triển khai thi hành các nhiệm vụ được giao, không ảnh hưởng lớn đến khối lượng công việc thường xuyên vì vậy có thể cho rằng không phát sinh thêm nhiều chi phí thực hiện và không ảnh hưởng nhiều đến ngân sách.

#### *2.4. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính*

(1) Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao, dự án quy mô lớn, dự án ứng dụng công nghệ cao là những đối tượng hiện nay đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên việc đánh giá và chọn lọc đối tượng có thể tận dụng thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể, thủ tục xác nhận Doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao là thủ tục đã có sẵn theo quy định hiện hành của Luật công nghệ cao. Doanh nghiệp có thể tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về quy mô vốn, tiến độ giải ngân của dự án và các chi phí R&D, vì vậy không phát sinh các thủ tục xác nhận về đối tượng.

(2) Về thủ tục hỗ trợ, các điều kiện tương ứng với mức hỗ trợ sẽ được quy định sau tại các văn bản hướng dẫn có liên quan. Do đó, đối với các giải pháp đề xuất hiện nay sẽ không phát sinh các thủ tục hành chính tại thời điểm này.

#### *2.5. Đánh giá tác động về hệ thống luật pháp chính sách*

Các giải pháp đề xuất có bổ sung, sửa đổi một số quy định tại Luật Đầu tư và Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

Hình thức hỗ trợ đầu tư gồm 04 loại: (i) hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; (iii) hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và hệ thống công trình hạ tầng xã hội; (iv) hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; trong đó hình thức (i) và (ii) đã được quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư; còn hình thức (iii) và (iv) là hình thức mới bổ sung.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được căn trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam. Chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

#### *2.6. Đánh giá tác động về vấn đề giới: không có.*

### **VII. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao.



- Đánh giá sự hiệu quả và tính cạnh tranh của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành để đề xuất, xây dựng các giải pháp thu hút đầu tư mới nhằm tăng cường sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong thời gian sớm nhất.

2. Giao Bộ Tài chính trao đổi với OECD về: (i) cách thức xác định đối tượng thuộc Trụ cột 2; (ii) rà soát, hoàn thiện các thuật ngữ kỹ thuật tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu để phù hợp với quy tắc của OECD.

### **VIII. Lộ trình thực hiện**

Trong năm 2023, Chính phủ trình Quốc hội thông qua văn bản của Quốc hội (*Nghị quyết*) về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (*tháng 10 năm 2023*) để triển khai thực hiện từ ngày 01/01/2024 ./.

---